BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

Số: 360/TY-TS

V/v cung cấp thông tin về những thay đổi trong quy định nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản của một số nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Kính gửi:
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thú y/Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Thú y vùng I, II, III, IV, VI và VII;
- Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản (VASEP);
- Các cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy sản và các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản.

Thời gian vừa qua, các thị trường nhập khẩu liên tục đưa ra các yêu cầu kỹ thuật về an toàn dịch bệnh hoặc phải được lấy mẫu xét nghiệm bệnh đối với các mặt hàng thủy sản của Việt Nam. Để giúp các đơn vị nắm được các yêu cầu, có định hướng và chủ động trong sản xuất nhằm có được các sản phẩm phù hợp với yêu cầu các thị trường nhập khẩu thủy sản, Cục Thú y tóm tắt và cung cấp thông tin về những thay đổi trong quy định nhập khẩu thủy sản của một số nước đã có thông báo cho Việt Nam và đề nghị các đơn vị thực hiện cụ thể như sau:

I. Quy định chung của quốc tế và của các nước

1. Quy định của các tổ chức quốc tế

a) Quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)

- Khoản 1 Điều 2 của Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (gọi tắt là Hiệp định SPS) quy định: Các nước thành viên có quyền sử dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ của con người, động vật và thực vật với điều kiện các biện pháp đó không trái với các điều khoản của Hiệp định này.

- Mục 3, Phụ lục A của Hiệp định SPS nêu các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế đối với sức khoẻ động vật: Đó là các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị được xây dựng dưới sự bảo trợ của Tổ chức Thú y thế giới (OIE).

b) Quy định của Tổ chức Thú y thế giới (OIE)

- Điều 5.3.1 Chương V (các biện pháp thương mại, quy trình xuất khẩu, nhập khẩu và chứng nhận kiểm dịch) quy định Hiệp định SPS công nhận OIE là tổ chức quốc tế chịu trách nhiệm về xây dựng, thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn

thú y, các hướng dẫn và các khuyến cáo có ảnh hưởng đến buôn bán động vật sống, sản phẩm động vật, bao gồm cả thủy sản và các sản phẩm của chúng.

- Điều 5.1.1 Chương V quy định về trách nhiệm của nước xuất khẩu, cụ thể: "*Nước xuất khẩu khi được yêu cầu phải cung cấp cho nước nhập khẩu thông tin về tình hình sức khỏe động vật thủy sản và hệ thống thông tin thú y thủy sản quốc gia để xác định xem nước đó có sạch bệnh hoặc có vùng hoặc có cơ sở sạch bệnh đối với các bệnh do OIE liệt kê và cách thức để đạt được tình trạng sạch bệnh đó, ví dụ như lịch sử không có bệnh, không có loài cảm nhiễm hoặc giám sát có chủ đích, bao gồm cả các quy định và quy trình thủ tục đang áp dụng để duy trì tình trạng sạch bệnh*" và các quy định khác về dịch bệnh.

Bản dịch không chính thức các quy định về quyền và nghĩa vụ của nước thành viên trong thương mại quốc tế của OIE (Phụ lục 1) và các quy định về xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh của OIE (Phụ lục 2).

2. Quy định của một số nước đã thông báo cho Việt Nam

a) Thị trường Úc

Theo quy định pháp luật hiện hành của Úc, tôm được phép nhập khẩu vào Úc theo các dạng được tóm tắt như sau (chi tiết tại Phục lục 3):

*** Đối với tôm chưa qua nấu chín:**

- Tất cả tôm và các sản phẩm của tôm phải có nguồn gốc từ quốc gia, vùng lãnh thổ được Cơ quan có thẩm quyền của Úc công nhận là sạch các bệnh: Đốm trắng, Đầu vàng, Taura và Hoại tử gan tụy do vi khuẩn. Ngoài ra, do bệnh hoại tử gan tụy cấp tính mới được đưa vào danh mục báo cáo bệnh của OIE, nên cơ quan có thẩm quyền của Úc cũng đã thông báo bệnh này sẽ thuộc đối tượng phải áp dụng quy định trên.

- Hoặc tôm phải được bỏ đầu, bỏ vỏ và tẩm ướp, chế biến theo các quy trình đã được cơ quan có thẩm quyền của Úc chấp nhận để sử dụng làm thực phẩm cho người.

- Hoặc tôm phải được bỏ đầu, bỏ vỏ, đông lạnh trước khi xuất sang Úc và phải được lấy mẫu từng lô hàng khi đến Úc để xét nghiệm khẳng định không có mầm bệnh đốm trắng và đầu vàng.

Tất cả các loại tôm, sản phẩm tôm chưa qua nấu chín phải được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu xác nhận là phù hợp làm thực phẩm cho người; đã được chế biến, kiểm tra và phân loại tại các nhà máy đã được kiểm soát và phải không có dấu hiệu lâm sàng của bệnh truyền nhiễm.

Đối với tôm đã được bỏ đầu, bỏ vỏ và tẩm ướp theo các quy trình đã được cơ quan có thẩm quyền của Úc chấp nhận khi xuất khẩu sang Úc sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Úc kiểm tra ngẫu nhiên.

*** Đối với tôm đã nấu chín:** Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu phải xác nhận là tôm và các sản phẩm tôm đã nấu chín phù hợp để làm thực phẩm cho người; tôm và sản phẩm tôm phải được nấu chín tại các nhà máy đã

được phê duyệt và dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu để bảo đảm thời gian và nhiệt độ nấu chín là phù hợp, không còn thành phần chưa nấu chín lẫn vào các sản phẩm.

*** Lệnh tạm dừng nhập khẩu tôm chưa nấu chín của Chính phủ Úc**

- Ngày 06/01/2017, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước của Úc đã gửi thư cho Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường thông báo về việc tạm dừng nhập khẩu tôm chưa qua chế biến chín vào thị trường Úc từ các nước có xuất hiện bệnh đốm trắng trên tôm (trong đó có Việt Nam) với lý do phát hiện vi rút gây bệnh đốm trắng tại các trang trại nuôi tôm của Úc. Thời hạn của Lệnh tạm dừng có thể kéo dài dự kiến trong vòng 06 tháng đến 01 năm kể từ ngày 09/01/2017.

- Kể từ khi nhận được thư của Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước của Úc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã tổ chức 05 cuộc họp với Đại sứ, Tham tán Nông nghiệp của Đại sứ quán Úc tại Hà Nội, đồng thời gửi 06 thư đến các cơ quan có thẩm quyền của Úc đề nghị Chính phủ Úc tạo mọi điều kiện sớm cho phép nhập khẩu trở lại các mặt hàng tôm chưa qua nấu chín của Việt Nam theo đúng thông lệ quốc tế trong quan hệ thương mại đối trọng có đi có lại giữa Việt Nam và Úc.

- Từ năm 2013 - 2016, cơ quan có thẩm quyền của Úc phát hiện 213 lô tôm chưa qua nấu chín của 30 doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng yêu cầu do phát hiện tác nhân gây bệnh đốm trắng và bệnh đầu vàng. Hiện nay, cơ quan có thẩm quyền của Úc đang rà soát lại các biện pháp quản lý an ninh sinh học để có các giải pháp sẽ được áp dụng trong tương lai nhằm bảo đảm các sản phẩm nhập khẩu vào Úc sau này không có hoặc có nguy cơ thấp nhất mang các loại mầm bệnh xâm nhiễm vào Úc.

- Theo số liệu thống kê của VASEP, từ năm 2014 - 2016, Úc đã nhập khẩu tôm và các sản phẩm tôm từ Việt Nam như sau:

+ Năm 2014, Úc nhập khẩu tôm và các sản phẩm tôm từ Việt Nam có tổng giá trị là 151.383.884 USD (tổng giá trị xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang Úc đạt trên 231 triệu USD, tăng khoảng 24% so với cùng kỳ năm 2013). Trong đó tôm chưa qua chế biến là 51.023.449 USD (chiếm 33,70%).

+ Năm 2015, Úc nhập khẩu tôm và các sản phẩm tôm từ Việt Nam có tổng giá trị là 113.017.306 USD, giảm 25,34% so với năm 2014. Trong đó tôm chưa qua chế biến là 41.744.654 USD (chiếm 39,94%).

+ Năm 2016, Úc nhập khẩu tôm và các sản phẩm tôm từ Việt Nam có tổng giá trị là 107.363.851 USD, giảm 5,00% so với năm 2015 và giảm 29.08% so với năm 2014. Trong đó tôm chưa qua chế biến là 17.075.890 USD (chiếm 18,13%).

Như vậy, mặc dù sản lượng xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Úc không phải là quá lớn, nhưng việc áp dụng Lệnh tạm dừng nhập khẩu có nguy ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu tôm và sản phẩm tôm xuất khẩu của Việt Nam

sang các thị trường khác trên thế giới, gây thiệt hại lớn cho người nuôi tôm và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tôm của Việt Nam vốn hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn.

b) Thị trường Hàn Quốc

- Ngày 10/01/2017, Cục Quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản quốc gia thuộc Bộ Thủy sản Hàn Quốc đã có văn bản thông báo về việc sửa đổi Điều 25 và Điều 28 của Luật kiểm soát bệnh thủy sản của Hàn Quốc (Phụ lục 4); trong đó có nội dung liên quan đến hoạt động xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam vào Hàn Quốc, cụ thể: Tất cả các loại thủy sản nuôi và hoang dã khi nhập khẩu vào Hàn Quốc phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch do Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp, bao gồm cả tôm đông lạnh và ướp lạnh ngoại trừ tôm bóc vỏ, bỏ đầu; hàu, nhuyễn thể đông lạnh, kể cả hàng xách tay. Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc sẽ lấy mẫu ngẫu nhiên các lô hàng thủy sản (thông qua hệ thống tự động truy xuất thông tin nhập khẩu) để xét nghiệm các loại mầm bệnh theo quy định của OIE (bao gồm các bệnh: Đốm trắng, đầu vàng, Taura, hoại tử cơ, hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 09/4/2017 và hiện Hàn Quốc đang xây dựng và sớm ban hành các văn bản quy định chi tiết (Cục Thú y sẽ cập nhật khi nhận được các quy định mới của Hàn Quốc). Trường hợp không muốn bị lấy mẫu xét nghiệm thì thủy sản, sản phẩm thủy sản phải có nguồn gốc từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của OIE và được Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc sang thẩm định và chứng nhận.

- Theo số liệu thống kê của VASEP, năm 2016 giá trị thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt trên 600 triệu USD (trong đó giá trị tôm và các sản phẩm tôm đạt gần 300 triệu USD). Như vậy, khả năng Hàn Quốc yêu cầu lấy mẫu xét nghiệm các loại mầm bệnh theo quy định của OIE sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ đến việc xuất khẩu tôm nói riêng và thủy sản nói chung của Việt Nam.

c) Thị trường Trung Quốc

- Năm 2015, theo thông tin do Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Công văn số 601/QLCL-CL1 ngày 09/3/2015) nhận được Công hàm số TCO 085 ngày 12/02/2015 của Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc thông báo về việc Tổng cục Giám sát chất lượng, Kiểm nghiệm và Kiểm dịch Trung Quốc (AQSIQ) tạm ngừng nhập khẩu tôm sú từ Việt Nam do phát hiện 46 lô hàng tôm sú sống của Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc nhiễm các loại vi rút gây bệnh còi (MBV), bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu (IHHNV), bệnh đốm trắng (WSSV) và hội chứng Taura (TSV); đồng thời phía Trung Quốc đã yêu cầu Việt Nam cung cấp các thông tin, văn bản và bằng chứng về hệ thống kiểm soát dịch bệnh thủy sản của Việt Nam để làm cơ sở đánh giá năng lực và xem xét cho phép nhập khẩu trở lại các mặt hàng tôm sú sống.

- Tuy nhiên, vào tháng 5/2016, AQSIQ đã thông báo tạm ngừng nhập khẩu tôm sú sống từ các công ty của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc với lý do liên tục phát hiện có IHHNV trong các lô tôm của Việt Nam.

- Ngày 23/11/2016, trên cơ sở kết quả của Đoàn công tác của AQSIQ sang Việt Nam thanh tra, kiểm tra vào tháng 5/2016; đồng thời dựa trên các tài liệu, số liệu và thông tin về dịch bệnh, kế hoạch kiểm soát và giám sát dịch bệnh của Việt Nam cung cấp, Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc đã Công văn số TCO 971 cho biết AQSIQ đã đồng ý khôi phục trở lại việc nhập khẩu tôm sú sống của các cơ sở có số đăng ký SG/003/NL và 79-003-DG. Tuy nhiên, AQSIQ cho biết sẽ áp dụng biện pháp giám sát, lấy mẫu xét nghiệm với tỷ lệ 30% trên mỗi lô hàng; các công ty khác thực hiện các biện pháp giám sát thông thường theo quy định.

Như vậy, yêu cầu của Trung Quốc đối với việc giám sát và lấy mẫu xét nghiệm các loại mầm bệnh trên tôm sú sống vẫn tiếp tục được thực hiện trong tương lai. Trong khi đó, năm 2016, giá trị xuất khẩu tôm sú sống của Việt Nam sang Trung Quốc là khoảng trên 250 triệu USD (trong tổng số giá trị xuất khẩu tôm là khoảng 350 triệu USD).

d) Đối với thị trường Ả rập Xê-út

- Ngày 16/3/2016, Đại sứ quán Việt Nam nhận được Công hàm của Bộ Ngoại giao Ả rập Xê-út thông báo về việc tạm thời không thông quan các công hàng tôm tươi, tôm đã được làm lạnh hoặc đông lạnh có nguồn gốc từ Việt Nam (do sự xuất hiện bệnh đốm trắng ở tôm có xuất xứ Việt Nam), cho tới khi các điều kiện y tế được đảm bảo, ngoại trừ các trường hợp:

+ Các loại hàng đã được bỏ đầu và vỏ (trừ phần cuối có đuôi tôm) và phải kiểm tra toàn bộ công hàng qua cảm quan và xét nghiệm.

+ Các sản phẩm đã được chế biến cho người tiêu dùng trực tiếp (như đã được tẩm ướp và chế biến để nướng, rán hoặc theo các cách nấu khác).

+ Các sản phẩm đã được xử lý nhiệt để đảm bảo không còn vi rút theo cách thức được quy định tại Điều 9, 6, 3 của Luật OIE.

- Ngày 31/3/2016, Cục Thú y đã có văn bản gửi Trưởng Cơ quan Thú y của Ả rập Xê-út đề nghị xem xét lại Lệnh tạm dừng nhập khẩu và cho phép các doanh nghiệp của Việt Nam tiếp tục xuất khẩu tôm, sản phẩm tôm theo đúng quy định của OIE. Đồng thời, Cục Thú y đã phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương và Đại sứ quán Việt Nam tại Ả rập Xê-út đề nghị gỡ bỏ Lệnh cấm nhập khẩu tôm từ Việt Nam; Cục Thú y cũng đã cung cấp toàn bộ hồ sơ, văn bản, số liệu và thông tin để chứng minh cho phía Ả rập xê-út rằng Chính phủ Việt Nam đã và đang áp dụng đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh; việc cấm của Ả rập xê-út là không hợp lý.

- Ngày 26/02/2017, Đại sứ quán Việt Nam tại Ả rập Xê-út nhận được công hàm của Bộ Ngoại giao Ả rập Xê-út chuyển ý kiến của Bộ Môi trường, Nguồn nước và Nông nghiệp Ả rập Xê-út đối với đề nghị dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tạm thời đối với tôm đông lạnh và các mặt hàng tôm đến từ Việt Nam, cụ thể: Theo thông báo của OIE, Việt Nam nằm trong danh sách các nước có một số bệnh buộc phải thông báo với OIE. Do vậy, Ả rập Xê-út đưa ra các yêu cầu cần thiết đối với việc nhập các mặt hàng thủy, hải sản đến từ các nước trong danh sách trên, trong đó có Việt Nam nhằm đảm bảo an toàn đối với ngành sản

xuất và nuôi tôm tại của Ả rập Xê-út trước nguy cơ các bệnh lây lan từ nước ngoài. Để dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tạm thời, Việt Nam cần có (1) Chứng chỉ chứng nhận các mặt hàng thủy, hải sản không chứa mầm bệnh AHPND, WSSV, IHHNV, TSV, YHV,…kèm theo các kết quả xét nghiệm cho thấy không có các loại mầm bệnh này; (2) Chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

d) Thị trường Bra-xin

- Đối với xuất khẩu cá tra và sản phẩm cá tra từ Việt Nam

Theo quy định của Bra-xin, để nhập khẩu các sản phẩm cá tra, Bộ Thủy sản và Nuôi trồng thủy sản của Bra-xin (MPA) đã sang Việt Nam đánh giá hệ thống kiểm soát dịch bệnh trên cá tra và cơ sở nuôi cá tra trong thời gian từ 04-15/3/2013. Sau đó, MPA đã yêu cầu Việt Nam phải xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm soát và dập tắt các bệnh do *Edwardsiella* spp., *Flavobacterium* spp., *Aeromonas* spp. và *Streptoccus* spp. tại các trại sản xuất, ương và nuôi cá tra.

Để chủ động ứng phó với các yêu cầu của Bra-xin, ngày 20/11/2014 Cục Thú y đã tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 4995/QĐ-BNN-TY phê duyệt "Kế hoạch quốc gia phòng, chống dịch bệnh trên cá tra giai đoạn 2015-2020". Đồng thời, bằng nhiều hình thức đấu tranh khác nhau của Cục Thú y, ngày 27/3/2016, MPA đã hủy bỏ lệnh cấm nhập khẩu cá tra, sản phẩm cá tra từ Việt Nam.

- Đối với xuất khẩu tôm và các sản phẩm từ Việt Nam

Ngày 02/11/2016, Trưởng Cơ quan Thú y của Bra-xin đã có thư kèm theo Bộ câu hỏi (dài 12 trang) đề nghị Cục Thú y Việt Nam cung cấp các thông tin, dữ liệu, văn bản để chứng minh về tình hình dịch bệnh thủy sản, năng lực hệ thống thú y thủy sản, nhất là năng lực kiểm soát, giám sát dịch bệnh thủy sản để làm cơ sở xem xét cho phép nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam. Ngoài cá tra đã được xuất khẩu trở lại như đã nêu trên, có thể thấy tiềm năng nhập khẩu thủy sản, trong đó có tôm từ Việt Nam của thị trường Bra-xin là rất cao. Do đó, Cục Thú y đã phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị và cung cấp các văn bản, số liệu, thông tin theo yêu cầu của phía Bra-xin để đề nghị Cơ quan Thú y có thẩm quyền của nước này xem xét, sớm cho phép nhập khẩu tôm, sản phẩm tôm từ Việt Nam (hiện nay Bra-xin chưa nhập khẩu tôm từ Việt Nam).

đ) Thị trường Mê-hi-cô (Mexico)

- Tháng 7/2013, Tổng cục Quản lý vệ sinh và An toàn chất lượng thực phẩm quốc gia Mê-hi-cô (SENASICA) đã có văn bản thông báo tạm ngừng nhập khẩu sản phẩm giáp xác tươi, sống, khô, ướp lạnh, đông lạnh từ Việt Nam với lý do tác nhân gây hội chứng hoại tử gan tụy cấp tính (EMS/AHPNS) trên tôm là một rủi ro lớn đối với tôm nuôi tại Mê-hi-cô.

- Ngày 10/01/2017, thông qua Đại sứ quán Mê-hi-cô tại Hà Nội, SENASICA đã có thông báo: Theo quy định của Mê-hi-cô, để được phép xuất khẩu giáp xác (bao gồm tôm) vào nước này, nước xuất khẩu phải chứng minh hệ thống kiểm soát thú y phù hợp với quy định của Mê-hi-cô và yêu cầu Việt Nam

trả lời bộ câu hỏi (dài 18 trang) liên quan đến hệ thống kiểm soát thú y đối với động vật thủy sản nói chung và sản phẩm giáp xác nói riêng. Cục Thú y đã phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị và cung cấp các văn bản, số liệu, thông tin theo yêu cầu để SENASICA xem xét, đánh giá tương đương.

Ngoài ra, còn một số thị trường khác cũng đưa ra yêu cầu phải đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh như Liên bang Nga, Armenia,...

II. Chủ động ứng phó với yêu cầu của các thị trường nhập khẩu

Có thể thấy, để bảo hộ sản xuất trong nước, ngày càng có nhiều thị trường nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản từ Việt Nam đưa ra các rào cản kỹ thuật và yêu cầu khắt khe về an toàn dịch bệnh, giám sát dịch bệnh hoặc lấy mẫu xét nghiệm mầm bệnh. Do đó, để chủ động đối phó, trước mắt là nắm rõ các quy định của quốc tế (OIE và WTO/SPS) và của các nước, từ đó có kế hoạch xây dựng lộ trình và kế hoạch sản xuất phù hợp, nhằm có được các sản phẩm đáp ứng yêu cầu các thị trường nhập khẩu thủy sản, Cục Thú y đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

1. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thú y/Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tổ chức nghiên cứu kỹ các quy định của quốc tế (OIE, WTO/SPS) và quy định của các nước để thực hiện:

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí kinh phí và chỉ đạo tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh để tạo ra các vùng có nguy cơ thấp về dịch bệnh trên tôm; xây dựng các cơ sở có chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14); Quyết định số 4088/QĐ-BNN-TY ngày 07/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch giám sát chuỗi sản xuất tôm bảo đảm an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu; và các theo hướng dẫn của Cục Thú y.

- Xây dựng lộ trình, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ sở sản xuất tôm giống xây dựng và đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14; trước mắt trong năm 2017, lựa chọn ít nhất 10% số cơ sở sản xuất tôm giống có quy mô sản xuất mỗi năm trên 01 (một) tỷ post đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu tôm phối hợp với các cơ sở nuôi tôm thương phẩm xuất khẩu để xây dựng chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14 và quy định của OIE.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương tăng cường năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về thú y thủy sản để đáp ứng yêu cầu xây dựng chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh; yêu cầu của các đoàn thanh tra nước nhập khẩu tôm sang kiểm tra, thanh tra về điều kiện sản xuất, năng lực quản lý nhà nước về

thú y thủy sản; tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí kinh phí để triển khai kế hoạch giám sát chủ động để cảnh báo dịch bệnh, làm cơ sở chứng minh vùng nguy cơ thấp về dịch bệnh (vùng đệm) của các cơ sở có chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh; đầu tư nâng cấp năng lực phòng thử nghiệm để đạt chuẩn và được chỉ định theo quy định hiện hành để chủ động trong việc xét nghiệm các mẫu giám sát của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông của địa phương để tổ chức thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người nuôi tôm về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; các quy định và kế hoạch tổ chức xây dựng chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu.

2. Các Cơ quan Thú y vùng

- Hướng dẫn các địa phương và các doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của các nước nhập khẩu, nhất là yêu cầu về vệ sinh thú y và an toàn dịch bệnh.

- Tiếp tục rà soát năng lực các phòng thử nghiệm để có cơ sở báo cáo Bộ cho phép đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu xét nghiệm tôm trước khi xuất khẩu sang Úc và các thị trường khác có yêu cầu.

- Hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Quyết định số 4088/QĐ-BNN-TY nêu trên.

3. Đối với Hiệp hội VASEP và các hiệp hội có liên quan

- Thông báo các thông tin nêu trên, cũng như thường xuyên cập nhật thông tin về yêu cầu của các thị trường và đề nghị các hội viên chủ động tổ chức thực hiện theo hướng phát triển bền vững nhằm đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

- Vận động các doanh nghiệp hội viên có năng lực chủ động đi tiên phong trong việc xây dựng chuỗi để phục vụ xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu về an toàn dịch bệnh. Tóm tắt các bước xây dựng chuỗi sản xuất an toàn dịch bệnh theo hướng dẫn tại Phụ lục 5.

- Định kỳ hằng tháng, cập nhật và chia sẻ thông tin về khó khăn của các doanh nghiệp khi xuất khẩu thủy sản đi các thị trường cho Cục Thú y để kịp thời hỗ trợ.

4. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản

- Nghiên cứu kỹ các quy định của quốc tế (OIE, WTO/SPS) và quy định của các nước mà doanh nghiệp dự kiến xuất khẩu sang để phối hợp với các vùng nuôi tôm nguyên liệu ký kết hợp đồng tiêu thụ nguyên liệu và xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển sản xuất phù hợp với yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh của các nước nhập khẩu.

- Phối hợp và hỗ trợ vùng nuôi, cơ sở nuôi thực hiện lộ trình xây dựng chuỗi sản xuất thủy sản (trước mắt là tôm, cá tra) an toàn dịch bệnh để xuất khẩu

sang các thị trường có yêu cầu về an toàn dịch bệnh. Tóm tắt các bước xây dựng chuỗi sản xuất an toàn dịch bệnh theo hướng dẫn tại Phụ lục 5.

- Chủ động liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y của địa phương hoặc Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để có được hướng dẫn phù hợp và hiệu quả nhất. Thông tin liên lạc của các Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y (Phụ lục 6).

Các phụ lục được đăng tải trên trang web của Cục Thú y tại địa chỉ: http://www.cucthuy.gov.vn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sự hỗ trợ về kỹ thuật, đề nghị thông báo về Cục Thú y để giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Văn Tám (để b/c);
- Tổng cục Thủy sản;
- Cục QLCL NLS&TS;
- Cục Chế biến và PTTT Nông sản;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan;
- Lưu: VT, TS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THÚ Y

Dương Tiến Thể

Phụ lục 1

QUY ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC THÚ Y THẾ GIỚI (OIE)

(Ban hành kèm theo Công văn số 360/TY-TS ngày 03/3/2017 của Cục Thú y)

LUẬT THÚ Y THỦY SẢN

PHẦN 5. CÁC BIỆN PHÁP ÁP DỤNG TRONG THƯƠNG MẠI, QUY TRÌNH NHẬP KHẨU/XUẤT KHẨU VÀ CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Chương 5.1. Trách nhiệm chung về chứng nhận kiểm dịch

Điều 5.1.1.

Tổng hợp nhiều yếu tố cần phải được xem xét nhằm thúc đẩy thương mại quốc tế đối với động vật và sản phẩm động vật thủy sản mà không tạo ra những rủi ro không thể chấp nhận cho sức khỏe con người và động vật thủy sản.

Do có sự khác biệt về tình trạng thú y thủy sản của các nước, Luật Thú y thủy sản của OIE đã đưa ra những phương án lựa chọn khác nhau. Tình trạng thú y thủy sản của các nước xuất khẩu, các nước quá cảnh và nước nhập khẩu cần phải được xem xét kỹ trước khi có quyết định về những yêu cầu đối với thương mại. Để tối đa sự hoài hòa các khía cạnh về thú y thủy sản trong thương mại quốc tế, Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên OIE nên căn cứ các tiêu chuẩn của OIE để xây dựng các yêu cầu về nhập khẩu.

Những yêu cầu đó phải được đưa vào Giấy chứng nhận kiểm dịch và mẫu giấy này phải phù hợp với các mẫu Giấy giấy chứng nhận kiểm dịch quốc tế về thú y thủy sản được nêu tại Chương 5.11.

Giấy chứng nhận phải chính xác, ngắn gọn và phải nêu rõ những yêu cầu của nước nhập khẩu. Để đạt được điều đó, việc trao đổi ý kiến với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu và nước nhập khẩu có thể là cần thiết. Việc trao đổi ý kiến như vậy để xác định rõ những yêu cầu cần phải chứng nhận.

Giấy chứng nhận kiểm dịch phải được ban hành và ký bởi cán bộ kiểm dịch được cơ quan có thẩm quyền phân công để thực hiện kiểm tra, phê duyệt thông qua chữ ký và con dấu của cơ quan có thẩm quyền. Yêu cầu về chứng nhận kiểm dịch không được bao gồm các điều kiện về các bệnh mà các bệnh này không có nguy cơ lây lan bởi loại hàng hóa được kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch phải được ký theo các quy định tại Chương 5.2.

Khi các cán bộ của Cơ quan có thẩm quyền của một nước muốn sang một nước khác để nắm bắt các vấn đề về chuyên môn của Cơ quan có thẩm quyền

của nước xuất khẩu thì cần phải có một thư thông báo trước và phải được sự đồng ý, thống nhất của các Cơ quan có thẩm quyền hai nước.

Điều 5.1.2. Trách nhiệm của nước nhập khẩu

1. Yêu cầu nhập khẩu được nêu trong Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y thủy sản quốc tế phải đảm bảo rằng hàng hóa đem vào nước nhập khẩu phải tuân theo tiêu chuẩn của OIE. Nước nhập khẩu phải đề ra các yêu cầu của mình dựa trên khuyến nghị của OIE. Trường hợp không có khuyến nghị như vậy hoặc nếu nước nhập khẩu chọn mức độ bảo hộ với các yêu cầu và biện pháp nghiêm ngặt hơn so với các tiêu chuẩn của OIE thì những yêu cầu đó phải được xây dựng dựa trên phân tích rủi ro nhập khẩu.

2. Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y thủy sản quốc tế không nêu đưa ra yêu cầu loại bỏ tác nhân gây bệnh hoặc các bệnh thủy sản đang có tại nước nhập khẩu và các bệnh này không nằm trong chương trình kiểm soát chính thức nào của nước nhập khẩu. Các biện pháp áp dụng cho nhập khẩu nhằm quản lý rủi ro do một tác nhân gây bệnh hay bệnh thủy sản không được nghiêm ngặt hơn các biện pháp đã được áp dụng trong chương trình kiểm soát của nước nhập khẩu.

4. Các yêu cầu của nước nhập khẩu hay Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu và việc trao đổi thông tin về những yêu cầu nhập khẩu cho các cá nhân không thuộc Cơ quan thẩm quyền của nước khác thì bản sao của những tài liệu này cũng phải được gửi tới Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu. Đây là quy trình quan trọng nhằm tránh được sự trì hoãn và khó khăn có thể phát sinh giữa doanh nghiệp và các Cơ quan thẩm quyền, nhất là khi tính xác thực của Giấy chứng nhận kiểm dịch hay Giấy phép chưa được xác định.

Việc trao đổi những thông tin này thuộc trách nhiệm của Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu. Tuy nhiên, nó cũng có thể được thực hiện bởi Bác sĩ thú y tư nhân tại nơi có hàng hóa xuất phát khi mà hoạt động này được Cơ quan thẩm quyền phê chuẩn và ủy quyền.

5. Các tình huống có thể phát sinh do những thay đổi về người gửi hàng, việc xác định phương tiện vận chuyển hoặc các trạm kiểm dịch biên giới sau khi giấy chứng nhận đã được cấp. Nếu xác định được những thay đổi trên không ảnh hưởng gì tới sức khỏe động vật thủy sản hay sức khỏe cộng đồng thì Giấy chứng nhận kiểm dịch vẫn được chấp thuận.

Điều 5.1.3. Trách nhiệm của nước xuất khẩu

1. Nước xuất khẩu, khi được yêu cầu, phải cung cấp cho nước nhập khẩu:

a) Thông tin về tình hình sức khỏe động vật thủy sản và hệ thống thông tin thú y thủy sản quốc gia để xác định xem nước đó có sạch bệnh hoặc có vùng hoặc có cơ sở sạch bệnh đối với các bệnh do OIE liệt kê và cách thức để đạt được tình trạng sạch bệnh đó, ví dụ như lịch sử không có bệnh, không có loài cảm nhiễm hoặc giám sát có chủ đích, bao gồm cả các quy định và quy trình thủ tục đang áp dụng để duy trì tình trạng sạch bệnh;

b) Thông tin thường xuyên và đột xuất về sự xuất hiện bệnh thuộc danh mục;

c) Chi tiết về năng lực của quốc gia trong việc áp dụng các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa các bệnh trong danh mục;

d) Thông tin về tổ chức của Cơ quan thẩm quyền và thẩm quyền thực hiện;

e) Thông tin kỹ thuật, đặc biệt các xét nghiệm sinh học và vắc xin áp dụng trên cả hay từng phần của nước xuất khẩu.

2. Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu phải:

a) Có quy trình chính thức để ủy quyền cho cán bộ chứng nhận, quy định chức năng và nghĩa vụ cũng như điều kiện về giám sát và trách nhiệm giải trình, bao gồm việc tạm đình chỉ hay dừng cho phép chứng nhận;

b) Đảm bảo rằng cán bộ chứng nhận được hướng dẫn và tập huấn cần thiết;

c) Giám sát hoạt động của cán bộ chứng nhận nhằm xác minh tính thống nhất và công bằng của họ.

3. Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu chịu trách nhiệm cuối cùng đối với chứng nhận sử dụng trong thương mại quốc tế.

Điều 5.1.4. Trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan tới nhập khẩu

1. Thương mại quốc tế luôn luôn liên quan đến trách nhiệm đạo đức. Do đó, trong khoản thời gian thích hợp sau khi xuất khẩu hàng hóa, Cơ quan thẩm quyền nhận thấy có sự xuất hiện hay tái xuất hiện của một bệnh đã được mô tả chi tiết trong Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y thủy sản quốc tế hoặc bệnh khác có các đặc điểm dịch tễ quan trọng đối với nước nhập khẩu, Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có trách nhiệm phải thông báo cho nước nhập khẩu, để hàng hóa nhập khẩu phải được kiểm tra hay xét nghiệm và có hành động thích hợp hạn chế sự lây lan của bệnh nếu bệnh đó vô tình được mang vào nước nhập khẩu.

2. Nếu một bệnh xuất hiện trên động vật thủy sản trong một khoảng thời gian nhất định sau khi nhập khẩu thì Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu phải được thông báo để thực hiện điều tra, bởi vì đó có thể là thông tin đầu tiên về xuất hiện bệnh ở quần thể động vật thủy sản mà trước đó được xem là sạch bệnh. Cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu phải được thông báo kết quả điều tra vì có thể nguồn lây nhiễm không phải từ nước xuất khẩu.

3. Nếu một bệnh xuất hiện trên động vật thủy sản tại nước nhập khẩu và có liên quan tới việc nhập khẩu hàng hóa thì Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu phải được thông báo để thực hiện điều tra, bởi vì đó có thể là thông tin đầu

tiên về xuất hiện bệnh ở quần thể động vật thủy sản mà trước đó được xem là sạch bệnh.

4. Trong trường hợp có nghi ngờ, có căn cứ phù hợp cho rằng Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y thủy sản quốc tế có dấu hiệu gian lận thì Cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu và nước xuất khẩu phải tiến hành điều tra. Thông báo cho bất kỳ nước thứ ba có thể liên quan cũng cần phải được xem xét. Tất cả các lô hàng liên quan phải được lưu giữ dưới dự kiểm soát của cơ quan nhà nước, chờ đợi kết quả điều tra. Cơ quan thẩm quyền của tất cả các nước liên quan phải hợp tác chặt chẽ để điều tra. Nếu Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y thủy sản quốc tế bị phát hiện gian lận, cần phải xác định người phải chịu trách nhiệm để có biện pháp phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chương 5.2. Quy trình chứng nhận kiểm dịch

Điều 5.2.1.

Việc chứng nhận phải được dựa trên các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất có thể, mà điều quan trọng nhất là phải tôn trọng và bảo vệ tính thống nhất về chuyên môn của cán bộ chứng nhận.

Điều thiết yếu là một cán bộ chứng nhận chỉ xác nhận với nội dung chứng nhận một cách chính xác và trung thực. Lấy ví dụ, cán bộ chứng nhận không phải ký chứng nhận đối với vùng sạch những bệnh không phải khai báo tại nước đó hoặc sự xuất hiện những bệnh mà không cần thiết phải thông báo cho cán bộ chứng nhận. Việc yêu cầu chứng nhận cho những sự kiện xảy ra sau khi đã ký chứng nhận là điều không chấp nhận được khi những những sự kiện đó không thuộc kiểm soát và giám sát của cán bộ ký chứng nhận.

Điều 5.2.2. Cán bộ chứng nhận phải:

1. Được Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu chính thức cho phép để ký Chứng nhận thú y thủy sản quốc tế;

2. Chỉ được chứng nhận những vấn đề trong phạm vi kiến thức, chuyên môn của họ tại thời điểm ký chứng nhận hoặc là đã được chứng nhận riêng bởi một bên khác được Cơ quan thẩm quyền cho phép;

3. Chỉ được ký tại thời điểm phù hợp những nội dung đã được hoàn thành đầy đủ và chính xác; khi mà một chứng nhận được ký dựa trên các tài liệu hỗ trỡ thì cán bộ chứng nhận phải kiểm chứng hoặc sở hữu những tài liệu đó trước khi ký;

4. Không có mâu thuẫn quyền lợi về thương mại đối với động vật thủy sản hay sản phẩm thủy sản được chứng nhận và độc lập đối với các bên thương mại.

Điều 5.2.3. Chuẩn bị Chứng nhận thú y thủy sản quốc tế:

Chứng nhận phải được soạn thảo tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Chứng nhận phải được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ gian lận, làm giả, bao gồm sử dụng một số nhận diện duy nhất hoặc các biện pháp phù hợp khác

đảm bảo an ninh. Giấy chứng nhận phải có chữ ký của cán bộ chứng nhận và dấu của cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận. Từng trang của một giấy chứng nhận có nhiều trang phải có số duy nhất của giấy chứng nhận và đánh số trang trên tổng số trang. Quy trình cấp chứng nhận điện tử phải đảm bảo tương đương.

2. Ngôn ngữ của chứng nhận phải sử dụng những thuật ngữ đơn giản, ý nghĩa rõ ràng và dễ hiểu nhất có thể mà đảm bảo ý nghĩa pháp luật của chúng.

3. Nếu được yêu cầu, chứng nhận phải được viết bằng ngôn ngữ của nước nhập khẩu. Đồng thời, chứng nhận phải được viết bằng một ngôn ngữ mà cán bộ chứng nhận biết.

4. Chứng nhận phải có yêu cầu nhận diện động vật và sản phẩm động vật thủy sản trừ khi không khả thi (ví dụ trứng đã lên mắt - eyed eggs).

5. Cán bộ chứng nhận không được chứng nhận những nội dung ngoài phạm vi hiểu biết của mình hoặc những nội dung không chắc chắn và chưa kiểm chứng.

6. Trong trường hợp thích hợp, khi được trình cán bộ chứng nhận, thì chứng nhận phải được kèm theo chú thích hướng dẫn, trong đó chỉ ra phạm vi yêu cầu, xét nghiệm hay kiểm tra cần được thực hiện trước khi ký chứng nhận.

7. Nội dung của một giấy chứng nhận không được sửa chữa, trừ những chỗ bị xóa thì bên cạnh đó phải có chữ ký và đóng dấu do cán bộ chứng nhận thực hiện.

8. Màu của chữ ký và dấu phải khác màu in chứng nhận. Có thể dùng dấu nổi thay vì dùng màu khác.

9. Chỉ có chứng nhận gốc mới được nước nhập khẩu chấp nhận.

10. Chứng nhận thay thế có thể được cơ quan thẩm quyền cấp để thay cho chứng nhận ban đầu, ví dụ, trong trường hợp bị mất, hư hỏng, có lỗi hay nội dung không còn chính xác. Chứng nhận thay thế này phải được cung cấp bởi cơ quan ban hành và ghi rõ là chứng nhận thay thế chứng nhận ban đầu. Chứng nhận thay thế phải tham chiếu đến số và ngày cấp chứng nhận ban đầu. Chứng nhận bị thay thế phải bị hủy bỏ và nếu có thể thì được trả lại cơ quan ban hành.

Điều 5.2.4. Chứng nhận điện tử

1. Chứng nhận có thể được cung cấp bằng cách trao đổi dữ liệu điện tử gửi trực tiếp từ Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu đến Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu

a) Hệ thống cung cấp chứng nhận điện tử thông thường thiết lập giao diện với tổ chức thương mại tiếp thị hàng hóa nhằm cung cấp thông tin cho cơ quan chứng nhận. Cán bộ chứng nhận phải tiếp cận được tất cả các thông tin cần thiết chẳng hạn như nguồn gốc động vật thủy sản và kết quả xét nghiệm trong phòng thí nghiệm.

b) Khi trao đổi chứng nhận điện tử và nhằm sử dụng đầy đủ dữ liệu điện

tử trao đổi, các cơ quan thẩm quyền nên sử dụng ngôn ngữ, cấu trúc tin nhắn và quy trình trao đổi được chuẩn hóa quốc tế. Hướng dẫn cho chứng nhận điện tử nên để ở dạng ngôn ngữ Extensible Markup Language (XML) chuẩn hóa cũng như cơ chế trao đổi an toàn giữa các cơ quan thẩm quyền được cung cấp bởi Trung tâm Thúc đẩy thương mại và Giao dịch điện tử Liên hợp quốc (UN/CEFACT).

2. An ninh đối với trao đổi điện tử phải được đảm bảo bởi xác thực điện tử của chứng nhận, mã hóa, các cơ chế từ chối kết nối, sự tiếp cận và hàng rào ngăn cản được kiểm soát và kiểm traChứng nhận điện tử phải mang thông tin giống như chứng nhận truyền thống.

3. Cơ quan thẩm quyền phải có hệ thống đang hoạt động nhằm đảm bảo an ninh cho chứng nhận điện tử chống lại sự xâm nhập của người hay tổ chức không có thẩm quyền.

4. Cán bộ chứng nhận phải chịu trách nhiệm chính thức về an ninh khi sử dụng chữ ký điện tử của mình.

Chương 5.3. Quy trình OIE phù hợp với Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật của Tổ chức Thương mại thế giới

Điều 5.3.1. Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật và vai trò trách nhiệm của OIE

Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (Hiệp định SPS) khuyến khích các thành viên tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) xây dựng các biện pháp vệ sinh dựa vào các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế nếu có. Các nước thành viên có thể chọn chấp nhận mức độ bảo vệ cao hơn các tiêu chuẩn quốc tế liên quan nếu có các chứng cứ khoa học hoặc nếu mức độ bảo vệ do các tiêu chuẩn quốc tế đưa ra không phù hợp. Trong những trường hợp này, các nước thành viên có nhiệm vụ đánh giá nguy cơ và có phương pháp tiếp cận thống nhất về quản lý nguy cơ.

Hiệp định SPS khuyến khích các Chính phủ sử dụng phân tích nguy cơ rộng rãi hơn: các nước thành viên WTO phải thực hiện việc đánh giá phù hợp đối với tình huống/hoàn cảnh của nguy cơ rủi ro thực tế liên quan. Hiệp định SPS, tại Điều 7, yêu cầu các nước thành viên WTO thông báo những thay đổi và cung cấp thông tin liên quan về các biện pháp vệ sinh thú y có thể trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến thương mại quốc tế.

Hiệp định SPS công nhận OIE là tổ chức quốc tế chịu trách nhiệm về phát triển và thúc đẩy các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị thú y quốc tế ảnh hưởng đến kinh doanh động vật sống và sản phẩm động vật, bao gồm động vật thủy sản và sản phẩm của chúng.

Điều 5.3.2. Giới thiệu việc đánh giá tính tương đương các biện pháp vệ sinh

Việc nhập khẩu động vật thủy sản và sản phẩm thủy sản mang nguy cơ liên quan đến tình trạng sức khỏe động vật thủy sản của nước nhập khẩu. Việc ước lượng nguy cơ và lựa chọn quản lý nguy cơ phù hợp khó hơn bởi sự khác nhau về thú y thủy sản và hệ thống sản xuất ở các nước thành viên. Hiện nay người ta nhận thấy rằng tình hình sức khỏe động vật thủy sản và hệ thống nuôi trồng ở các nước có sự khác nhau đáng kể, có thể tạo ra tính tương đương trong việc bảo vệ sức khỏe động vật và con người vì mục đích thương mại quốc tế, với lợi ích cho cả nước nhập khẩu và xuất khẩu.

Những khuyến nghị này nhằm hỗ trợ các nước thành viên quyết định các biện pháp vệ sinh từ những hệ thống thú y thủy sản và nuôi trồng khác nhau có thể cung cấp mức độ bảo hộ sức khỏe động vật thủy sản và con người giống nhau. Các nguyên tắc có thể sử dụng để biện minh tính tương đương, vạch ra quy trình gồm các bước cho đối tác thương mại tuân theo nhằm tạo thuận lợi cho việc đánh giá tương đương được đưa ra để thảo luận. Những quy định này có thể sử dụng được khi tính tương đương áp dụng ở cấp độ các biện pháp cụ hay dựa trên cơ sở hệ thống phạm vi rộng và khi tính tương đương áp dụng cho các lĩnh vực thương mại hay hàng hóa cụ thể hoặc chung chung.

Điều 5.3.3. Cân nhắc chung trong đánh giá tương đương về các biện pháp vệ sinh

Trước khi có hoạt động thương mại động vật thủy sản hay sản phẩm thủy sản, nước nhập khẩu phải đảm bảo được là tình trạng sức khỏe động vật thủy sản trong nước được bảo vệ phù hợp. Trong phần lớn các trường hợp, các biện pháp quản lý nguy cơ được xây dựng nên sẽ phải dựa vào đánh giá về hệ thống thú y thủy sản và nuôi trồng của nước xuất khẩu và hiệu quả của các biện pháp vệ sinh áp dụng ở đó. Hệ thống hoạt động tại nước xuất khẩu có thể khác hệ thống tại nước nhập khẩu và tại các nước khác nơi mà nước nhập khẩu đã có hoạt động thương mại. Sự khác nhau có thể về hệ thống cơ sở hạ tầng, chính sách và/hoặc quy trình hoạt động, hệ thống phòng thí nghiệm, phương pháp tiếp cận trong xử lý dịch hại và dịch bệnh có mặt, an ninh biên giới và kiểm soát vận chuyển nội địa.

Sự công nhận quốc tế về tính pháp lý/có hiệu lực của các hướng tiếp cận khác nhau nhằm đạt được *mức độ bảo hộ thích hợp của nước nhập khẩu* (ALOP) dẫn tới nguyên tắc tương đương được đưa ra trong các hiệp định thương mại, bao gồm Hiệp định SPS.

Lợi ích của việc áp dụng tính tương đương có thể bao gồm:

1. Giảm thiểu chi phí liên quan tới thương mại quốc tế bằng cách điều chỉnh các biện pháp vệ sinh phù hợp với hoàn cảnh từng nước/địa phương;

2. Tối đa hóa các đầu ra về thú y thủy sản cho từng mức độ đầu vào nguồn lực;

3. Hỗ trợ thương mại bằng cách đạt được mức độ bảo hộ sức khỏe cần thiết thông qua ít biện pháp vệ sinh hạn chế trong thương mại hơn; và

4. Giảm phụ thuộc vào việc kiểm tra hàng hóa tương đối tốn kém và quy trình cách ly tại các hiệp định song phương hay đa phương.

Luật Thú y động vật thủy sản công nhận tính tương đương bằng cách khuyến nghị các biện pháp vệ sinh thay thế cho nhiều tác nhân gây bệnh và bệnh. Tính tương đương có thể đạt được thông qua, lấy ví dụ, bằng tăng cường giám sát và theo dõi, sử dụng các xét nghiệm thay thế, quy trình điều trị hay cách ly hoặc kết hợp tất cả những biện pháp trên. Nhằm tạo thuận lợi cho việc đánh giá tính tương đương, các nước thành viên phải xây dựng các biện pháp vệ sinh dựa trên tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của OIE.

Điều thiết yếu là áp dụng phân tích nguy cơ khoa học một cách thực tiễn có thể để thiết lập nên nền tảng cơ bản cho việc đánh giá tính tương đương.

Điều 5.3.4. Xem xét thiết yếu trong một đánh giá tính tương đương

1. Áp dụng đánh giá nguy cơ

Áp dụng nguyên tắc đánh giá nguy cơ cung cấp nền tảng cơ bản cho việc đánh giá tính tương đương giữa các biện pháp vệ sinh khác nhau vì nó cho phép kiểm tra kỹ lưỡng tác động của một/nhiều biện pháp về một hay nhiều bước cụ thể trên đường dẫn nhập khẩu và tác động tương đối của các biện pháp thay thế tại các bước giống như vậy hay liên quan.

Việc đánh giá tính tương đương cần đánh giá biện pháp vệ sinh về hiệu quả liên quan đến nguy cơ cụ thể hay nhóm nguy cơ đối với biện pháp thiết kế để bảo vệ. Việc đánh giá như vậy có thể bao gồm những yếu tố sau đây: mục đích biện pháp, mức độ bảo hộ đạt được khi áp dụng biện pháp và đóng góp của biện pháp để đạt được *mức độ bảo hộ thích hợp của nước nhập khẩu* (ALOP).

2. Phân loại các biện pháp vệ sinh

Đề nghị về tính tương đương có thể về một biện pháp bao gồm một thành phần đơn lẻ (ví dụ như quy trình cách ly, một yêu cầu xét nghiệm hay điều trị, một quy trình chứng nhận) hay gồm nhiều thành phần (ví dụ như hệ thống sản xuất hàng hóa) hoặc kết hợp gồm nhiều biện pháp. Biện pháp gồm nhiều thành phần hay kết hợp nhiều biện pháp có thể áp dụng liên tiếp hay đồng thời.

Các biện pháp vệ sinh là những biện pháp mô tả trong từng chương của Luật Thú y động vật thủy sản được sử dụng nhằm giảm nguy cơ và phù hợp với các bệnh cụ thể. Các biện pháp vệ sinh có thể áp dụng hoặc một mình hay kết hợp và bao gồm các yêu cầu xét nghiệm, chế biến, quy trình kiểm tra hay chứng nhận, kiểm dịch và lấy mẫu.

Để đánh giá tính tương đương, các biện pháp thú y có thể phân loại chung như sau:

a) Hạ tầng: bao gồm cơ sở pháp lý (ví dụ Luật thủy sản) và hệ thống quản lý (ví dụ tổ chức cơ quan thẩm quyền thú y thủy sản quốc gia và vùng, tổ chức đáp ứng khẩn cấp);

b) Thiết kế/thực hiện chương trình: bao gồm lưu giữ ghi chép các hệ thống, chỉ tiêu thực hiện và quyết định, năng lực phòng thí nghiệm, quy định về chứng nhận, thanh/kiểm tra và cưỡng chế;

c) Yêu cầu kỹ thuật cụ thể: bao gồm các yêu cầu áp dụng cho việc sử dụng phương tiện an ninh, xử lý (ví dụ thay đổi lon hộp), các xét nghiệm cụ thể (như PCR) và các quy trình (kiểm tra trước xuất khẩu).

Một/nhiều biện pháp vệ sinh đề nghị cho một đánh giá tính tương đương có thể xếp vào một hay nhiều trong những phân loại này.

Trong một vài trường hợp, việc so sánh các yêu cầu kỹ thuật cụ thể là đủ. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, việc đánh giá cùng mức độ bảo hộ có thể đạt được chỉ khi có thể được quyết định thông qua một đánh giá tất cả các thành phần liên quan của hệ thống thú y thủy sản và nuôi trồng của nước xuất khẩu thủy sản. Lấy ví dụ, một đánh giá tính tương đương đối với một biện pháp vệ sinh cụ thể trong mức độ thiết kế/thực hiện chương trình có thể yêu cầu việc kiểm tra trước cơ sở hạ tầng, trong khi đó đánh giá tính tương đương đối với một biện pháp cụ thể tại một mức độ yêu cầu kỹ thuật cụ thể có thể yêu cầu rằng biện pháp cụ thể được đánh giá trong hoàn cảnh thông qua việc kiểm tra cơ sở hạ tầng và các chương trình.

Điều 5.3.5. Nguyên tắc đánh giá tính tương đương

Liên quan tới những xem xét trên thì đánh giá tính tương đương của các biện pháp vệ sinh trên phải dựa vào việc áp dụng những nguyên tắc sau:

1. Nước nhập khẩu có quyền đặt ra mức độ bảo hộ phù hợp (ALOP) về sức khỏe con người và động vật trên lãnh thổ mình; mức độ bảo hộ phù hợp (ALOP) này có thể được diễn tả bằng thuật ngữ định tính hay định lượng;

2. Nước nhập khẩu phải có thể mô tả lý do cho từng biện pháp, có nghĩa là mức độ bảo hộ dự tính đạt được bởi việc áp dụng phương pháp đã nhận diện chống lại nguy cơ;

3. Nước nhập khẩu phải công nhận rằng các biện pháp vệ sinh khác với những biện pháp được đề nghị có thể cung cấp cùng mức độ bảo hộ;

4. Nước nhập khẩu phải, căn cứ trên yêu cầu, tư vấn với nước xuất khẩu về mục đích tạo thuận lợi cho đánh giá tính tương đương;

5. Bất cứ biện pháp vệ sinh hay kết hợp các biện pháp vệ sinh có thể được đệ trình cho đánh giá tính tương đương;

Phải cho phép một quá trình tương tác áp dụng một loạt các bước xác định và sử dụng một quá trình được thống nhất về trao đổi thông tin, do đó hạn chế việc thu thập dữ liệu cần thiết, giảm thiểu gánh nặng hành chính và tạo thuận lợi cho giải quyết các yêu sách .

6. Nước xuất khẩu phải có thể trình diễn khách quan các biện pháp vệ sinh thay thế được đề nghị xem xét tương đương sẽ cung cấp cùng một mức độ bảo hộ;

7. Nước xuất khẩu phải nộp hồ sơ xin đánh giá tương đương dưới dạng tạo điều kiện thuận lợi cho nước nhập khẩu đánh giá;

8. Nước nhập khẩu phải đánh giá hồ sơ xin đánh giá tính tương đương một cách kịp thời, thống nhất, minh bạch và khách quan và tuân theo các nguyên tắc đánh giá nguy cơ phù hợp;

9. Nước nhập khẩu phải xem xét bất cứ kiến thức hay kinh nghiệm trước đó với Cơ quan Thú y thẩm quyền hoặc các cơ quan thẩm quyền khác của nước xuất khẩu;

10. Nước xuất khẩu phải cho phép tiếp cận những quy trình hay hệ thống là đối tượng đánh giá tính tương đương được kiểm tra và đánh giá theo yêu cầu của nước nhập khẩu;

11. Nước nhập khẩu phải là người quyết định duy nhất đối với tính tương đương, nhưng phải cung cấp cho nước xuất khẩu một giải trình đầy đủ về việc đánh giá của mình;

12. Nhằm tạo thuận lợi cho đánh giá tương đương, các nước thành viên phải xây dựng các biện pháp vệ sinh thú y dựa trên các tiêu chuẩn liên quan của OIE;

13. Để cho phép tái đánh giá tính tương đương nếu cần thiết thì nước nhập và xuất khẩu phải cung cấp cho nhau những thông tin về thay đổi quan trọng đối với cơ sở hạ tầng, tình trạng hay chương trình về sức khỏe có thể tác động đến việc đánh giá tính tương đương; và

14. Nước nhập khẩu phải xem xét tích cực yêu cầu của nước đang phát triển xuất khẩu về hỗ trợ kỹ thuật phù hợp mà sẽ tạo thuận lợi cho việc hoàn thành việc đánh giá tính tương đương.

Điều 5.3.6. Trình tự các bước cần thực hiện để đánh giá tính tương đương

Không có một trình tự gồm các bước phải thực hiện để đánh giá tính tương đương. Các bước mà bạn hàng thương mại lựa chọn phụ thuộc vào hoàn cảnh và kinh nghiệm thương mại của họ. Trình tự tương tác của các bước mô tả dưới đây có thể hữu ích chi tất cả các biện pháp vệ sinh mà không ảnh hưởng đến phân loại như hạ tầng, thiết kế/thực hiện chương trình hay các thành phần yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hệ thống thú y và nuôi trồng.

Trình tự này cho rằng nước nhập khẩu đang đáp ứng các nghĩa vụ dưới Hiệp định SPS và có các biện pháp minh bạch dựa trên hoặc một tiêu chuẩn quốc tế hoặc một phân tích nguy cơ.

Các bước được khuyến nghị là:

1. Nước xuất khẩu nhận diện các biện pháp muốn đệ trình là biện pháp thay thế và yêu cầu nước nhập khẩu một lý do đối với biện pháp vệ sinh của họ về mức độ bảo hộ dự định đạt được chống lại một mối nguy/các mối nguy;

2. Nước nhập khẩu diễn giải lý do đối với các biện pháp theo đó sẽ tạo thuận lợi cho việc so sánh với một/các biện pháp vệ sinh thay thế và thống nhất với các nguyên tắc đặt ra tại những quy định này;

3. Nước xuất khẩu trình diễn các trường hợp tương tương của một/các biện pháp vệ sinh thay thế ở dạng tạo thuận lợi cho nước nhập khẩu phân tích;

4. Nước xuất khẩu đáp ứng với bất kỳ quan tâm về kỹ thuật do nước nhập khẩu nêu ra bằng cách cung cấp thông tin phù hợp liên quan;

5. Đánh giá tương đương của nước nhập khẩu cần xem xét những khía cạnh sau đây nếu phù hợp:

a) Tác động của những biến động và sai số sinh học;

b) Những tác động trông đợi của các biện pháp vệ sinh thay thế đối với tất cả mối nguy liên quan;

c) Tiêu chuẩn OIE;

d) Áp dụng khung định lượng duy nhất khi không thể hoặc không hợp lý để thực hiện đánh giá định tính nguy cơ.

6. Nước nhập khẩu thông báo nước xuất khẩu việc đánh giá và các lý do quan trọng trong khoảng thời gian hợp lý:

a) Công nhận tính tương đương của các biện pháp vệ sinh thay thế của nước xuất khẩu;

b) Yêu cầu thêm thông tin; hoặc

c) Từ chối tính tương đương của một/các biện pháp vệ sinh thay thế;

7. Phải cố gắng giải quyết bất cứ quan điểm khác nhau trong khi đánh giá, hoặc là tạm thời hoặc hay cuối cùng, bằng cách sử dụng cơ chế được đồng ý để đạt đến sự tán thành (ví dụ quy trình không chính thức của OIE để giải quyết tranh cãi), hoặc là bằng cách giới thiệu đến một chuyên gia được đồng ý.

8. Phụ thuộc vào phân loại biện pháp liên quan, nước nhập và xuất khẩu có thể đi đến một hiệp định chính thức về tương đương để tính tương đương có hiệu lực hoặc là thừa nhận ít chính thức hơn tính đương đương của một biện pháp cụ thể là đủ.

Nước nhập khẩu công nhận tính tương đương của một/các biện pháp vệ sinh thay thế của nước xuất khẩu cần đảm bảo rằng phải hành động thống nhất trong việc xem xét tính tương đương từ nước thứ ba đối với biện pháp giống hay tương tự như vậy. Hành động thống nhất tuy nhiên không có nghĩa là một/các biện pháp cụ thể đề nghị bởi một vài nước xuất khẩu phải luôn được đánh giá tương đương do không được xem xét một biện pháp một cách đơn lẻ mà phải là một phần trong một hệ thống hạ tầng, chính sách và quy trình.

Điều 5.3.7. Trình tự các bước xem xét thiết lập một vùng/cơ sở ATDB và công nhận vùng/cơ sở ATDB cho thương mại quốc tế.

Không có một trình tự gồm các bước phải thực hiện thiết lập nên một vùng hay cơ sở. Các bước mà ngành thú y hay thú y thủy sản của nước nhập và xuất khẩu chọn và thực hiện nhìn chung sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh/tình huống tồn tại trong các nước và ở biên giới và lịch sử thương mại của ho. Những bước được khuyến nghị là:

1. Đối với khoanh vùng

Nước xuất khẩu nhận diện vùng địa lý trong lãnh thổ được coi có số lượng động vật thủy sản với tình trạng sức khỏe rõ ràng với một bệnh/các bệnh cụ thể, dựa vào giám sát;

a) Nước xuất khẩu mô tả kế hoạch an ninh sinh học cho vùng, các biện pháp đang hoặc sẽ áp dụng để phân biệt về mặt dịch tễ vùng đó với vùng khác trên lãnh thổ tuân theo khuyến nghị của Luật thủy sản;

b) Nước xuất khẩu cung cấp:

i) Thông tin trên cho nước nhập khẩu với diễn giải tại sao vùng đó có thể được xử lý như vùng tách biệt về mặt dịch tễ cho mục đích thương mại quốc tế;

ii) Cho phép tiếp cận các quy trình hay hệ thống thiết lập khoanh vùng được kiểm tra và đánh giá theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

b) Nước nhập khẩu quyết định liệu có thể chấp nhận vùng đó là vùng nhập khẩu động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản, cân nhắc đến:

(i) Một đánh giá hệ thống thú y thủy sản nước xuất khẩu;

(ii) Kết quả đánh giá rủi ro dựa trên thông tin do nước xuất khẩu cung cấp và nghiên cứu riêng của mình;

(iii) Tình hình sức khỏe động vật thủy sản của nước mình với bệnh quan tâm; và

iv) Các tiêu chuẩn OIE liên quan khác.

c) Nước nhập khẩu thông báo cho nước xuất khẩu quyết định của mình và lý do quan trọng trong khoảng thời gian hợp lý:

(i) Công nhận khoanh vùng; hoặc

(ii) Yêu cầu thêm thông tin; hoặc

(iii) Từ chối công nhận khoanh vùng cho mục đích thương mại quốc tế

d) Phải cố gắng giải quyết bất cứ quan điểm khác nhau trong khi đánh giá, hoặc là tạm thời hoặc hay cuối cùng, bằng cách sử dụng cơ chế được đồng ý để đạt đến sự tán thành(ví dụ quy trình không chính thức của OIE để giải quyết tranh cãi (Điều 5.3.8);

e) Cơ quan thẩm quyền thú y hoặc cơ quan thẩm quyền nước xuất và nhập khẩu phải đi đến một hiệp định chính thức về công nhận vùng.

2. Đối với cơ sở ATDB

a) Dựa trên thảo luận với ngành liên quan, nước xuất khẩu nhận diện trong lãnh thổ mình cơ sở an toàn gồm số lượng động vật thủy sản trong một hoặc nhiều cơ sở hoặc các cơ sở khác hoạt động dưới phương thức quản lý chung về an toàn sinh học. Cơ sở an toàn gồm những động vật có tình trạng sức khỏe rõ ràng về một/các bệnh cụ thể. Nước xuất khẩu phải mô tả làm thế nào tình trạng này được duy trì thông qua mối quan hệ với ngành công nghiệp liên quan và cơ quan thú y thẩm quyền nước xuất khẩu.

b) Nước xuất khẩu kiểm tra kế hoạch an ninh sinh học của cơ sở an toàn và xác nhận thông qua thanh kiểm tra là:

(i) Cơ sở khép kín về mặt dịch tễ thông qua quy trình hoạt động thông thường như là kết quả thực hiện hiệu quả kế hoạch an ninh sinh học; và

(ii) Chương trình giám sát và theo dõi đang có phù hợp để kiểm chứng tình trạng sức khỏe đàn động vật với bệnh/các bệnh liên quan.

c) Nước xuất khẩu mô tả cơ sở an toàn tuân theo khuyến nghị của Luật thủy sản.

d) Nước xuất khẩu cung cấp:

(i) Thông tin trên cho nước nhập khẩu với diễn giải tại sao đàn động vật có thể được coi là cơ sở an toàn riêng biệt về mặt dịch tễ cho thương mại quốc tế; và

(ii) Cho phép tiếp cận các quy trình hay hệ thống thiết lập cơ sở an toàn được kiểm tra và đánh giá theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

e) Nước nhập khẩu quyết định liệu có thể chấp nhận cơ sở đó được nhập khẩu động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản, cân nhắc đến:

(i) Một đánh giá hệ thống thú y hay thú y thủy sản nước xuất khẩu;

(ii) Kết quả đánh giá rủi ro dựa trên thông tin do nước xuất khẩu cung cấp và nghiên cứu riêng của mình;

(iii) Tình hình sức khỏe động vật thủy sản của nước mình với bệnh quan tâm; và

(iv) Các tiêu chuẩn OIE liên quan khác.

f) Nước nhập khẩu thông báo cho nước xuất khẩu quyết định của mình và lý do quan trọng trong khoảng thời gian hợp lý:

(i) Công nhận cơ sở an toàn; hoặc

(ii) Yêu cầu thêm thông tin; hoặc

(iii) Từ chối công nhận động vật thủy sản tại cơ sở cho mục đích thương mại quốc tế.

g) Phải cố gắng giải quyết bất cứ quan điểm khác nhau trong khi đánh giá, hoặc là tạm thời hoặc hay cuối cùng , bằng cách sử dụng cơ chế được đồng ý để

đạt đến sự tán thành (ví dụ quy trình không chính thức của OIE để giải quyết tranh cãi (Điều 5.3.8));

h) Cơ quan thẩm quyền thú y hoặc cơ quan thẩm quyền nước xuất và nhập khẩu phải đi đến một hiệp định chính thức về công nhận cơ sở an toàn.

i) Cơ quan thú y thẩm quyền hoặc cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu phải thông báo nước nhập khẩu ngay bất cứ sự xuất hiện một bệnh liên quan cơ sở an toàn.

Điều 5.3.8. Quy trình không chính thức của OIE để giải quyết tranh cãi

OIE phải duy trì cơ chế nội bộ tình nguyện hiện tại để hỗ trợ các nước thành viên giải quyết khác biệt. Quy trình nội bộ như sau:

1. Cả hai bên đồng ý trao cho OIE thẩm quyền hỗ trợ giải quyết khác biệt giữa các bên.

2. Nếu xem xét phù hợp thì Tổng giám đốc OIE tiến cử một chuyên gia hay các chuyên gia và chủ tịch, nếu được yêu cầu, được hai bên đồng ý.

3. Hai bên đồng ý về điều kiện tham chiếu và chương trình làm việc và đáp ứng các chi phí phát sinh bởi OIE.

4. Chuyên gia hay các chuyên gia làm rõ bất cứ thông tin hay số liệu cung cấp bởi bất kỳ nước đang đánh giá hay trong quá trình tư vấn hoặc yêu cầu thêm thông tin từ bất cứ nước nào.

Chuyên gia hay các chuyên gia phải nộp báo cáo bảo mật tới Tổng giám đốc OIE, người sẽ chuyển báo cáo đến cả hai bên.

Chương 5.4. Các tiêu chí đánh giá an toàn hàng hóa động vật thủy sản

Trong chương này, từ "an toàn" chỉ áp dụng khi xem xét sức khỏe động vật đối với các bệnh trong danh mục OIE.

Điều 5.4.1. Tiêu chí đánh giá an toàn của động vật và sản phẩm động vật thủy sản vì bất cứ mục đích gì từ một nước, một vùng hay một cơ sở không công bố là sạch một bệnh X

Trong tất cả các chương về bệnh, điểm 1 của Điều X.X.3 liệt kê động vật thủy sản và sản phẩm thủy sản có thể buôn bán vì bất cứ mục đích gì từ nước, vùng hay cơ sở không công bố là sạch một bệnh X. Tiêu chí để bao gồm động vật thủy sản và sản phẩm thủy sản tại điểm 1 của Điều X.X.3 là dựa vào sự không có tác nhân gây bệnh trong động vật và sản phẩm động vật buôn bán hay vô hoạt tác nhân gây bệnh bằng cách xử lý hay chế biến.

Việc đánh giá độ an toàn của động vật và sản phẩm động vật thủy sản sử dụng các tiêu chí liên quan đến xử lý hay chế biến chỉ được thực hiện khi việc xử lý hay chế biến được xác định rõ. Có thể không cần thiết cung cấp chi tiết

toàn bộ việc xử lý hay chế biến. Tuy nhiên các khâu được coi là chủ chốt trong việc vô hoạt tác nhân gây bệnh liên quan phải được nêu chi tiết.

Việc xử lý hay chế biến được cho rằng (i) sử dụng quy trình chuẩn, bao gồm các bước được coi là chủ chốt trong việc vô hoạt tác nhân gây bệnh; (ii) được thực hiện tuân theo Thực hành sản xuất tốt; và (iii) bất cứ các bước khác trong việc xử lý, chế biến và di chuyển tiếp theo của sản phẩm động vật thủy sản không đe dọa tính an toàn của sản phẩm thủy sản.

Tiêu chí

Đối với động vật thủy sản hay sản phẩm động vật thủy sản được xem là an toàn đối với thương mại quốc tế theo quy định tại Điều X.X.3, phải tuân theo những tiêu chí sau:

1. Không có tác nhân gây bệnh ở động vật và sản phẩm động vật thủy sản buôn bán:

a) Có chứng cứ rõ ràng rằng tác nhân gây bệnh không có trong các mô của động vật hay sản phẩm động vật thủy sản.

VÀ

a) Nước (bao gồm đá) dùng để chế biến hay vận chuyển động vật hay sản phẩm động vật thủy sản không bị nhiễm tác nhân gây bệnh và quá trình chế biến ngăn ngừa nhiễm chéo động vật hay sản phẩm động vật thủy sản buôn bán.

HOẶC

2. Thậm chí nếu có tác nhân gây bệnh trong hoặc làm nhiễm các mô của động vật hay sản phẩm động vật thủy sản thì việc xử lý hay chế biến đã vô hoạt tác nhân gây bệnh ở động vật hay sản phẩm động vật thủy sản:

a) Vật lý (ví dụ nhiệt độ, làm khô, hun hói);

VÀ/HOẶC

a) Hóa chất (ví dụ. iodine, pH, muối, hun khói);

VÀ/HOẶC

a) Sinh học (ví dụ lên men).

Điều 5.4.2. Tiêu chí đánh giá động vật hay sản phẩm động vật thủy sản bán lẻ cho người tiêu dùng từ một nước, một vùng hay một cơ sở không công bố là sạch một bệnh X

Trong tất cả các chương về bệnh, điểm 1 Điều X.X.12 (chương bệnh lưỡng cư và cá) và Điều X.X.11. (chương bệnh giáp xác và nhuyễn thể) liệt kê động vật hay sản phẩm động vật thủy sản bán lẻ cho người tiêu dùng. Tiêu chí bao gồm động vật hay sản phẩm động vật thủy sản tại điểm 1 Điều X.X.12 (chương bệnh lưỡng cư và cá) và Điều X.X.11. (chương bệnh giáp xác và nhuyễn thể) bao gồm việc xem xét các mẫu và sự có mặt sản phẩm, khối lượng dự tính chất thải do người tiêu dùng thải ra và khả năng có tác nhân gây bệnh còn sống trong chất thải.

Vì mục đích của tiêu chí này, bán lẻ là việc bán hay cung cấp trực tiếp động vật hay sản phẩm động vật thủy sản cho người tiêu dùng với mục đích cho người ăn. Đường dẫn bán lẻ cũng bao gồm cả bán buôn sản phẩm với điều kiện người bán buôn hay bán lẻ không chế biến thêm, nghĩa là không phải qua công đoạn bỏ ruột, làm sạch, lọc thăn thịt, đông lạnh, rã đông, nấu, dỡ bao gói, đóng gói hay tái đóng gói.

Cho rằng: (i) động vật hay sản phẩm động vật thủy sản chỉ được sử dụng cho người tiêu dùng; (ii) chất thải có thể không được xử lý theo cách giảm thiểu tác nhân gây bệnh xâm nhập; (iii) xử lý hay chế biến trước khi nhập khẩu được thực hiện tuân theo Thực hành Sản xuất Tốt, và (iv) và bất cứ các bước khác trogn xử lý, chế biến và tiếp theo di chuyển động vật hay sản phẩm động vật thủy sản trước khi nhập khẩu không đe dọa tính an toàn của thủy sản hay sản phẩm thủy sản.

Tiêu chí

Đối với động vật thủy sản hay sản phẩm động vật thủy sản cho thương mại quốc tế theo quy định tại điểm 1 Điều X.X.12 (chương bệnh lưỡng cư và cá) và Điều X.X.11. (chương bệnh giáp xác và nhuyễn thể), phải tuân theo những tiêu chí sau:

1. Động vật thủy sản hay sản phẩm động vật thủy sản được chuẩn bị và đóng gói cho bán lẻ cho người tiêu dùng; VÀ

HOẶC MỘT TRONG

2. Bao gồm chỉ một số lượng lượng nhỏ chất thải chưa xử lý do người tiêu dùng thải ra;

HOẶC

3. Tác nhân gây bệnh thông thường không tìm thất trong chất thải chưa xử lý do người tiêu dùng thải ra.

Chương 5.5. Kiểm soát nguy cơ trong vận chuyển động vật thủy sản

Điều 5.5.1. Xem xét chung

1. Những xem xét này được sử dụng làm khuyến nghị khi các nước áp dụng các biện pháp kiểm soát nguy cơ với sức khỏe động vật thủy sản trong vận chuyển động vật thủy sản và sản phẩm thủy sản. Những khuyến nghị này không dùng giải quyết vấn đề đối xử nhân đạo đối với động vật thủy sản.

2. Phương tiện vận chuyển (hay dụng cụ chứa) sử dụng vận chuyển động vật thủy sản phải được thiết kế, xây dựng và có hình dạng kích cỡ phù hợp để chịu được trọng tải của động vật thủy sản và nước nhằm đảm bảo an toàn trong vận chuyển. Phương tiện phải được vệ sinh và khử trùng sạch sẽ trước khi sử dụng theo khuyến nghị đưa ra tại Luật thủy sản của OIE.

3. Phương tiện vận chuyển (hay dụng cụ chứa) sử dụng vận chuyển động vật thủy sản phải được đảm bảo nhằm duy trì điều kiện tốt nhất có thể đối với

động vật thủy sản trong vận chuyển và cho phép người vận chuyển dễ dàng tiếp cận.

Điều 5.5.2. Xem xét cụ thể về dụng cụ chứa

1. Cấu trúc của dụng cụ chứa dự định cho vận chuyển động vật thủy sản phải ngăn ngừa việc phát tán tình cờ nước... trong quá trình vận chuyển.

2. Trong trường hợp vận chuyển động vật thủy sản, phải có quy định cho phép việc kiểm tra, quan sát ban đầu đối với hàng trong dụng cụ chứa.

3. Dụng cụ chứa đối với sản phẩm thủy sản khi quá cảnh không được mở trừ khi Cơ quan Thú y Thủy sản của nước quá cảnh xem xét thấy cần thiết. Trong trường hợp này, dụng cụ chứa phải được ngăn ngừa tạp nhiễm.

4. Dụng cụ chứa được xếp hàng chỉ với một loại sản phẩm hoặc tối thiểu, với sản phẩm không mẫn cảm với ô nhiễm từ sản phẩm khác.

5. Từng nước quyết định phương tiện, trang thiết bị yêu cầu cho vận chuyển và nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật thủy sản trong dụng cụ chứa.

Điều 5.5.3. Xem xét cụ thể về vận chuyển động vật thủy sản bằng đường hàng không

1. Mật độ động vật thủy sản trong vận chuyển bằng đường hàng không phải được quyết định dựa trên những cân nhắc sau:

a) Toàn bộ chỗ xếp hàng cho từng loại động vật thủy sản;

b) Công suất sản sinh ô xy cung cấp cho dụng cụ chứa trong khi còn ở dưới đất và trên tất cả các chặng của chuyến bay.

Liên quan đến cá, nhuyễn thể và giáp xác, không gian giành cho từng loài trong dụng cụ chứa đã được thiết kế phù hợp cho vận chuyển riêng một vài loài hoặc cho vận chuyển nhóm động vật phải tuân theo mật độ chấp nhận được đối với loài quan tâm.

2. Quy định Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế được OIE phê chuẩn đối với động vật sống có thể được chấp nhận nếu không trái với pháp luật quốc gia (Bản sao những quy định này được Hiệp hội trên cung cấp tại địa chỉ 800 Place Victoria, P.O. Box 113, Montreal, Quebec H4Z 1M1, Canada).

Điều 5.5.4. Khử trùng và các biện pháp vệ sinh khác

1. Khử trùng và các biện pháp vệ sinh khác phải được thực hiện theo thứ tự:

a) Tránh tất cả phiền toái không lý do và ngăn chặn thiệt hại hay tổn thương tới sức khỏe người và động vật thủy sản;

b) Tránh thiệt hại tới cấu trúc phương tiện hoặc dụng cụ của phương tiện;

c) Ngăn chặn có thể được bất cứ thiệt hại tới sản phẩm thủy sản

2. Theo yêu cầu, Cơ quan Thú y Thủy sản phải cấp chứng nhận cho người vận chuyển chỉ ra biện pháp được áp dụng cho tất cả phương tiện, các bộ phận của phương tiện đã được xử lý, phương pháp sử dụng và lý do áp dụng các biện pháp đó.

Trong trường hợp dùng máy bay, theo yêu cầu thì chứng nhận có thể được thế bằng việc khai báo trong Giấy khai báo chung của máy bay.

3. Tương tự như vậy, Cơ quan Thú y Thủy sản phải cấp theo yêu cầu:

a) Chứng nhận chỉ ra ngày hạ cánh và khởi hành của động vật thủy sản;

b) Một chứng nhận cho người xếp hàng hay xuất khẩu, người gửi hàng và vận chuyển, chỉ ra các biện pháp áp dụng.

Điều 5.5.5. Xử lý nước trong vận chuyển

Nước sử dụng cho vận chuyển động vật thủy sản phải được xử lý thích hợp sau khi vận chuyển và/hoặc trước khi xả thải nhằm hạn chế tối thiểu nguy cơ lan truyền tác nhân gây bệnh. Khuyến nghị cụ thể được đưa ra tại Chương Khử trùng của Luật Thú y đối với động vật thủy sản OIE. Trong khi vận chuyển động vật thủy sản, người vận chuyển không được phép sơ tán bà thay nước trong thùng chứa vận chuyển trừ khi tại những địa điểm được chỉ định trong lãnh thổ quốc gia. Chất thải và nước rửa không được xả xuống hệ thống cống rãnh được đổ trực tiếp với môi trường có động vật thủy sản. Do đó, nước trong thùng chứa hoặc phải khử trùng bằng quy trình được công nhận (ví dụ, 50 mg iodine or chlorine/lít trong 1 giờ) hoặc xả xuống đất không đổ trực tiếp ra môi trường có động vật thủy sản. Mỗi nước phải chỉ định những địa điểm trên lãnh thổ quốc gia để những hoạt động này có thể được thực hiện.

Điều 5.5.6. Xử lý chất thải nguyên liệu có tác nhân gây bệnh

Cơ quan Thú y thủy sản phải thực hiện tất cả các biện pháp khả thi ngăn chặn việc xả thải bất cứ nguyên liệu có tác nhân gây bệnh chưa được xử lý, bao gồm nước dùng để vận chuyển, vào nguồn nước trong lãnh thổ.

Điều 5.5.7. Xem xét cụ thể về vận chuyển cá sống bằng thuyền

Thuyền có hệ thống thùng chứa liên hoàn nhằm chở cá sống trong nước biển mà có thể hoạt động bằng văn mở để thay nước biển. Loại thuyền này thường khó khử trùng.

1. Chỉ cá khỏe mạnh không có triệu chứng lâm sàng của bệnh vào ngày xếp hàng mới được vận chuyển. Thuyền phải có dụng cụ chứa đựng cá kín hoàn toàn trong khi hoạt động nếu được yêu cầu.

2. Mật độ động vật phải được quyết định bằng cách xem xét tổng dung tích có cho từng loài cá và công suất sản sinh khí ô xy/thông khí cung cấp cho cá trong tất cả các chặng vận chuyển.

3. Cá có thể được vận chuyển bằng thuyền từ vùng bị bệnh nếu đây là một phần của kế hoạch đáp ứng với bệnh được Cơ quan thẩm quyền đồng ý.

4. Phải có quy định cho phép kiểm tra, quan sát hàng chứa trong dụng cụ chứa và thiết bị theo dõi khi thích hợp.

5. Giới hạn việc đi lại của nhân viên trang trại tới thuyền hay từ thuyền đến lồng của trang trại, bao gồm trang thiết bị.

Cá có tình trạng sức khỏe khác nhau được vận chuyển cùng thời gian làm tăng nguy cơ lây truyền bệnh giữa động vật và không được khuyến khích.

1. Thuyền có thể trao đổi nước trong dụng cụ chứa với môi trường trừ khi tại các địa điểm được chỉ định gần các cơ sở nuôi trồng hay địa điểm có động vật hoang dã được bảo vệ. Cơ quan Thú y Thủy sản phải chỉ định các địa điểm dựa trên đánh giá nguy cơ.

2. Tránh việc đưa cá nhiều lần trong một chuyến vận chuyển. Khi không thể tránh được, thì phải đưa cá có tình trạng sức khỏe cao hơn xuống trước (ví dụ nhóm non nhất) tới từng cơ sở nuôi trồng hay cơ sở có cùng tình trạng sức khỏe.

Trong trường hợp có cá chết trong khi vận chuyển, phải có kế hoạch khẩn cấp xử lý dụng cụ chứa và thải cá chết bằng phương pháp được phê chuẩn. Kế hoạch này phải được chuẩn bị căn cứ theo khuyến nghị về việc di chuyển và xử lý thải thân thịt và chất thải động vật thủy sản (đang được viết).

1. Thuyền không được hoạt động trong điều kiện thời tiết bất lợi có thể bắt buộc thay đổi lịch trình và tuyến đường dự định trước.

2. Thuyền phải được vệ sinh và khi được yêu cầu, khử trùng theo tiêu chuẩn chấp nhận được trước khi tái sử dụng. Mức độ khử trùng phải tỷ lệ với nguy cơ. Thuyền phải duy trì và lưu giữ cùng nhật ký thuyền, danh sách kiểm tra khử trùng và phải công khai khi được thanh kiểm tra. Việc thiết yếu nhằm đảm bảo là tất cả cá phải được đưa ra khỏi hệ thống trước khi làm sạch. Tất cả các vật chất hữu cơ cũng phải loại ra thông qua vệ sinh trước khi khử trùng. Phải tham khảo các nguyên tắc chung và khuyến nghị cụ thể như đề ra trong Sổ tay Thủy sản để hướng dẫn.

Khi đi lại giữa các vùng và địa điểm có tình trạng sức khỏe khác nhau, việc vệ sinh và khử trùng nếu được yêu cầu phải được tuân theo và thực hiện theo tiêu chuẩn được phê chuẩn bởi Cơ quan Thú y Thủy sản.

Chương 5.6. Biện pháp thú y áp dụng trước và khi khởi hành

Điều 5.6.1.

1. Mỗi nước chỉ cấp phép việc xuất khẩu từ lãnh thổ nước mình đối với động vật thủy sản còn sống và sản phẩm thủy sản được nhận diện chính xác và được kiểm tra theo quy trình tại Luật Luật Thú y đối với động vật thủy sản và Sổ tay đối với động vật thủy sản của OIE.

2. Trong một số trường hợp nhất định, những động vật thủy sản đề cập trên, căn cứ theo nguyện vọng của nước nhập khẩu, được xét nghiệm về sinh học hoặc ký sinh trùng trong giới hạn thời gian nhất định trước khi khởi hành.

3. Theo dõi, quan sát động vật thủy sản trước khi rời khỏi đất nước có thể được thực hiện tại cơ sở nuôi hay tại trạm kiểm dịch quốc tế. Trong thời gian theo dõi nếu thành viên Cơ quan thẩm quyền hay cán bộ chứng nhận được phê chuẩn bởi nước nhập khẩu thấy động vật khỏe mạnh về mặt lâm sàng và không mắc bệnh trong danh mục hoặc một bệnh truyền nhiễm cụ thể khác thì động vật thủy sản phải được vận chuyển đến nơi xếp hàng bằng phương tiện vận chuyển được thiết kế đặc biệt, được làm sạch và khử trùng trước khi vận chuyển mà không làm chậm chễ và không được để động vật tiếp xúc với động vật thủy sản cảm nhiễm khác, trừ khi những động vật cảm nhiễm này có tình trạng sức khỏe tương tự như đối với động vật được vận chuyển.

4. Việc vận chuyển động vật thủy sản để làm giống hay để nuôi hay để giết mổ phải được thực hiện trực tiếp từ các cơ sở sản xuất tới nơi xếp hàng hoặc nhà máy chế biến phải được thực hiện tuân theo điều kiện như đã thống nhất giữa nước nhập khẩu và xuất khẩu.

Điều 5.6.2.

Mỗi nước chỉ thực hiện xuất khẩu động vật thủy sản sống hay trứng hay tinh trùng/trứng chưa thụ tinh đến Nước hay vùng hay cơ sở nuôi trồng sạch một hay nhiều bệnh trong danh mục, khi nước xuất khẩu hay vùng hay cơ sở nuôi trồng xuất xứ cũng công bố sạch những bệnh trên. Nếu động vật thủy sản sống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng hay vùng nhiễm bệnh quan tâm thì nước xuất khẩu không được xuất khẩu động vật thủy sản nếu như động vật đã phơi nhiễm với bệnh thông qua tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp với vật mang có thể truyền lây tác nhân gây bệnh mà không cần có sự đồng ý trước của nước nhập khẩu.

Điều 5.6.3.

Mỗi nước xuất khẩu động vật thủy sản ở bất cứ giai đoạn phát triển nào hoặc sản phẩm thủy sản phải thông báo nước tới và khi cần thiết các nước quá cảnh nếu, sau khi xuất khẩu, việc chẩn đoán một bệnh trong danh mục xuất hiện tại cơ sở sản xuất hay ở động vật thủy sản tại cơ sở nuôi trồng đó hay tại nguồn nước tự nhiên tại cùng thời điểm có động vật xuất khẩu, trong một khoảng thời gian cho thấy lô hàng xuất khẩu có thể bị nhiễm bệnh.

Điều 5.6.4.

Trước khi động vật thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất phát, thành viên Cơ quan thẩm quyền hoặc cán bộ chứng nhận được nước nhập khẩu phê chuẩn phải, cấp chứng nhận thú y thủy sản quốc tế tuân theo các mẫu giấy được OIE phê chuẩn (như quy định tại các Chương 5.11) và được soạn bằng ngôn ngữ như đã thống nhất giữa nước nhập khẩu và xuất khẩu và khi cần thiết, với các nước quá cảnh.

Điều 5.6.5.

1. Trước khi động vật hay lô hàng động vật xuất phát theo hành trình quốc tế, Cơ quan thẩm quyền tại cảng, sân bay hay nơi có trạm kiểm dịch quốc tế, nếu xem xét thấy cần thiết, thực hiện kiểm tra lâm sàng động vật hay lô hàng động

vật đó. Thời gian và địa điểm kiểm tra phải được bố trí, xem xét đến thủ tục hải quan và các thủ tục pháp lý khác và theo phương thức không làm cản trở hay làm chậm chễ việc khởi hành.

2. Cơ quan thẩm quyền như đề cập tại khoản 1 ở trên phải thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm:

a) Ngăn chặn việc lô hàng động vật có triệu chứng lâm sàng của bất kỳ bệnh gì thuộc danh mục của OIE;

b) Ngăn ngừa các vật mang mầm bệnh hay các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm xâm nhập vào phương tiện vận chuyển.

Chương 5.7. Biện pháp thú y áp dụng khi quá cảnh từ nơi xuất phát ở nước xuất khẩu đến nơi đến tại nước nhập khẩu

Điều 5.7.1.

1. Bất kỳ nước nào khi có yêu cầu cho quá cảnh động vật thủy sản và thường có giao dịch thương mại với nước xuất khẩu, không được từ chối cho quá cảnh, căn cứ vào việc đặt hàng đề cập ở đây và vào điều kiện là có thông báo trước về việc quá cảnh gửi tới Cơ quan thẩm quyền chịu trách nhiệm về trạm kiểm dịch quốc tế.

Thông báo trước sẽ bao gồm thông tin về tên loài và số lượng động vật thủy sản, phương thức vận chuyển và trạm kiểm dịch quốc tế tại cửa nhập và xuất theo hành trình đã được sắp xếp và cho phép trước đi tại nước quá cảnh.

2. Bất cứ nước nào mà có thể cho quá cảnh có thể từ chối nếu xem xét thấy rằng một số bệnh nhất định, đặc biệt là những bệnh đề cập trong chứng nhận thú y thủy sản quốc tế hoặc các hiệp định song phương, tồn tại ở nước xuất khẩu hoặc ở Nước quá cảnh trước đó trên hành trình, có thể truyền lây sang động vật nước mình. Nếu không thì Cơ quan thẩm quyền của nước quá cảnh có thể đặt ra các điều kiện liên quan đến phương thức, bao gồm đóng gói và tuyến đường vận chuyển.

3. Bất cứ nước quá cảnh nào có thể yêu cầu xuất trình giấy chứng nhận thú y thủy sản quốc tế. Bên cạnh đó, nước quá cảnh đó có thể yêu cầu cán bộ của ngành Thú y thủy sản kiểm tra tình trạng sức khỏe của cá, nhuyễn thể hay giáp xác khi quá cảnh, trừ các trường hợp khi phương tiện vận chuyển hay dụng cụ chứa được niêm phong là một điều kiện để quá cảnh.

4. Bất cứ nước cho quá cảnh có thể từ chối cho quá cảnh qua lãnh thổ mình tại một trong những trạm kiểm dịch quốc tế nếu cán bộ của ngành Thú y thủy sản kiểm tra cho thấy lô hàng động vật thủy sản quá cảnh bị ảnh hưởng hay bị nhiễm bất kỳ bệnh thuộc danh mục OIE và nếu như bệnh đó là bệnh ngoại lai đối với nước hay vùng vận chuyển qua hoặc nếu như có chương trình kiểm soát bắt buộc đối với bệnh quan tâm hay nếu như giấy chứng nhận thú y thủy sản quốc tế không chính xác và/hoặc không được ký hoặc không áp dụng cho của cá, nhuyễn thể hay giáp xác.

Trong những trường hợp này, Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu phải được thông báo ngay, do đó có cơ hội kiểm tra lại kết quả hay chỉnh sử chứng nhận.

Nếu bệnh được chẩn đoán xác nhận hay nếu như giấy chứng nhận không được chỉnh sửa, lô hàng động vật thủy sản quá cảnh sẽ bị hoặc trả về nước xuất khẩu nếu có chung cửa khẩu với nước quá cảnh hoặc bị giết mổ hoặc bị tiêu hủy.

Điều 5.7.2.

1. Bất cứ nước cho quá cảnh nào có thể yêu cầu phương tiện vận chuyển dùng cho quá cảnh động vật thủy sản qua lãnh thổ nước mình phải được thiết kế tránh phát tán nước thải hay nguyên liệu bị ô nhiễm khác.

2. Việc bốc dỡ động vật thủy sản khi quá cảnh trên lãnh thổ nước quá cảnh chỉ được cho phép trong trường hợp khẩn cấp. Nước nhập khẩu phải được thông báo về bất kỳ việc bốc dỡ không dự tính trước tại nước quá cảnh.

Điều 5.7.3.

Tàu thuyền dừng tại một cảng hay đi qua một kênh đào hay các đường thủy có định hướng khác trên đường đến một cảng tại lãnh thổ của Nước, phải tuân theo điều kiện do cơ quan thẩm quyền yêu cầu.

Điều 5.7.4.

1. Nếu vì lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của thuyền/cơ trưởng, một tàu thuyền hay máy bay phải dừng hay hạ cánh tại một nơi nào không phải là một cảng hay sân bay hay tại cảng hay sân bay không phải nơi thường dừng hay hạ cánh thì thuyền trưởng hay cơ trưởng hoặc cấp phó của phương tiện đó phải thông báo ngay lập tức cho Cơ quan thẩm quyền gần nhất hay các cơ quan công lập khác gần cảng hay nơi dừng/ hạ cánh mới.

2. Ngay lập tức sau khi được thông báo, Cơ quan thẩm quyền phải có hành động phù hợp.

3. Động vật thủy sản và người trên thuyền hay máy bay không được phép rời chỗ neo tàu, thuyền hay hạ cánh và việc dịch chuyển bất cứ trang thiết bị, kèm theo khỏi chỗ neo tàu, thuyền hay hạ cánh không được cho phép.

Khi các biện pháp do Cơ quan thẩm quyền quy định được thực hiện thì tàu thuyền hay máy bay được cho phép, vì mục đích sức khỏe động vật thủy sản, di chuyển tới cảng hay sân bay thường dừng hoặc hạ cánh hoặc vì các lý do kỹ thuật không thể di chuyển được thì cho phép di chuyển đến cảng hay sân bay phù hợp hơn.

Chương 5.8. Trạm kiểm tra quốc tế tại nước nhập khẩu

Điều 5.8.1.

Cơ quan thẩm quyền phải trang bị cho các trạm kiểm tra quốc tế cụ thể với cơ quan bao gồm nhân sự, trang thiết bị và cơ sở tùy theo vụ việc, và đặc biệt, để cho:

1. Phát hiện và cách ly động vật thủy sản bị bệnh hay nghi ngờ bị bệnh;

2. Thực hiện khử trùng phương tiện vận chuyển động vật và sản phẩm thủy sản;

3. Kiểm tra lâm sàng và lấy mẫu từ động vật sống và thân thịt thủy sản bị mắc bệnh hay nghi ngờ mắc bệnh.

Thêm nữa, tốt hơn nếu từng cảng hay sân bay quốc tế được trang bị thiết bị tiệt trùng hay thiêu các nguyên liệu nguy hiểm với sức khỏe thủy sản.

Điều 5.8.2.

Khi có yêu cầu quá cảnh quốc tế, thì phải bố trí sân bay với địa điểm quá cảnh trực tiếp càng sớm càng tốt; ; tuy nhiên, việc quá cảnh này phải tuân theo các điều kiện do Cơ quan thẩm quyền yêu cầu.

Điều 5.8.3.

Mỗi Cơ quan Thẩm quyền Thú y phải cung cấp cho OIE và bất kỳ nước nào quan tâm, nếu được yêu cầu:

1. Một danh sách các trạm kiểm tra quốc tế và nhà máy chế biến đối với động vật thủy sản trên lãnh thổ mình đã được phê chuẩn cho thương mại quốc tế;

2. Khoảng thời gian yêu cầu cung cấp thông báo theo quy định tại khổ 2 của Điều 5.9.1 và 5.9.2;

Một danh sách sân bay trên lãnh thổ mình có địa điểm cho quá cảnh trực tiếp.

Chương 5.9. Các biện pháp thú y áp dụng khi đến

Điều 5.9.1.

1. Nước nhập khẩu chỉ chấp nhận vào lãnh thổ mình động vật thủy sản sống đã được cán bộ của ngành Thú y Thủy sản của nước xuất khẩu hoặc cán bộ chứng nhận được nước nhập khẩu phê chuẩn kiểm tra và phải kèm theo Giấy chứng nhận thú y thủy sản quốc tế (xem mẫu giấy tại chương 5.11).

2. Nước nhập khẩu có thể yêu cầu thông báo trước về ngày dự định động vật thủy sản đến lãnh thổ của mình, khai báo rõ về loài, số lượng, phương tiện vận chuyển và tên của trạm kiểm dịch quốc tế. Bên cạnh đó, nước nhập khẩu phải xuất bản một danh sách các trạm kiểm dịch biên giới được trang bị để thực hiện các hoạt động kiểm soát nhập khẩu và cho phép quy trình thủ tục nhập khẩu và quá cảnh được thực hiện một cách nhanh và hiệu quả nhất.

3. Nước nhập khẩu có thể nghiêm cấm việc mang vào lãnh thổ của nước mình động vật thủy sản nếu cán bộ của ngành Thú y Thủy sản phát hiện ra là bị

ảnh hưởng hay nghi ngờ bị ảnh hưởng hoặc bị nhiễm bệnh trong danh mục OIE mà nước nhập khẩu quan tâm. Việc từ chối cho mang vào có thể áp dụng đối với động vật không có Giấy chứng nhận thú y thủy sản quốc tế đi kèm tuân theo yêu cầu của nước nhập khẩu cũng bị từ chối không cho mang vào.

Trong những trường hợp này, Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu phải được thông báo ngay lập tức, để đưa ra những cơ hội khẳng định lại kết quả hay chỉnh sửa chứng nhận.

Tuy nhiên, nước nhập khẩu có thể quy định rằng phải đưa ngay hàng nhập khẩu vào nơi kiểm dịch để thực hiện việc theo dõi lâm sàng và kiểm tra sinh học nhằm chẩn đoán chính thức. Nếu việc chẩn đoán bệnh được khẳng định hoặc nếu giấy chứng nhận không được chỉnh sửa thì nước nhập khẩu có thể thực hiện những biện pháp sau:

a) Trả động vật liên quan về nước xuất khẩu nếu như không phải quá cảnh qua nước thứ ba;

b) Giết mổ và tiêu hủy trong trường hợp gây nguy hiểm cho sức khỏe hay không thể thực hiện khi trả về nước xuất khẩu.

Điều 5.7.2.

1. Nước nhập khẩu chỉ chấp nhận đưa vào lãnh thổ của mình cá tươi chưa mổ lấy phủ tạng là những loài cảm nhiễm với một bệnh trong danh mục của OIE dự định thả vào môi trường nước hay cho người tiêu dùng khi đã được cán bộ của ngành Thú y Thủy sản của nước xuất khẩu hoặc cán bộ chứng nhận được nước nhập khẩu phê chuẩn kiểm tra và phải kèm theo Giấy chứng nhận thú y thủy sản quốc tế (xem mẫu giấy tại Chương 5.11).

2. Nước nhập khẩu có thể yêu cầu thông báo trước về ngày dự định đến lãnh thổ nước mình của sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản dự định cho người tiêu dùng, cùng với thông tin về số lượng, bản chất và đóng gói của sản phẩm, tên của trạm kiểm dịch quốc tế.

Điều 5.9.3.

Khi phương tiện vận chuyển động vật thủy sản đến một trạm kiểm dịch quốc tế, khi động vật thủy sản bị nhiễm bất cứ bệnh trong danh mục thì phương tiện vận chuyển đó bị coi là bị ô nhiễm và ngành Thú y thủy sản phải áp dụng những biện pháp sau:

1. Bốc dỡ phương tiện và ngay lập tức vận chuyển bất cứ nguyên liệu ô nhiễm nào, ví dụ như nước hoặc đá, đến thẳng một cơ sở được chỉ định trước để tiêu hủy hoặc áp dụng các biện pháp thú y thủy sản nghiêm ngặt do nước nhập khẩu yêu cầu;

2. Khử trùng:

a) Quần áo ngoài và ủng của tổ lái trên phương tiện vận chuyển;

b) Tất cả các bộ phận của phương tiện vận chuyển sử dụng trong vận chuyển, di chuyển và bốc dỡ động vật thủy sản.

Chương 5.10. Biện pháp liên quan đến vận chuyển quốc tế tác nhân gây bệnh thủy sản và nguyên liệu có tác nhân gây bệnh

Điều 5.10.1. Giới thiệu

Có nguy cơ mà bệnh xuất hiện là kết quả của việc phát tán tác nhân gây bệnh một cách tình cờ khi vận chuyển quốc tế các nguyên liệu bệnh lý đã đóng gói. Những mầm bệnh đó có thể sẵn có trên đất nước hay có thể được nhập khẩu chủ ý hay tình cờ (inadvertently). Bởi vậy, cần thiết phải sẵn có các biện pháp để ngăn ngừa sự phát tán mầm bệnh một cách tính cờ. Những biện pháp có thể áp dụng là hoặc tại biên giới quốc gia bằng cách cấm hay kiểm soát nhập khẩu tác nhân gây bệnh động vật thủy sản hay nguyên liệu bệnh lý có thê mang mầm bệnh.

Cơ quan thẩm quyền không được yêu cầu các biện pháp vệ sinh đối với các mẫu sinh học dùng để chẩn đoán đã được xử lý theo phương pháp để vô hoạt tác nhân gây bênh.

Điều 5.10.2. Nhập khẩu tác nhân gây bệnh động vật thủy sản

Việc nhập khẩu bất cứ tác nhân gây bệnh động vật nào đề cập trong Luật thủy sản OIE, phải được kiểm soát chính thức bởi cơ quan thẩm quyền nhằm đảm bảo áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp để quản lý nguy cơ gây bệnh của tác nhân. Điều kiện phải tương ứng với nguy cơ của tác nhân gây bệnh và đối với vận chuyển hàng không thì phải tuân theo tiêu chuẩn của Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế về đóng gói và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm như đề cập tại Điều 5.10.3.

Khi xem xét hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu tác nhân gây bệnh thủy sản đề cập tại Luật Thủy sản của OIE, có thể trong môi trường nuôi cấy, trong nguyên liệu bệnh lý hay ở bất cứ dạng gì, từ nước khác thì cơ quan thẩm quyền phải xem xét bản chất của nguyên liệu, loài động vật xuất phát, tính mẫn cảm của loài động vật đó với các bệnh khác nhau và tình hình sức khỏe động vật của nước xuất phát. Có thể yêu cầu nguyên liệu đó được xử lý trước khi nhập khẩu nhằm giảm thiểu nguy cơ tình cờ mang tác nhân gây bệnh đó vào.

Bất cứ nguyên liệu gì không đáp ứng các điều kiện áp dụng phải được xử lý cho an toàn theo yêu cầu của Cơ quan Thú y Thủy sản của nước nhập khẩu.

Điều 5.10.3. Đóng gói và ghi chép cho vận chuyển

Việc vận chuyển an toàn một tác nhân gây bệnh đề cập tại Luật thủy sản OIE, quan tâm tới tác nhân gây bệnh, người vận chuyển và môi trường, đầu tiên phụ thuộc vào việc đóng gói đúng cách và đây là trách nhiệm của người gửi khi đóng gói tuân theo các quy định hiện hành.

1. Hệ thống đóng gói ba lớp cơ bản

Hệ thống gồm ba lớp như sau:

a) Vật chứa đựng ban đầu: được dán nhãn, chống thấm, chống rò rỉ chứa mẫu. Vật chứa đựng này phải được bao gói trong lớp nguyên liệu thấm hút nhằm hấp thụ toàn bộ dịch chảy ra trong trường hợp bị vỡ.

b) Vật chứa đựng thứ hai: được làm bằng nguyên liệu bền, chống thấm, chống rò rỉ để chứa đừng và bảo vệ vật chứa đựng ban đầu. Một vài vật chứa đựng đầu tiên có thể đặt trong một vật chứa đựng thứ hai. Phải có đủ các nguyên liệu thấm hút để đệm giữa các vật chứa đựng ban đầu.

c) Lớp bao gói ngoài cùng: vật chứa đựng thứ hai được đặt trong lớp bao gói vận chuyển ngoài cùng nhằm bảo vệ vật chứa đựng và mẫu ở bên trong khỏi tác động từ bên ngoài như va chạm vật lý, thay đổi nhiệt độ và nước khi quá cảnh.

Đá hay đá khô khi sử dụng để vận chuyển phải được để ở ngoài vật chứa đựng thứ hai. Nếu đá ướt được sử dụng thì phải để trong dụng cụ chứa chống rò rỉ và lớp bao gói ngoài cũng phải chống rò rỉ. Vật chứa đựng thứ hai phải được cố định trong lớp bao gói ngoài cung để ngăn ngừa thiệt hại sau khi chất làm lạnh tan chảy hay biến mất.

Đá khô không được để bên trong vật chứa đựng đầu tiên hay vật chứa đựng thứ hai vì có nguy cơ gây nổ. Lớp bao gói ngoài cùng phải cho phép thải khí CO2 nếu đá khô được sử dụng. Hướng dẫn đóng gói 904 của Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế phải được tuân theo đối với đóng gói có sử dụng đá khô.

2. Ghi chép

Mẫu giấy điền thông tin mẫu, thư và các dạng thông tin khác dùng nhận biết người gửi và nhận phải được dán bên ngoài vật chứa đựng thứ hai cùng với bản sao giấy phép nhập khẩu của người nhận.

Điều 5.10.4.

Bất cứ người gửi tác nhân gây bệnh đề cập tại Luật thủy sản OIE hay nguyên liệu bệnh lý phải đảm bảo người nhận có giấy phép nhập khẩu cần thiết như đề cập tại Điều 5.10.2.

Điều 5.10.5.

1. Từng lô hàng chứa tác nhân gây bệnh như đề cập tại Luật thủy sản hay nguyên liệu bệnh lý phải được người gửi hàng thông báo trước tới người nhận hàng, kèm theo những thông tin dưới đây:

a) Bản chất chính xác của mẫu và đóng gói;

b) Số lượng bao gói được gửi và dấu hiệu và đánh số cho phép nhận diện;

c) Ngày gửi;

d) Phương phức vận chuyển lô hàng (tàu, máy bay, tàu hỏa hay phương tiện đường bộ).

2. Người nhận hàng phải thông báo cho người gửi hàng hóa đơn của từng lô hàng tác nhân gây bệnh như đề cập tại Luật thủy sản hay mẫu bệnh lý khi hàng đến.

Khi được người gửi thông báo, nhưng lô hàng không đến thì người dự định nhận phải thông báo Cơ quan thẩm quyền của nước nhận, tại cùng thời điểm, thông báo cho người gửi từ nước xuất xứ nhằm thực hiện các hành động cần thiết để điều tra mà không bị chậm chễ.

Chương 5.11. Mẫu chứng nhận sức khỏe cho thương mại quốc tế đối với động vật thủy sản sống và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản

Điều 5.11.1.

Hướng dẫn đối với chứng nhận sức khỏe cho thương mại quốc tế đối với động vật thủy sản sống và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản

1. Phần chung

Điền vào chứng nhận giấy bằng chữ in. Đánh dấu X vào ô lựa chọn. Đảm bảo rằng không để lại những phần trống cho phép có thể sửa chữa. Những phần không áp dụng có thể gạch chéo.

Phần I. Chi tiết về lô hàng gửi đi

Nước:	**Tên nước cấp chứng nhận**
Ô I.1.	Tên và địa chỉ đầy đủ của tổ chức, cá nhân gửi hàng. Nên cung cấp điện thoại, e-mail và fax.
Ô I.2.	Số giấy chứng nhận là số do Cơ quan Thẩm quyền dung để nhận biết chứng nhận.
Ô I.3.	Tên Cơ quan thẩm quyền.
Ô 1.4.	Tên và địa chỉ đầy đủ của tổ chức, cá nhân nhận hàng tại thời điểm cấp chứng nhận.
Ô I.5.	Tên nước xuất khẩu động vật sống. Đối với sản phẩm động vật, tên nước nơi thành phẩm được sản xuất hay bao gói.
	" Mã ISO" đề cập đến mã gồm 2 chữ cái theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 3166-1 Alpha-2 Code) đối với Nước do Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế cấp.
Ô I.6.	Tên vùng hay cơ sở xuất phát, nếu phù hợp, tại phần II của chứng nhận.
Ô I.7.	Tên nước đến. "Mã ISO" đề cập đến mã gồm 2 chữ cái theo tiêu chuẩn quốc tế

	(ISO 3166-1 Alpha-2 Code) đối với Nước do Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế cấp.
Ô I.8.	Tên vùng hay cơ sở đến, nếu phù hợp, tại phần II của chứng nhận.
Ô 1.9.	Tên và địa chỉ nơi/những nơi xuất khẩu động vật thủy sản sống, phôi hay sản phẩm động vật thủy sản; số phê chuẩn hay đăng ký chính thức.
	Đối với động vật thủy sản sống và phôi: cơ sở hay nơi bắt.
	Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản: cơ sở gửi sản phẩm
Ô I.10.	Tên địa điểm mà tại đó động vật thủy sản sống, phôi hay sản phẩm thủy sản được đóng lên tàu (sẽ là một nơi trên đất liền, biển hoặc sân bay).
Ô I.11.	Ngày khởi hành. Đối với động vật thủy sản sống và phôi bao gồm thời gian dự định khởi hành.
Ô I.12.	Chi tiết phương tiện vận chuyển.
	Nhận diện phương tiện vận chuyển tại thời điểm cấp chứng nhận: đối với đường hàng không, số chuyến bay;đường thủy, tên tàu; đối với tàu hỏa, số tàu, toa và bằng đường bộ, số đăng ký phương tiện và số toa kéo.
Ô I.13.	Tên cửa khẩu biên giới dự kiến, nếu có thể, số mã của Liên hợp quốc.
Ô I.14.	Số cho phép CITES nếu mặt hàng liên quan trong hanh mục của Công ước Thương mai Quốc tế về các loại động thực vật bị đe dọa.
Ô 1.15.	Mô tả mặt hàng hoặc sử dụng tiêu đề tại Hệ thống hài hòa hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới.
Ô I.16.	Tiêu đề hay mã HS của hệ thống Hài hòa hóa do Tổ chức Hải quan Thế giới đặt ra.
Ô I.17.	Tổng số lượng hay khối lượng mặt hàng.
	Đối với động vật thủy sản sống hay cảnh: tổng số lượng hay khối lượng.
	Đối với sản phẩm thủy sản: tổng khối lượng và khối lượng tinh

	của toàn lô hàng.
Ô I.18.	Nhiệt độ sản phẩm khi vận chuyển và bảo quản.
Ô I.19.	Đối với động vật thủy sản sống: tổng số thùng chứa/container dung vận chuyển. Đối với sản phẩm thủy sản: số lượng kiện hàng.
Ô I.20.	Nhận diện thùng chứa/số niêm phong khi yêu cầu.
Ô I.21.	Xác định kiểu kiện hàng như định nghĩa theo khuyến nghị số 21- Luật hành khách, kiểu hàng hóa, đóng gói và vật liệu đống gói (Trung tâm Liên Hợp Quốc nhằm Thúc đẩy thương mại và thương mại điện tử).
Ô I.22.	Mục đích sử dụng động vật hay sản phẩm thủy sản nhập khẩu.
	Giống: áp dụng cho phôi và giống.
	Nuôi: áp dụng đối với động vật thủy sản, trứng và ấu trùng thủy sản yêu cầu thời gian nuôi dưỡng.
	Giết mổ: áp dụng đối với động vật thủy sản giết mổ.
	Tái đàn: áp dụng đối với động vật thủy sản sống để tái đàn.
	Làm cảnh: áp dụng đối với động vật thủy sản sống để nuôi làm cảnh hoặc giải trí.
	Thi đấu/trưng bày: áp dụng đối với động vật thủy sản sống sử dụng làm mục đích thi đấu hay trưng bày.
	Làm thực phẩm người: áp dụng đối với động vật sống (mà không phải nuôi dưỡng) hoặc sản phẩm động vật dùng làm thực thực phẩm cho người.
	Thức ăn cho động vật thủy sản: là bất cứ sản phẩm có nguồn gốc động vật (đơn hay nhiều thành phần), chế biến, sơ chế hay thô, với mục đích cho động vật thủy sản ăn.
	Chế biến thêm: áp dụng đối với sản phẩm thủy sản cần phải chế biến thêm trước khi có thể sử dụng .
	Sử dụng vì mục đích kỹ thuật khác: áp dụng đối với sản phẩm động vật không dùng làm thực phẩm cho người hay động vật. Bao gồm sản phẩm động vật dùng làm dược phẩm, trong y tế, mỹ phẩm và các ngành công nghiệp khác. Những sản phẩm đó có thể phải chế biến thêm nhiều nữa.

	Sử dụng vì mục đích kỹ thuật đối với động vật thủy sản sống: áp dụng đối với sản phẩm thủy sản dùng đối với thủy sản sống, ví dụ như kích thích rụng trứng.
Ô I.23.	Đánh dấu nếu phù hợp.
Ô I.24.	Chi tiết về bản chất hàng hóa đủ để nhận diện.
	Đối với thủy sản sống và phôi: Phân loại (như lưỡng cư, giáo xác, cá hay nhuyễn thể); hoang dã hay nuôi; giống (tên khoa học); và nếu yêu cầu, hệ thống nhận diện; số lô hay chi tiết nhận diện khác; tuổi; giới tính.
	Đối với sản phẩm thủy sản: Phân loại (như lưỡng cư, giáo xác, cá hay nhuyễn thể); hoang dã hay nuôi; giống (tên khoa học); Số phê chuẩn của cơ sở (ví dụ như nhà máy chế biến, kho lạnh); nhận diện lô/mã ngày; số lượng kiện hàng.

Phần II. Thông tin về vệ sinh

Ô II.	Hoàn thành phần này theo yêu cầu thỏa thuận giữa Cơ quan Thẩm quyền nước nhập và xuất khẩu theo khuyến nghị tại Luật thủy sản.
Ô II.a.	Số tham khảo: xem ô I.2.
Cán bộ chứng nhận	Tên, địa chỉ, vị trí cán bộ, ngày ký và dấu của Cơ quan Thẩm quyền.

Điều 5.11.2. Mẫu chứng nhận sức khỏe đối với thương mại quốc tế động vật thủy sản sống và phôi

NƯỚC:

	I.1. Người gửi: Tên: Địa chỉ:	I.2. Số Chứng nhận:
Phần I: Chi tiết về lô hàng		I.3. Cơ quan thẩm quyền:
	I.4. Người nhận: Tên:	

	Địa chỉ:	
	I.5. Nước xuất phát: mã ISO 1:	I.6. Vùng hay cơ sở xuất phát**:
	I.7. Nước đến: mã ISO*:	I.8. Vùng hay cơ sở đến**:
	I.9. Nơi xuất phát: Tên: Địa chỉ:	
	I.10. Nơi xếp hàng:	I.11. Ngày xuất phát:
	I.12. Phương tiện vận chuyển:	I.13. Cửa khẩu dự kiến:
	Hàng không □ Tàu thủy □ Tàu hỏa □	I.14. Số giấy phép CITES**:
	Phương tiện trên cạn □ Khác □	
	Nhận diện:	
	I.15. Mô tả hàng hóa:	I.16. Mã hàng hóa (mã ISO):
		I.17. Tổng số lương:
	I.18.	I.19. Tổng số kiên hàng:
	I.20. Nhận diện của container/số niêm phong	I.21. Loại đóng gói:
	I.22.Mục đích sử dụng hàng hóa:	
	Làm giông □	Nuôi □
	Giết mổ □	Tái đàn □
	Làm cảnh □	Thi đấu/trưng bày □
	Khác □ Nếu có, ghi cụ thể.	
	I.23. Đối với nhập khẩu:	

*Lựa chọn. **Nếu được tham chiếu tại Phần II.

	Nhập khẩu □ Tái nhập □	Tạm nhập □
	I.24. Nhận diện hàng hóa:	
	Lưỡng cư □	Giáp xác □
	Cá □	Nhuyễn thể □
	Hoang dại □	Nuôi trồng □
	Loài (tên khoa học):	Tuổi*:
	Hệ thống nhận diện*:	Số lô*:
	Giới tính*:	

NƯỚC:

		II.a. Số Chứng nhận:
Phần 2: Thông tin về vệ sinh	Cán bộ chứng nhận ký tên dưới đấy chứng nhận rằng động vật/phôi mô tả ở trên đáp ứng những yêu cầu sau đây: Cán bộ chứng nhận: Tên và địa chỉ (chữ in): Chức vụ: Ngày: Ký tên: Đóng dấu:	

PHẦN II

QUY ĐỊNH CỦA OIE VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN

Giới thiệu

Tài liệu này hướng dẫn về các quyền và nghĩa vụ của các nước thành viên OIE có liên quan tới thương mại quốc tế, bao gồm các trường hợp không thống nhất hoặc tranh chấp chính thức giữa các nước thành viên.

Phần 1: Giải quyết quyền và nghĩa vụ của các nước thành viên OIE đối chiếu với thương mại quốc tế động vật và sản phẩm động vật. Các quốc gia thành viên cần căn cứ các biện pháp vệ sinh trong các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến cáo của OIE vì điều này tạo điều kiện cho thương mại an toàn, tránh các rào cản thương mại phi lý và nhấn mạnh việcsẽ tuân thủ các Hiệp định của WTO về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật.

Tiêu chuẩn của OIE bao gồm Luật Thú y trên cạn (viết tắt là bộ Luật trên cạn*) và Luật Thú y thủy sản (viết tắt là bộ Luật thủy sản) cùng với các cuốn sổ tay lần lượt cho động vật trên cạn và thủy sản,*và trong các Nghị quyết của Đại hội đồng các đại biểu các nước của OIE.

Trong trường hợp không có tiêu chuẩn quốc tế nào quy định hoặc các nước thành viên có yêu cầu điều kiện an toàn vệ sinh ở mức độ cao hơn, cần tiến hành các đánh giá rủi ro mang tính khoa học theo các khuyến cáo của OIE. Việc sử dụng các khái niệm SPS chủ đạo như *tương đương, phân vùng, thiết lập vùng mẫu dịch* cần phải căn cứ một cách toàn diện vào các tiêu chuẩn của OIE để góp phần tạo điều kiện cho thương mại quốc tế an toàn.

Niềm tin vào chất lượng của công tác thú y và thú y thủy sản quốc gia là nền tảng cho thương mại quốc tế. Quản lý tốt, đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo dịch bệnh, hiệu quả trong giám sát dịch bệnh, phát hiện sớm và quản lý và độ tin cậy trong cấp giấy chứng nhận thú y là nền tảng.

Phần 2: Đưa ra những cơ chế mà các thành viên WTO và các nước thành viên của OIE có thể sử dụng để giải quyết những khác biệt và tranh chấp chính thức ảnh hưởng đến thương mại quốc tế. WTO cung cấp cách tiếp cận chính thức và không chính thức để giải quyết các tranh chấp thương mại; OIE cũng cung cấp một thủ tục hòa giải không chính thức để giải quyết sự khác biệt giữa các đối tác kinh doanh. Cách tiếp cận tự nguyện này được dựa trên khoa học và nhấn mạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn của OIE, để tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế an toàn trong động vật và sản phẩm động vật.

Khi sự khác biệt phát sinh, và đặc biệt là khi sự khác biệt này là do việc không tuân thủ các tiêu chuẩn của OIE thì các thành viên được khuyến khích xem xét sử dụng một biện pháp hòa giải không chính thống của OIE để giải quyết sự khác biệt của họ như là một bước đầu tiên.

Các bước trong thủ tục hòa giải không chính thức OIE được nêu trong Phụ lục A.

PHẦN 1
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN OIE

1.1. Giới thiệu

Việc đưa cơ sở pháp lý thành lập WTO (Tổ chức Thương mại thế giới) năm 1995 vào hiệu lực đã tạo ra hệ thống thương mại quốc tế dựa trên các quy định được các thành viên WTO áp dụng như hiện nay. Hiệp định của WTO về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật. Hiệp định SPS công nhận OIE là tổ chức xây dựng các tiêu chuẩn có liên quan tới các biện pháp vệ sinh phòng bệnh động vật và các bệnh lây sang người.

Lời mở đầu của Hiệp định SPS viết rằng đó là mong muốn tiếp tục việc sử dụng thống nhất các biện pháp vệ sinh giữa các thành viên, dựa trên các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến cáo của quốc tế được xây dựng bởi các tổ chức quốc tế có liên quan, bao gồm (...) Văn phòng quốc tế về Bệnh dịch động vật. Hiệp định SPS cũng tham khảo các tiêu chuẩn của OIE tại Điều 3 về việc thống nhất, và trong Phụ lục A, mục 3 (b).

Trong bối cảnh buôn bán động vật và sản phẩm động vật, "biện pháp vệ sinh" có nghĩa là "một biện pháp, chẳng hạn như những mô tả trong các chương khác nhau của bộ *Luật trên cạn, dành riêng cho bảo* vệ sức khỏe động vật hoặc con người hay các sinh vật sống trong lãnh thổ của Thành viên OIE khỏi các rủi ro phát sinh từ việc xâm nhập, xuất hiện hay lan truyền của một mối nguy hiểm " . Các tiêu chuẩn có liên quan nằm trong cuốn bộ luật *trên cạn* và *luật dưới nước* của OIE và cuốn sổ tay của OIE lần lượt dành cho động vật trên cạn va dưới nướccó liên quan, cùng với rất nhiều các Nghị quyết được Đại hội đồng các đại biểu các nướccủa OIE chấp thuận (Hội đồng).

Các WTO công nhận rằng mỗi thành viên có chủ quyền thiết lập mức bảo vệ thích hợp khi áp dụng các biện pháp vệ sinh trong thương mại quốc tế. Tuy nhiên, các thành viên WTO phải tôn trọng các quy định trong Hiệp định SPS khi đưa ra các biện pháp này. Các nước thành viên WTO có thể tuân thủ các nghĩa vụ của họ trong Hiệp định SPS bằng cách tạo cơ sở cho các biện pháp của họ theo các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan. Nếu các biện pháp bảo vệ cao hơn là cần thiết, cần tiến hành đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 5 của Hiệp định SPS và có tính đến các kỹ thuật đánh giá rủi ro phát triển bởi các tổ chức quốc tế có liên quan. Các tiêu chuẩn của OIE về đánh giá rủi ro trong nhập khẩu được mô tả trong Chương 2.1. của *trong cuốn bộ luật trên cạn* của *OIE* và Chương 2.2. cuốn bộ luật *dưới nước* của *OIE* .

Các chuẩn mực trong các *bộ luật* được thiết kế để tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế an toàn. Các *quyển bộ luật này là* tài liệu tham khảo dùng cho các cơ quan thú y, cơ quan chức thú y thủy sản, những người chịu trách

nhiệm ra quyết định về việc nhập khẩu và xuất khẩu động vật và sản phẩm của chúng, và tất cả những người tham gia trong thương mại quốc tế. Áp dụng đúng, tiêu chuẩn OIE tạo cho buôn bán động vật và sản phẩm động vật được diễn ra với mức độ an toàn nhất cho sức khỏe động vật, dựa trên các thông tin khoa học và các kỹ thuật có sẵn cập nhật nhất. Việc áp dụng các tiêu chuẩn của OIE là phương tiện tốt nhất để tránh những bất đồng, tranh chấp và các vấn đề khác trong thương mại quốc tế.

Hơn nữa, các chuyên gia OIE thường được yêu cầu tư vấn khoa học trong các hội thảo WTO liên quan đến tiêu chuẩn OIE có liên quan đến tranh chấp theo Hiệp định SPS của WTO.

1.2. Các thủ tục xây dựng các tiêu chuẩn hướng dẫn và khuyến nghị của OIE

Mục đích của các Bộ luật, *được gọi tắt,* là đảm bảo an toàn vệ sinh trong thương mại quốc tế động vật và sản phẩm động vật bằng việc chi tiết các biện pháp về sức khỏecó cơ sở khoa học được các cán bộ thú y của nước nhập khẩu và xuất khẩu sử dụng để tránh việc lây truyền các tác nhân gây bệnh cho động vật hoặc con người, trong khi đó lại tránh những rào cản vệ sinh phi lý .

Bộ luật trên cạn được dự thảo bởi Ủy ban Tiêu chuẩn Thú y trên cạn và Bộ luật *thủy sản* được xây dựng bởi Ủy ban Tiêu chuẩn Thú ythủy sản. Các ủy ban chuyên gia này làm việc chặt chẽ với các ủy ban chuyên gia khác của OIE, các tổ chức quốc tế có liên quan và các tổ chức phi chính phủ, và với đại biểu các nước của OIE. Thành viên trong các ủy ban được bầu bởi Đại Hội đồng các đại biểu các nướccủaOIE. Dự thảo tiêu chuẩn được chuyển đến Đại biểu của các quốc gia ít nhất hai lần để lấy ý kiến trước khi được đề nghị Hội đồng này thông qua . Bỏ phiếu được thực hiện bởi đại biểu các nước tôn trọng các nguyên tắc dân chủ của "một quốc gia, một phiếu bầu". OIE đảm bảo các trình tự xây dựng bô luật minh bạch và dân chủ tạo ra cơ sở cho việc nhất trí và hỗ trợ thực hiện các tiêu chuẩn của các thành viên OIE.

Thông tin thêm về các trình tự xây dưng các tiêu chuẩn của OIE có sẵn trên trang web của OIE.

1.3. Trách nhiệm của các nước nhập khẩu và xuất khẩu

Trách nhiệm của các nước nhập khẩu và xuất khẩu được quy định tại Chương 5.1 của *Bộ luật trên cạn* và Chương 5.1 của bộ luật *dưới nước*.

Cơ sở dữ liệu thông tin về dịch bệnh động vật trên Thế giới (WAHID), có thể truy cập trên trang web của OIE có chứa một loạt các dữ liệu có liên quan để đánh giá nguy cơ và đưa ra quyết định về các biện pháp phòng bệnh, bao gồm:

- Các báo cáo đột xuất do các nước thành viên gửi
- Các báo cáo tiếp theo do các nước thành viên gửi
- Báo cáo sáu tháng mô tả tình hình các bệnh trong danh mục của OIE;

- Báo cáo hàng năm cung cấp các thông tin về sức khỏe động vật, và công tác thú y...

Khi sử dụng dữ liệu trong WAHID, tình hình vệ sinh của nước nhập khẩu và xuất khẩu có thể được so sánh với mục đích của việc thiết lập các điều kiện trong thương mại.

1.3.1. Trách nhiệm của các nước nhập khẩu

Như đã nêu trong Hiệp định SPS của WTO, nước nhập khẩu có quyền lựa chọn mức độ bảo vệ thích hợp đối với các vấn đề về sức khỏe động thực vật và an toàn thực phẩm.

Nước nhập khẩu không nên áp đặt các biện pháp liên quan đến các bệnh hoặc các mầm bệnh không trong danh mục OIE, trừ khi bệnh hoặc tác nhân gây bệnhkhông trong danh mục này đã được xác định là có nguy cơ cao,trên cơ sở đánh giá nguy cơ về nhập khẩu được tiến hành theo khuyến cáo của OIE.

Các khuyến nghị của *các Bộ luật* quan tâm tới tình hình sức khỏe động vật tại nước xuất khẩu, và cho rằng bệnh được áp đặt các biện pháp khi không có mặt tại các nước nhập khẩu hoặc, nếu có, là bệnh mà có chương trình giám sát chính thức tại nước nhập khẩu. Nước nhập khẩu không nên áp đặt các biện pháp vệ sinh cho các bệnh hoặc các mầm bệnh đã xuất hiện tại các nước nhập khẩu, trừ khi chúng đã được không chế chính thức, và trong trường hợp này, các biện pháp áp dụng để nhập khẩu không nên chặt chẽ quá so với các kiểm soát bệnh chính thức được áp dụng đối với các động vật và sản phẩm động vật tương tự ở nước nhập khẩu.

Một thành viên của OIE có thể yêu cầu nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật vào lãnh thổ của mình với các biện pháp vệ sinh được áp dụngchặt chẽhoặc dễ dàng hơn các đề xuất trong các cuốn Bộ luật. Khi mà các biện pháp này khắc khe hơn thì phải dựa đánh giá rủi ro có khoa học, xem xét trong các tiêu chuẩn của OIE.Nước nhập khẩu nên công bố một danh sách các trạm cửa khẩu nhập khẩu động vật sản phẩm động vật. Các thông tin này sẽ giúp ích cho các nước xuất khẩu chuẩn bị cho việc vận chuyển hàng hóa nhờ vậy tạo điều kiện cho thương mại quốc tế.

Thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trên các trang web của OIE trong tài liệu: Xây dựng các biện pháp phòng bệnh trong nhập khẩu các hàng hóa là động vật .

1.3.2. Trách nhiệm của các quốc gia xuất khẩu

Theo yêu cầu của các nước nhập khẩu, các nước xuất khẩu cần cung cấp các thông tin sau, để cho phép các đối tác thương mại thẩm định các tuyên bố của nước xuất khẩuvề tình trạng sức khỏe toàn quốc và nếu có thể là sự tồn tại của các khu vực/vùng an toàn với các bệnh nhất định:

- Tình hình sức khỏe động vật, bao gồm cả cập nhật thường xuyên và kịp thời về sự xuất hiện của bệnh phải báo cáo;

- Hệ thống thông tin quốc gia về sức khỏe động vật, bao gồm các qui định pháp lý, các chương trình và các thủ tục có hiệu lực;

- Khả năng của quốc gia đó áp dụng các biện pháp để ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh trong danh mục của OIE có liên quan;

- Thông tin về cơ cấu tổ chức của ngành thú y/thú y thủy sản và các cơ quan thẩm quyền theo chương 3.1 và 3.2 của Bộ luật trên cạn và chương 3.1 Bộ luật dưới nước;

- Thông tin kỹ thuật, đặc biệt là trên các xét nghiệm sinh học và vắc xin áp dụng trong toàn bộ hoặc một phần của lãnh thổ quốc gia.

Lô hàng động vật và một số sản phẩm động vật thông thường được kiểm tra bởi một cán bộ thú y (hoặc một bác sĩ thú y tư nhân được ủy quyền chính thức) trước khi xuất khẩu. Các bác sĩ thú y này cấp một giấy chứng nhận kiểm dịch theo các thỏa thuận thống nhất giữa các cơ quan thú y của nước xuất khẩu và nhập khẩu. OIE cung cấp mẫu giấy chứng nhận và các nước thành viên được khuyến khích sử dụng mẫu này như là căn cứ cho thương mại.

Cơ quan Thú y của nước nhập khẩu có trách nhiệm sau cùng với việc cấp giấy chứng nhận thú y được sử dụng trong thương mại quốc tế.

Dựa trên Bộ luật trên cạn Điều 5.1.3, Cơ quan thẩm quyền thú y của các nước xuất khẩu nên:

- Đưa ra các thủ tục chính thức ủy quyền cho các bác sĩ thú y cấp giấy chứng nhận, ghi rõ chức năng và nhiệm vụ của họ và các điều kiện giám sát và trách nhiệm giải trình, bao gồm cả các thủ tục tạm ngừng và chấn dứt ủy quyền này;

- Đảm bảo rằng các bác sỹ thú y cấp giấy chứng nhận được hướng dẫn và đào tạo các vấn đề có liên quan, và

- Giám sát các hoạt động của các bác sỹ thú y cấp giấy chứng nhận để đánh giá tính trung thực và công bằng của họ.

Theo yêu cầu của các nước nhập khẩu, nước xuất khẩu nên cung cấp thông tin về các lô hàng xuất khẩu, bao gồm:

- Ngày dự kiến nhậpcảnh vào lãnh thổ của các nước nhập khẩu;

- Các loài động vật xuất;

- Số lượng;

- Các phương tiện vận tải; và

- Trạm cửa khẩu ở nước nhập khẩu nơi cáclô hàng sẽ đến.

Việc tuân thủ các khuyến nghị này giúp đảm bảo an toàn thương mại quốc tế.

1.4. Lộ trình thực hiện công tác thú y của OIE (OIE PVS pathway) để quản lý tốt ngành thú y và thú y thủy sản

Lộ trình thực hiện công tác thú y là chương trình toàn cầu để cải thiện bền vững công tác thú y hay thú y thủy sản tại các quốc gia, dựa trên việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng trong lần lượt các Bộ luật trên cạn và dưới nước.

Công tác thú y và thú y thủy sản có chất lượng cao là nền tảng cho việc cải thiện sức khỏe động vật và cộng đồng và cho việc tăng cường sự tuân thủ với các tiêu chuẩn SPS ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

Công tác thú y và thú y thủy sản hiệu quả cũng cần thiết cho việc đảm bảo an toàn thương mại quốc tế. Ngành thú y không chỉ phải có khả năng phát hiện và quản lý nhanh và hiệu quả các bệnh trong danh mục của OIE bao gồm cả các bệnh có nguy cơ đối với sức khỏe con người, mà còn phải đảm bảo các biện pháp vệ sinh an toàn với các hàng hóa xuất khẩu thông qua việc đảm bảo đối với công tác cấp giấy chứng nhận. Việc duy trì sự tin tưởng giữa các đối tác kinh doanh dựa vào việc thực hiện công tác thú y ổn định trong ngành và lĩnh vực khác.

Với mục tiêu tăng cường năng lực và quản trị tốt, OIE phát triển các công cụ PVS để đánh giá thực hiện công tác thú y (công cụ PVS của OIE, ấn bản số 6 năm 2013), với cơ sở pháp lý trong *Bộ luật trên cạn phần 3 và một bộ công cụ tương tự cho việc đánh giá thực hiện công tác thú y thủy sản (công cụ PVS của OIE – cho động vật dưới nước, ấn bản đầu tiên năm 2013) với cơ sở pháp lý trong cuốn bộ luật cho động vật dưới nước, chương 3.1 ,*

Sau khi có đánh giá PVS ban đầu, một quốc gia có thể yêu cầu thực hiện đánh giá khác theo lộ trình (PVS pathway). Các đánh giá này được thực hiện bởi các chuyên gia của OIE có thể đánh giá cụ thể hơn các lĩnh vực về cơ sở hạ tầng và kỹ thuật,ví dụ như đánh giá chất lượng của các quy định pháp lý thú y của quốc gia hay việc thực hiện của các cơ quan thú y cũng như các lĩnh vực có liên quan tới đầu tư và kinh phí. Việc tiến hành phân tích các thiếu sót trong việc thực hiện công tác thú y (PVS) rất có giá trị để đưa ra các ưu tiên trong đầu tư và tăng cường cơ sở hạ tầng quốc gia.

Các quốc gia thành viên của OIE và các nhà tài trợ ủng hộ mạnh mẽ lộ trình thực hiện công tác thú y (PVS Pathway) và đến cuối năm 2012, hơn 200 đánh giá đã được thực hiện trên toàn cầu. Như vào tháng Giêng năm 2013, hơn hai phần ba của các nước thành viên OIE đang tham gia vào các PVS Pathway (là các yêu cầu chính thức cho một đánh giá PVS ban đầu) và hai phần ba số thành viên đã yêu cầu phân tích các thiếu sót trong việc thực hiện công tác thú y(bước thứ hai của lộ trình (Pathway).

1.5. Nguyên tắc của SPS và các tiêu chuẩn OIE để tạo thuận lợi cho thương mại an toàn

Hiệp định SPS là tiền đề cho việc sử dụng đánh giá rủi ro và khoa học , cũng như cho việc thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, làm cơ sở cho sự phát triển của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật. Ngoài ra,

Hiệp định có chứa một số khái niệm quan trọng mà, khi đưa vào thực tế, giúp cho việc tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế an toàn. Các tiêu chuẩn của OIE, đã thể hiện đầy đủ các khái niệm SPS này, được cập nhật thường xuyên và được phát triển từ các nghiên cứu khoa học và cácphân tích nguy cơ do các nước thành viên thực hiện.

1.5.1. Sự tương đương

Các khái niệm trong Hiệp định SPS Điều 4 về "tương đương" là việc áp dụng các biện pháp vệ sinh do nước xuất khẩu đề xuất được các nước nhập khẩu chấp nhận đạt được mức độ bảo vệ thích hợp theo yêu cầu của các nước nhập khẩu, mặc dù các biện pháp này có thể khác với những biện pháp áp dụng bởi các nước nhập khẩu.

Các khuyến nghị của Ủy ban SPS về việc thực hiện tương đương có thể được tìm thấy trong văn bản của ủy ban G/SPS/19/Rev.2 [14] . Phù hợp với những kiến nghị, Bộ luật của trên cạn Chương 5.3. cung cấp hướng dẫn cho các thành viên khi đưa ra quyết định về sự tương đương của các biện pháp phòng bệnh

Hòa giải không chính thức của OIE có thể được sử dụng để giải quyết sự khác nhau giữa các nước thành viên liên quan đến sự tương đương của các biện pháp phòng bệnh khác nhau

1.5.2. Phân vùng và thiết lập khu mậu dịch

Phải thừa nhận rằng thanh toán bệnh trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia đang đưa ra những khó khăn thực sự đối với nhiều quốc gia. Để giúp quản lý bệnh và tạo thuận lợi cho thương mại an toàn, OIE đã xây dựng dựa trên các nguyên tắc SPS về “thích ứng với điều kiện khu vực”, hoặc 'khu vực hóa"(Điều 6), với sự phát triển của các khái niệm về phân vùng và thiết ập khu mậu dịch. Hướng dẫn của WTO về việc thi hành Điều 6 được tìm thấy tại văn bản của Ủy ban SPS số G/SPS/48 [15].

Phân vùng và thiết lập khu mậu dịch giúp cho các thành viên việc xác định tiểu quần thể có một tình trạng sức khỏe tốt hơn so với quần thể khác trên cả nước và thiết lập điều kiện cho thương mạicăn cứ tình trạng sức khỏe của tiểu quần thể này.

Chương 4.3. và 4.4. của *Bộ luật trên cạn* và Chương 4.1. và 4.2. của *Bộ luật dưới nước* có các tiêu chuẩn và khuyến nghị về phân vùng và thiết lập khu mậu dịch. Đồng thời hướng dẫn thực hành việc thiết lập các khu mậu dịch đối với quần thể động vật trên cạn cũng được tìm thấy trên trang web của OIE:

1) Danh mục các việc thực hành thiết lập khu mậu dịch[16]và

2) Thiết lập khu mậu dịch đối với bệnh cúm gia cầm và bệnh Newwcalsle.

Để hỗ trợ cho quyết định của nước nhập khẩu dựa trên các điều kiện sức khỏe cho sự tồn tại của một vùng hoặc khu mậu dịch an toàn bệnh trong nước xuất khẩu, việc cuối cùng là phải chứng minh rằng các điều kiện này tuân thủ với các tiêu chuẩn có liên quan của OIE. Các tài liệu chi tiết cần được nước xuất

khẩu cung cấp cho các nước nhập khẩu để xem xét tổng quát việc thiết lập các biện pháp phòng bệnh thích hợp và các qui định về cấp giấy chứng nhận

Kết quả của một đề nghị công nhận một khu vực hoặc khu mậu dịchphụ thuộc vào việc cơ quan thú y của nước nhập khẩu có tin tưởng vàocông tác thú y của nước xuất khẩu và các biện pháp được sử dụng để duy trì tình trạng sức khỏe của tiểu quần thể được xác định. Những phát hiện, được xác nhận bởi các quốc gia được đánh giáthực hiện công tác thú y của OIE và bất kỳ các đánh giá tiếp sau, nên được đưa vào cân nhắc trong việc xem xét một đề nghị công nhận một khu vực hoặc vùng mậu dịch.

1.5.3. Phân tích rủi ro

Hiệp định SPS, tại Điều 5, yêu cầu thành viên căn cứ biện pháp vệ sinh của họ vào việc đánh giá những rủi ro đối với con người, động vật hoặc thực vật sống hay sức khỏe cho phù hợp với hoàn cảnh, xem xét các kỹ thuật đánh giá rủi ro được xây dựng bởi các tổ chức quốc tế có liên quan. Theo định nghĩa của OIE, "đánh giá rủi ro" là đánh giá khả năng và hậu quả sinh học và kinh tế của việc xâm nhập, xuất hiện và lây lan của một mối nguy hiểm trong lãnh thổ của một nước nhập khẩu và "phân tích rủi ro" có nghĩa là quá trình gồm cả xác định nguy cơ, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro và thông tin về rủi ro.

Trong các tình huống mà các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan chưa được xây dựng hoặc một nước nhập khẩu cho rằng đòi hỏi các biện pháp cao hơn so với tiêu chuẩn quốc tế, các nước nhập khẩu cần thực hiện một phân tích rủi ro trong nhập khẩu. Các tiêu chuẩn của OIE về phân tích rủi ro nhập khẩu được tìm thấy trong cuốn bộ luật trên cạn phần 2 và bộ luật dưới nước phần 2. Chi tiết cụ thể hơn được hướng dẫn trong *Cẩm nang* OIE *về phân tích rủi ro trong nhập khẩuđộng vật và sản phẩm động vật,* có thể được mua tại các hiệu sách của OIE [18]

Các phân tích rủi ro trong nhập khẩu nên đưa vào đánh giá chất lượng của công tác thú y của nước xuất khẩu và đặc biệt là kết quả, được xác nhận bởi các quốc gia được đánh giá, trong bất kỳ đánh giá PVS củaOIE được tiến hành. Việc sử dụng các phân vùng và thiết lập khu mậu dịch của nước xuất khẩu cũng cần được giải quyết một cách thích hợp.

Các tiêu chuẩn hướng dẫn và khuyến nghị của OIE được cập nhật hàng năm, có tính đến các nghiên cứu khoa học và phát triển kiến thức. Đó là nhờ số lượng ngày càng tăng của các nước thành viên tiến hành phân tích nguy cơ trong nhập khẩu, các kết quả đó cung cấp tài liệu có giá trị với các tiêu chuẩn của OIE.

Việc cập nhật liên tục và công bố các tiêu chuẩn OIE đặc biệt về bệnh động vật cung cấp cho các nước thành viên và các bên liên quan các công cụ và các thông tin cần thiết để tiến hành phân tích rủi ro phù hợp với các quy định của Hiệp định SPS của WTO.

1.5.4. Hàng hóa an toàn

Với mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại an toàn, OIE đã đưa ra trong các chương của từng bệnh trong các cuốn Bộ luật,hệ thống một danh sách các sản phẩm động vật ('hàng hóa') được coi là an toàn cho thương mại quốc tế, bất kể tình trạng bệnh của nước xuất khẩu không rõ ràng. Cách tiếp cận này đôi khi được gọi là "thương mại dựa trên hàng hóa '.

Khi cho phép nhập khẩu dựa trên hàng hóa và sản phẩm được coi là an toàn, các nước nhập khẩu không nên áp đặt các biện pháp phòng bệnhđối với bệnh không rõ ràng này, bất kể tình trạng của nước xuất khẩu, khu vực hoặc vùng đối với căn bệnh đó.

Trong *Bộ Luật Thủy sản,* Điều 5.3.2., Khái niệm "người tiêu dùng sản phẩm có sẵn" đã được sử dụng như một cơ sở cho việc xác định sự an toàn của các sản phẩm thủy sản trong thương mại quốc tế. Những sản phẩm này được chuẩn bị và đóng gói để bán lẻ và dùng làm thực phẩm. Độ an toàn của chúng, xét về mặt dịch bênh, phụ thuộc vào mức độ rủi ro tối thiểu gây ra do các chất thải (như phần thừa của các sản phẩm không được tiêu thụ).

1.6. Kết luận

Các biện pháp vệ sinh dựa trên các tiêu chuẩn của OIE cung cấp đảm bảo về thương mại quốc tế trong động vật và sản phẩm động vật an toàn. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc tế có liên quan hoặc khi các thành viên yêu cầu một mức độ về an toàn vệ sinh cao hơn, thì cần tiến hành một đánh giá rủi ro mang tính khoa học dựa trên các tiêu chuẩn của OIE.

Các khái niệm then chốt, chẳng hạn như tương đương, phân vùng, thiết lập khu mậu dịch và hàng hóa an toàn, như thể hiện trong Bộ luật của *OIE,* nên được chấp nhận và được sử dụng làm cơ sở cho các biện pháp vệ sinh để tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế an toàn.

Sự tin tưởng vào chất lượng của công tác thú y và thú y thủy sản quốc gia là nền tảng cho thương mại quốc tế. Quản lý tốt, đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo dịch bệnh, hiệu quả trong quản lý bệnh và độ tin cậy trong cấp giấy chứng nhận thú y, là nền tảng cho các mối quan hệ tin cậy giữa nước xuất khẩu và nhập khẩu.

Phụ lục 2

QUY ĐỊNH CỦA OIE VỀ VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Công văn số 360/TY-TS ngày 03/3/2017 của Cục Thú y)

Chương 4.1. Xây dựng cơ sở và vùng an toàn dịch bệnh

Điều 4.1.1. Giới thiệu

Xuất phát từ những khó khăn trong việc thiết lập và duy trì tình trạng sạch một bệnh nào đó trên phạm vi quốc gia, đặc biệt đối với các bệnh khó kiểm soát được đường xâm nhập, do đó có thể sẽ thuận lợi hơn cho các nước thành viên OIE khi xây dựng và duy trì trạng thái an toàn dịch bệnh động vật ở phạm vi quần thể nhỏ hơn. Các quần thể này có thể được tách biệt bằng ranh giới địa lý tự nhiên hoặc nhân tạo và được áp dụng các biện pháp thực hành phù hợp với các trường hợp cụ thể.

Xây dựng cơ sở và vùng an toàn dịch bệnh là quá trình được thực hiện bởi một quốc gia theo các quy định tại chương này để xác định các quần thể động vật có tình trạng sức khỏe tốt nhằm kiểm soát dịch bệnh hay thương mại quốc tế. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh (compartmentalisation) được áp dụng cho một quần thể với các biện pháp quản lý an ninh sinh học là các yếu tố quyết định, trong khi đó vùng an toàn dịch bệnh được xác định đối với các quần thể có ranh giới địa lý đã được xác định. Trong thực tế, những yêu cầu về địa lý và quản lý tốt đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở và vùng an toàn dịch bệnh.

Chương này nhằm mục đích hỗ trợ cho các nước thành viên trong việc xây dựng và duy trì các quần thể động vật ở cấp độ khác nhau, dựa trên các nguyên tắc xây dựng cơ sở và vùng an toàn dịch bệnh. Các nguyên tắc này cần phải được áp dụng cùng với các biện pháp được quy định cụ thể tại chương phòng, chống dịch bệnh. Chương này nêu khái quát một quy trình mà các đối tác thương mại có thể sử dụng để công nhận các quần thể an toàn dịch bệnh. Quy trình này tốt nhất nên được các đối tác thương mại áp dụng thông qua các chỉ tiêu đã được thiết lập và đạt được sự đồng thuận về các biện pháp cần thiết trước khi xảy ra dịch bệnh.

Trước khi xúc tiến các hoạt động thương mại về động vật thủy sản hoặc các sản phẩm động vật thủy sản, nước nhập khẩu cần được biết rõ tình trạng sức khỏe của động vật thủy sản ở nước xuất khẩu thông qua các biện pháp bảo vệ phù hợp. Trong phần lớn các trường hợp, các quy định nhập khẩu phần nào dựa trên đánh giá các quy trình vệ sinh thú y được thực hiện ở nước xuất khẩu, ở cả cửa khẩu nhập và trong vùng lãnh thổ nước xuất khẩu.

Ngoài đóng góp cho sự an toàn trong thương mại quốc tế, khoanh vùng và phân vùng có thể giúp cho việc khống chế và loại trừ dịch bệnh ở các nước thành viên. Khoanh vùng sẽ tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, và phân vùng có thể cho phép việc chia tách theo chức năng một quần thể ra khỏi các động vật thủy sản nuôi khác hoặc động vật thủy sản ngoài tự nhiên dựa trên cơ sơ các biện pháp an ninh sinh học mà khoanh vùng (dựa trên phân tách địa lý) sẽ không thực hiện được. Sau khi xảy ra dịch bệnh, sự phân chia vùng có thể cho phép nước thành viên xác định được sự liên hệ về mặt dịch tễ giữa các quần thể hoặc các biện pháp thông thường liên quan đến an ninh sinh học, mặc dù có sự đa dạng về vị trí địa lý, để giúp cho việc khống chế dịch bệnh và/hoặc khôi phục thương mại.

Cơ sở và vùng an toàn có thể không áp dụng cho tất cả các bệnh, nhưng những yêu cầu cụ thể sẽ được quy định đối với từng bệnh, khi đó việc áp dụng cơ sở và vùng an toàn dịch bệnh sẽ được xem xét một cách hợp lý.

Để khôi phục lại tình trạng vùng hay cơ sở an toàn dịch bệnh sau khi xuất hiện ổ dịch, các nước thành viên nên thực hiện các khuyến cáo đối với từng bệnh đã được nêu cụ thể tại các chương về bệnh của Luật thủy sản.

Điều 4.1.2. Những lưu ý chung

Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu nơi đang triển khai xây dựng vùng hay cơ sở với mục đích thương mại quốc tế cần phải xác định rõ quần thể dựa trên các khuyến cáo đã được nêu tại các chương liên quan của Luật thủy sản của OIE, bao gồm những nội dung về giám sát, xác định và truy xuất nguồn gốc thủy sản. Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu có thể giải thích với cơ quan có thẩm quyền nước của nhập khẩu về sự khác biệt đối với yêu cầu về thú y thủy sản đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh ở các yếu tố cơ bản như vậy.

Các quy trình để xây dựng và duy tình trạng sức khỏe tốt ở động vật thủy sản trong một vùng hay cơ sở cần phù hợp với các hoàn cảnh cụ thể, phụ thuộc vào đặc điểm dịch tễ của bệnh, các yếu tố môi trường, nguy cơ lây truyền và hình thành dịch bệnh, và các biện pháp an ninh sinh học có thể áp dụng. Nước xuất khẩu, dựa trên các chi tiết tài liệu cung cấp cho nước nhập khẩu, được công bố trên các kênh thông tin chính thức, cần phải chứng minh được nước xuất khẩu đã thực hiện theo các khuyến cáo của OIE trong Luật thủy sản để thiết lập và duy trì vùng hay cơ sở đó.

Nước nhập khẩu cần phải được thông báo về sự tồn tại của vùng hay cơ sở này khi các biện pháp phù hợp khuyến cáo trong Luật thủy sản được áp dụng và được cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu chứng nhận. Lưu ý rằng nước nhập khẩu có thể áp dụng mức độ bảo vệ cao hơn khi có đủ các bằng chứng khoa học và nghĩa vụ theo quy định tại Mục 2.1.2.

Nếu các nước có chung vùng hoặc cơ sở, cơ quan thẩm quyền của mỗi nước cần hợp tác với nhau để xác định và thực hiện các trách nhiệm tương ứng.

Nước xuất khẩu cần tiến hành đánh giá về các nguồn lực cần thiết và có sẵn để xây dựng và duy trì một vùng hay cơ sở cho mục đích thương mại quốc

tế. Các nguồn lực này bao gồm nhân lực và tài chính và năng lực kỹ thuật của hệ thống thú y thủy sản (và các ngành công nghiệp liên quan, trong trường hợp cơ sở) bao gồm giám sát và chẩn đoán bệnh.

Điều 4.1.3. Nguyên lý về xác định vùng hoặc cơ sở, bao gồm cả vùng bảo vệ

Cùng với các lưu ý được đề cập phần trên và các định nghĩa về vùng và cơ sở, các nguyên lý sau cần được áp dụng khi các nước thành viên xác định một vùng hay cơ sở:

1) Phạm vi một vùng cần được hệ thống thú y thủy sản xác lập dựa trên cơ sở định nghĩa vùng và được phổ biến trên các kênh thông tin chính thống.

2) Vùng bảo vệ có thể được thiết lập để bảo đảm tình trạng sức khỏe của động vật thủy sản trong vùng hoặc cơ sở an toàn với các nước lân cận hoặc với các vùng mà ở đó động vật thủy sản có thể có tình trạng sức khỏe khác. Các biện pháp nên được áp dụng dựa vào đặc điểm dịch tễ của bệnh và xem xét việc phòng ngừa sự xâm nhập của mầm bệnh. Các biện pháp này nên bao gồm việc kiểm soát nghiêm ngặt sự vận chuyển, giám sát và có thể bao gồm sử dụng vắc xin, tuyên truyền hoặc các biện pháp khác. Việc áp dụng các biện pháp này có thể thực hiện trên toàn bộ vùng an toàn dịch bệnh hoặc một khu vực xác định trong và/hoặc ngoài vùng an toàn.

3) Các yếu tố để định nghĩa cơ sở cần được cơ quan thú y thủy sản xây dựng dựa trên các tiêu chí liên quan như thực tiễn nuôi trồng và quản lý có liên hệ với an ninh sinh học và được phổ biến trên các kênh thông tin chính thống.

4) Động vật thủy sản thuộc về các quần thể như vậy cần phải được nhận diện rõ ràng thông qua sự tách biệt rõ về mặt dịch tễ với các động vật thủy sản khác và tất cả các yếu tố khác có thể mang đến nguy cơ về dịch bệnh.

5) Đối với vùng hoặc cơ sở, cơ quan thú y thủy sản cần phải chi tiết hóa bằng văn bản các biện pháp đã thực hiện để đảm bảo việc xác định quần thể, ví dụ bằng việc đăng ký tất cả các cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng hoặc cơ sở, quá trình xây dựng và duy trì tình trạng sức khỏe động vật thủy sản, trong đó cần dựa trên các biện pháp an ninh sinh học. Các biện pháp được dùng để thiết lập và duy trì tình trạng sức khỏe tốt của động vật thủy sản trong một vùng hoặc khu vực cần phù hợp với các hoàn cảnh cụ thể và phụ thuộc vào dịch tễ của bệnh, các yếu tố môi trường, tình trạng dịch bệnh của khu vực xung quanh, các biện pháp an ninh sinh học có thể áp dụng (bao gồm kiểm soát vận chuyển, sử dụng các ranh giới tự nhiên hoặc nhân tạo, cô lập về mặt không gian của thủy sản, quản lý buôn bán và nuôi trồng thủy sản) và giám sát.

6) Đối với cơ sở (compartment), chương trình an ninh sinh học cần mô tả mối liên hệ giữa các doanh nghiệp/ngành và cơ quan thú y thủy sản có liên quan; trách nhiệm của từng bên, bao gồm các quy trình về giám sát hoạt động tại cơ sở của cơ quan thú y thủy sản.

7) Đối với cơ sở, kế hoạch an ninh sinh học cũng cần phải mô tả các quy trình vận hành hàng ngày để cung cấp bằng chứng cụ thể cho thấy hoạt động giám sát đã được thực hiện và các biện pháp quản lý đủ để thỏa mãn định nghĩa về cơ sở. Ngoài các thông tin về vận chuyển động vật thủy sản, kế hoạch an toàn sinh học cần bao gồm cả hồ sơ ghi chép về tình hình sản xuất và thả nuôi, nguồn gốc thức ăn, truy xuất nguồn gốc, kết quả giám sát, ghi chép về khách vào thăm quan, tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ chết, thuốc, vắc xin, xử lý nguồn nước cấp và nước thải, hồ sơ ghi chép về tập huấn và các tiêu chí khác cần cho việc đánh giá nguy cơ dịch bệnh xâm nhập. Các thông tin yêu cầu có thể khác nhau tùy thuộc vào loài thủy sản và bệnh cần xem xét. Chương trình an ninh sinh học cũng cần mô tả cách thức kiểm tra các biện pháp kiểm soát đang được thực hiện nhằm đảm bảo các nguy cơ thường xuyên được đánh giá lại và các biện pháp kiểm soát được điều chỉnh cho phù hợp.

8) Như đã xác định, vùng và cơ sở tạo thành các quần thể liên quan để áp dụng các khuyến cáo ở Phần 8 đến 11.

Chương 4.2. Áp dụng cơ sở an toàn dịch bệnh

Điều 4.2.1. Giới thiệu và mục đích

Những khuyến cáo tại chương này cung cấp một bản kế hoạch khung cho việc áp dụng và công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh trong một nước hoặc các vùng dựa trên những quy định tại Chương 4.1, với mục đích để thúc đẩy thương mại động vật thủy sản và sản phẩm thủy sản và cũng là công cụ để quản lý dịch bệnh.

Thiết lập và duy trì tình trạng sạch bệnh trên phạm vi cả nước sẽ là mục tiêu của mỗi quốc gia thành viên OIE. Tuy nhiên, thiết lập và duy trì tình trạng sạch bệnh cho phạm vi cả nước có thể sẽ rất khó khăn, đặc biệt trong trường hợp bệnh có thể tồn tại ở các loài động vật thủy sản hoang dã hoặc có thể xâm nhiễm qua đường biên giới. Đối với nhiều bệnh, các nước thường áp dụng khái niệm phân vùng đối với một quần thể cụ thể nào đó và duy trì tình trạng sức khỏe động vật ở mức độ khác nhau trong phạm vi của nước đó.

Sự khác biệt cơ bản giữa vùng và cơ sở an toàn là việc công nhận vùng sẽ dựa trên các ranh giới địa lý, trong khi đó công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh chủ yếu dựa trên việc quản lý và áp dụng các biện pháp an toàn sinh học. Tuy nhiên, những lưu ý về không gian và việc quản lý tốt luôn đóng vai trò quan trọng đối với cả vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh.

Yêu cầu quan trọng đối với cơ sở an toàn dịch bệnh đó là việc thực hiện và hồ sơ quản lý về các biện pháp an toàn sinh học đã được áp dụng đối với quần thể động vật được tách biệt để đảm bảo an toàn dịch bệnh.

Ví dụ: Một cơ sở nuôi trồng thủy sản ở một nước hoặc một vùng nhiễm bệnh có các biện pháp an toàn sinh học và thực hiện việc quản lý để loại bỏ các mối nguy mầm bệnh. Khái niệm vùng an toàn dịch bệnh ở đây là việc áp dụng các hàng rào ngăn cản nguy cơ, trong đó các yếu tố nguy cơ về địa lý và dịch tễ

có thể cần phải lưu ý để đảm bảo việc tách biệt quần thể thủy sản nuôi ở cơ sở đó với các quần thể khác.

Ở các nước hoặc vùng không có bệnh, khái niệm về các cơ sở an toàn dịch bệnh cũng cần được xác định trước khi xuất hiện các ổ dịch. Đối với các nước hoặc vùng đã nhiễm bệnh, khái niệm cơ sở an toàn dịch có thể được sử dụng để thúc đẩy thương mại.

Đối với mục đích thương mại quốc tế, các cơ sở an toàn dịch bệnh nên được đặt dưới sự quản lý giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp này, việc các nước thành viên tuân thủ các quy định tại Chương 1.1 và Chương 3.1 là điều kiện tiên quyết.

Điều 4.2.2. Nguyên tắc xác định một cơ sở an toàn dịch bệnh

Một cơ sở có thể được thiết lập để đảm bảo an toàn với một hoặc nhiều bệnh. Cơ sở an toàn dịch bệnh cần phải được xác định một cách rõ ràng. Cụ thể, ngoài những chi tiết khác, vị trí của các ao nuôi thuộc cơ sở an toàn dịch bệnh, cũng như các khu vực sản xuất khác (bao gồm: Các bể sản xuất thủy sản bố mẹ, bể ương dưỡng,…) cần phải được xác định. Điều quan trọng nữa là cần mô tả mối quan hệ nội bộ giữa các bộ phận và vai trò của chúng đối với việc tách biệt về mặt dịch tễ các quần thể động vật trong cơ sở với các quần thể ở bên ngoài có mức độ sức khỏe khác nhau. Khái niệm cơ sở an toàn dịch bệnh cần bao gồm các yếu tố dịch tễ cụ thể cho từng bệnh, cho từng loài thủy sản được sản xuất trong cơ sở an toàn dịch bệnh, hệ thống sản xuất, các biện pháp thực hành an toàn sinh học, các yếu tố về cơ sở hạ tầng và giám sát dịch bệnh.

Điều 4.2.3. Tách biệt cơ sở an toàn dịch bệnh với nguồn nhiễm bệnh tiềm năng

Cơ sở an toàn dịch bệnh phải cung cấp tài liệu cho cơ quan thú y thủy sản để làm bằng chứng đối với những yêu cầu sau:

1. Các yếu tố vật lý hoặc yếu tố không gian có ảnh hưởng đến thực trạng an toàn sinh học của cơ sở an toàn dịch bệnh.

Ngoài việc áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và quản lý, cơ sở an toàn dịch bệnh phải rà soát và xác định rõ các yếu tố địa lý để đảm bảo rằng cơ sở được khoanh vùng một cách phù hợp, tách biệt giữa quần thể thủy sản nuôi của cơ sở với quần thể thủy sản khác liền kề nhưng có tình trạng sức khỏe khác nhau. Những yếu tố sau đây cần được lưu ý cùng với việc áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, và trong một số trường hợp cần xác định mức độ an toàn thông qua các biện pháp an toàn sinh học và giám sát dịch bệnh sau đây:

a) Tình trạng sức khỏe động vật tại các vùng lân cận và các vùng có mối liên hệ về dịch tễ đối với cơ sở an toàn dịch bệnh.

b) Vị trí, tình trạng dịch bệnh và các biện pháp an toàn sinh học của các cơ sở khác hoặc các cơ sở có liên quan. Cần lưu ý về khoảng cách và việc phân tách về mặt cơ học giữa:

- Các quần thể thủy sản nuôi tại cơ sở an toàn dịch bệnh với các quần thể thủy sản khác, cũng như những yếu tố nguy cơ, bao gồm cả các loài động vật hoang dã và đường di chuyển của chúng.

- Cơ sở chế biến thủy sản.

- Nơi trưng bày, triển lãm, chợ buôn bán, nhà hàng có thủy sản sống và bất kỳ nơi nào có tập trung thủy sản.

2. Các yếu tố cơ sở hạ tầng:

Cần quan tâm đến các yếu tố cơ sở hạ tầng có mối quan hệ với cơ sở an toàn dịch bệnh sau đây:

- Nguồn cung cấp nước;

- Các biện pháp tách biệt cơ học có hiệu quả;

- Nơi cho phép người ra, vào cơ sở, bao gồm cả vị trí kiểm soát;

- Phương tiện và nơi ra vào của phương tiện, bao gồm cả quy trình vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

- Nơi bốc xếp, dỡ hàng của cơ sở;

- Nơi nuôi cách ly động vật thủy sản mới được đưa vào cơ sở.

- Nơi lưu trữ thức ăn và các sản phẩm thú y;

- Xử lý chất thải;

- Các biện pháp để ngăn chặn sự tiếp xúc với vật truyền bệnh, các yếu tố cơ học hoặc sinh học;

- Nguồn cung cấp/phân phối thức ăn.

3. Kế hoạch an toàn sinh học:

Tình trạng của cơ sở an toàn dịch bệnh phụ thuộc vào các biện pháp an toàn sinh học. Việc quản lý cơ sở an toàn dịch bệnh phải bao gồm việc xây dựng, thực hiện và giám sát theo bản kế hoạch an toàn sinh học.

Kế hoạch an toàn sinh học cần được mô tả chi tiết, bao gồm các nội dung sau:

a) Con đường có khả năng làm xâm nhập và lây truyền vào cơ sở các tác nhân gây bệnh xác định với từng loại cơ sở bao gồm: vận chuyển thủy sản, thủy sản hoang dã, các loài vật chủ trung gian, phương tiện vận chuyển, con người, chế phẩm sinh học, thiết bị, vật truyền bệnh, thức ăn chăn nuôi, đường cấp thoát nước hoặc các phương tiện khác. Cần xem xét tới khả năng tồn tại của tác nhân trong môi trường;

b) Các chốt kiểm soát nghiêm ngặt đối với mỗi đường xâm nhập;

c) Các biện pháp để giảm thiểu lây nhiễm tại mỗi điểm kiểm soát;

d) Các quy trình vận hành tiêu chuẩn bao gồm:

- Thực hiện, duy trì, giám sát việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu rủi ro;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục;

- Kiểm tra trong quá trình thực hiện;

- Ghi chép;

e) Có kế hoạch dự phòng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ lây nhiễm;

f) Thủ tục báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền;

g) Chương trình giáo dục và đào tạo công nhân để đảm bảo rằng tất cả những người tham gia có kiến thức và thông tin về các nguyên tắc và thực hành an toàn sinh học;

h) Các chương trình giám sát tại cơ sở.

Trong mọi trường hợp, cần phải nộp đầy đủ chứng cứ để đánh giá hiệu quả của kế hoạch an toàn sinh học phù hợp với mức độ rủi ro đối với từng con đường xâm nhập đã được xác định. Các chứng cứ này cần được sắp xếp phù hợp với các Nguyên tắc của phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP). Nguy cơ an toàn sinh học đối với tất cả các hoạt động của cơ sở nên được đánh giá lại và ghi chép dựa trên dữ liệu hàng năm. Dựa vào kết quả của việc đánh giá, đưa ra các bước cụ thể và có căn cứ để giảm thiểu khả năng truyền lây tác nhân gây bệnh.

4. Hệ thống truy xuất nguồn gốc

Một điều kiện tiên quyết để đánh giá tổng thể cơ sở là có một hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả. Mặc dù việc phát hiện các cá thể thủy sản đơn lẻ khó khăn, nhưng cơ quan thẩm quyền cần đảm bảo đầy đủ việc truy xuất nguồn gốc, như ghi chép lại nguồn gốc và quá trình vận chuyển động vật đảm bảo có thể kiểm tra, truy xuất khi cần.

Hoạt động vận chuyển tất cả động vật thủy sản ra, vào cơ sở cần được ghi chép lại và khi cần phải dựa vào các đánh giá rủi ro và phải được sự chấp thuận của Cơ quan thẩm quyền. Việc vận chuyển thủy sản trong cơ sở không cần cấp giấy phép nhưng các cơ sở cần ghi chép và có dẫn chứng.

Điều 4.2.4. Yêu cầu về tài liệu

Tài liệu cần cung cấp bằng chứng rõ ràng về thực hành an toàn sinh học, giám sát, truy xuất và quản lý được cơ sở áp dụng thống nhất và có hiệu quả. Ngoài những thông tin về vận chuyển động vật, các tài liệu cần thiết khác cần bao gồm hồ sơ đơn vị sản xuất (ví dụ như lồng, ao), nguồn thức ăn, xét nghiệm, số liệu tử vong, nhật ký khách thăm quan, lịch sử nhiễm bệnh, nước cấp và xử lý nước thải, thuốc và tiêm phòng, kế hoạch an toàn sinh học, tài liệu đào tạo và các tiêu chí khác cần thiết cho việc đánh giá để loại trừ bệnh.

Tình hình lịch sử bệnh cần được đánh giá tại cơ sở và nên được ghi chép và chứng minh sự phù hợp với yêu cầu sạch bệnh trong các chương có liên quan của Luật thủy sản.

Ngoài ra, một cơ sở muốn được công nhận phải nộp cho cơ quan có thẩm quyền báo cáo cơ sở dữ liệu dịch bệnh thủy sản, trong đó mô tả sự xuất hiện hoặc vắng mặt của bệnh trong danh mục phải báo cáo của OIE. Báo cáo này cần được cập nhật định kỳ để phản ánh được tình hình dịch bệnh hiện tại của cơ sở.

Các ghi chép về tiêm phòng: Bao gồm các nhóm thủy sản được tiêm, loại vắc-xin và tần số theo dõi thường xuyên để nhập vào số liệu giám sát.

Các khoảng thời gian ghi chép đối với từng loài và bệnh được xác định cho cơ sở.

Tất cả các thông tin có liên quan cần được ghi chép một cách minh bạch, thuận tiện cho các cơ quan thẩm quyền kiểm tra khi cần.

Điều 4.2.5. Giám sát các tác nhân gây bệnh hoặc bệnh

Hệ thống giám sát nên thực hiện theo hướng dẫn tại Chương 1.4. về giám sát và các khuyến nghị cụ thể cho giám sát đối với các bệnh, xác định cho từng loại cơ sở. Nếu tăng nguy cơ tiếp xúc với các tác nhân xác định cho từng loại cơ sở, độ nhạy của hệ thống giám sát cần được xem xét lại, ghi chép và tăng cường nếu cần thiết. Đồng thời, các biện pháp an toàn sinh học tại cơ sở được đánh giá lại và tăng cường nếu cần thiết.

1. Giám sát nội bộ

Giám sát bao gồm hoạt động thu thập và phân tích các dữ liệu mắc/nhiễm bệnh để Cơ quan thẩm quyền có thể xác nhận rằng các quần thể động vật có trong các ao nuôi có cùng tình trạng bệnh của cơ sở đó. Một hệ thống giám sát đảm bảo có khả năng phát hiện sớm trong trường hợp các tác nhân xâm nhập vào tiểu quần thể là điều cần thiết. Tùy thuộc vào loại bệnh xác định tại cơ sở, các chiến lược giám sát khác nhau có thể được áp dụng để đạt được độ tin cậy đảm bảo an toàn dịch bệnh.

2. Giám sát bên ngoài

Các biện pháp an toàn sinh học áp dụng trong một cơ sở phải phù hợp với mức độ lây nhiễm tại cơ sở. Giám sát bên ngoài nhằm mục đích phát hiện những thay đổi đáng kể về mức độ gây nhiễm đối với từng đường xâm nhập vào cơ sở.

Sự kết hợp giữa giám sát chủ động và bị động một cách phù hợp là cần thiết để đạt được các mục tiêu mô tả ở trên. Từ các khuyến nghị tại Chương 1.4., *giám sát chủ động dựa trên đánh giá rủi ro có thể là cách tiếp cận hiệu quả nhất*. Giám sát chủ động cụ thể cần xét tới các đơn vị dịch tễ học ngay gần các cơ sở hoặc những yếu tố có thể có liên kết dịch tễ học với cơ sở đó.

Điều 4.2.6. Năng lực và quy trình chẩn đoán xét nghiệm

Các phòng thử nghiệm được chỉ định chính thức cần phải sẵn sàng để thực hiện các xét nghiệm khi có yêu cầu. Tất cả các xét nghiệm và quy trình

trong phòng thử nghiệm cần tuân thủ các khuyến nghị của Sổ tay thủy sản đối với các bệnh cụ thể. Mỗi phòng thử nghiệm tiến hành các xét nghiệm cần có các quy trình mang tính hệ thống để đảm bảo báo cáo nhanh kết quả xét nghiệm cho cơ quan thẩm quyền.

Khi cần thiết, kết quả xét nghiệm nên được xác nhận lại bởi phòng thử nghiệm tham chiếu của OIE.

Điều 4.2.7. Ứng phó khẩn cấp và cảnh báo

Việc phát hiện, chẩn đoán, cảnh báo sớm và phản ứng nhanh là rất quan trọng để giảm thiểu sự ảnh hưởng của dịch bệnh.

Trong trường hợp có sự nghi ngờ về sự xuất hiện của các bệnh xác định với từng loại cơ sở, tình trạng sạch bệnh của cơ sở cần phải được đình chỉ ngay lập tức. Nếu được xác nhận có bệnh, chứng nhận về an toàn dịch bệnh của cơ sở cần được thu hồi ngay lập tức và thông báo cho các nước nhập khẩu theo quy định tại Chương 1.1.

Trong trường hợp phát hiện bệnh không có trong báo cáo dịch bệnh của cơ sở nêu tại Điều 4.2.4, cơ sở cần thông báo ngay cho cơ quan thẩm quyền, và xem xét để xác định việc có sự vi phạm trong các biện pháp an toàn sinh học được áp dụng và thông báo cho cơ quan thẩm quyền. Nếu có vi phạm đáng kể về các điều kiện an toàn sinh học, ngay cả trong trường hợp không có ổ dịch được phát hiện, giấy chứng nhận cơ sở sạch bệnh cho xuất khẩu sẽ bị đình chỉ. Tình trạng sạch bệnh của cơ sở chỉ có thể được phục hồi sau khi cơ sở đã thực hiện các biện pháp cần thiết để tái thiết lập mức độ an toàn sinh học ban đầu và được cơ quan thẩm quyền tái chấp thuận tình trạng sạch bệnh của cơ sở.

Trong trường hợp một cơ sở phát sinh nguy cơ dịch bệnh do ảnh hưởng từ việc sửa chữa, thay đổi ở khu vực xung quanh, khi tình hình dịch bệnh được xác định tại cơ sở, cơ quan có thẩm quyền cần đánh giá lại trạng thái của cơ sở và xem xét các biện pháp an toàn sinh học bổ sung để đảm bảo tính thống nhất của các cơ sở.

Điều 4.2.8. Giám sát và kiểm soát của cơ sở

Thẩm quyền, cơ cấu tổ chức, cơ sở hạ tầng của hệ thống thú y thủy sản, bao gồm các phòng thử nghiệm, cần được quy định rõ ràng, phù hợp với hướng dẫn tại Chương 3.1 để đảm bảo độ tin cậy về sự thống nhất của cơ sở.

Cơ quan thẩm quyền có quyền quyết định trong việc cấp, đình chỉ, thu hồi chứng nhận tình trạng sạch bệnh của cơ sở. Cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục giám sát việc tuân thủ tất cả các yêu cầu quan trọng đối với việc duy trì tình trạng của cơ sở được mô tả trong chương này và đảm bảo rằng tất cả các thông tin sẵn sàng và dễ dàng tiếp cận cho các nước nhập khẩu. Bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào cũng cần được thông báo cho các nước nhập khẩu.

Phụ lục 3

CÁC QUY ĐỊNH CỦA ÚC ĐỐI VỚI VIỆC NHẬP KHẨU TÔM

(Ban hành kèm theo Công văn số 360/TY-TS ngày 03/3/2017 của Cục Thú y)

PHẦN I
CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH

I. TÓM TẮT CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU TÔM VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG ÚC TRƯỚC KHI LỆNH TẠM DỪNG NHẬP KHẨU TÔM CHƯA CHẾ BIẾN ĐƯỢC ÁP DỤNG

1. Ngày 17/6/2016, Tham tán Nông nghiệp của Đại sứ quán Úc gửi tài liệu đến Cục Thú y cho thấy các quy định về nhập khẩu hiện nay yêu cầu sự chấp thuận và có giấy chứng nhận sức khỏe do Cục Thú y Việt Nam cấp

- Tôm chưa được nấu chín đã bóc vỏ hoàn toàn hoặc một phần chỉ có thể được phép nhập khẩu từ các quốc gia, vùng, cơ sở an toàn với vi rút gây hội chứng đốm trắng (WSSV), vi rút gây bệnh đầu vàng (YHV) và vi rút gây hội chứng Taura (TSV).

- Tôm chưa được nấu chín đã bóc vỏ phải được lấy mẫu xét nghiệm vi rút đốm trắng và đầu vàng khi đến cửa khẩu của Úc (trước khi được thôn quan).

2. Nguyên tắc về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh (do Trưởng phòng Chính sách nhập khẩu thủy sản của Úc cung cấp và trình bày trước Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam sang Úc từ ngày 08-14/9/2016)

a. Vùng và cơ sở

Khái niệm này được OIE xây dựng để hỗ trợ cho hoạt động thương mại và cũng là công cụ để quản lý dịch bệnh.

- Tập trung nhiều nguồn lực ở mức độ cao và có cơ hội thành công sớm và lớn nhất.

- Một vùng được xác định bằng sự phân cách địa lý.

- Một cơ sở được xác định dựa trên các biện pháp quản lý và thực hành an ninh sinh học.

b. Xác định cơ sở an toàn sinh học:

* Các yếu tố kỹ thuật – đánh giá nguy cơ tổng thể

- Mục đích – thương mại và kiểm soát sức khỏe động vật.

- Dịch tễ học – vật chủ, độc lực của mầm bệnh, tính ổn định, cấu trúc và phân bố của các các quần thể có nguy cơ cao.

- Các yếu tố môi trường – trang trại đơn lẻ hay nhiều trang trại, nguồn nước.

- Tình trạng sức khỏe của động vật tại các khu vực/vùng/quốc gia tiếp giáp.

- Xác định các điểm kiểm soát tới hạn ở tất cả các cấp – các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

* Các nguyên tắc cho một cơ sở an toàn sinh học

Nguyên tắc 1: Cam kết (Cơ sở sản xuất & Chính phủ)

- Ở cả cấp cơ sở và cấp Chính phủ.

- Có sự giám sát của cơ quan thẩm quyền.

- Các nguồn lực đầu vào quan trọng (tài chính, con người, tổ chức và kỹ thuật).

- Biên bản ghi nhớ giữa Cơ sở sản xuất và Chính phủ.

Nguyên tắc 2: Hiểu biết về an ninh sinh học (Cơ sở sản xuất & Chính phủ)

- Các biện pháp thực hành và quy trình sử dụng để ngăn chặn bệnh truyền nhiễm xâm nhập và lây lan trong cơ sở.

- Hiểu biết về các yếu tố ảnh hưởng đến con vật cũng như môi trường thủy sản có vai trò rất quan trọng trong Kế hoạch an ninh sinh học.

Nguyên tắc 3: Lập kế hoạch an ninh sinh học (Cơ sở sản xuất)

- Kế hoạch an ninh sinh học – Là tài liệu minh chứng dùng cho đàm phán thương mại.

- Vai trò và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và cơ sở sản xuất.

- Thống nhất trong an toàn sinh học, như truy xuất nguồn gốc.

- Xác định đường xâm nhập của bệnh: 5 con đường chính là động vật (bên trong hoặc ngoài cơ sở), nguồn nước, thức ăn, con người và thiết bị.

- Thiết lập các biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với các điểm kiểm soát tới hạn

- Kế hoạch dự phòng, trong trường hợp có dịch bệnh xảy ra.

Nguyên tắc 4: Thực hiện kế hoạch an ninh sinh học (Cơ sở sản xuất)

- Một chương trình dựa trên hệ thống quản lý chất lượng sẽ giúp cho việc thực hiện có hiệu quả hàng ngày.

- Các quy trình điều hành chuẩn (SOP), lưu giữ hồ sơ và đào tạo nhân viên sẽ giúp củng cố quy trình an ninh sinh học.

- Hệ thống quản lý chất lượng (QMS) = lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra & chỉnh sửa; các quy trình điều hành chuẩn và toàn bộ hồ sơ cần được điều chỉnh thường xuyên.

Nguyên tắc 5: Giám sát (Chính phủ & Cơ sở sản xuất)

- Giám sát có chủ đích với tất cả các vật chủ đối với các bệnh quan tâm (WSSV, YHV và TSV).

- Đầu vào yêu cầu cho thiết kế giám sát (tham khảo Chương 1.4 Luật Thú y thủy sản của OIE - OIE Code).

Định nghĩa ca bệnh (phương pháp xét nghiệm/diễn giải kết quả), dịch tễ học, quần thể (đơn vị dịch tễ), tính thống nhất về mẫu, kiểm soát nhập khẩu, khả năng xâm nhập.

- Thiết lập và duy trì: Điều kiện an ninh sinh học cơ bản (theo Luật OIE).

- Giám sát cả bên trong và ngoài cơ sở – bên ngoài bao gồm cả 'vùng đệm'.

- Giám sát dựa trên đầu ra: đạt độ nhạy của hệ thống là 5% và mức tin cậy là 95%.

- Giám sát 1 giai đoạn: Khi bệnh phân bố chuẩn; không tập trung ở các ao, trang trại, vùng.

- Giám sát 2 giai đoạn: Khi bệnh tập trung ở các ao, trang trại, vùng.

Nguyên tắc 6: Phòng thí nghiệm (chính phủ)

- Tính thống nhất về mẫu và năng lực của phòng thí nghiệm tốt là các yếu tố then chốt.

- Tính đảm bảo chất lượng và tình trạng được chứng nhận của phòng thí nghiệm (ISO 17025).

- Quy trình chẩn đoán chuẩn – Sổ tay OIE + ANZSDP + AAHL.

- Đào tạo nhân viên.

- Chương trình thử nghiệm thành thạo - cấp quốc gia và quốc tế thực hiện trong năm 2017.

- Trình tự báo cáo thống nhất từ phòng thí nghiệm cho chủ cơ sở và hệ thống các cơ quan thẩm quyền các cấp.

- Điều tra bệnh và hành động phản ứng của cơ quan thẩm quyền.

Nguyên tắc 7: Sự cộng tác (Cơ sở sản xuất & Chính phủ)

- Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh đòi hỏi có sự đóng góp nguồn lực đầu vào của cả hai bên.

- Có sự đầu tư thích đáng để thiết lập và duy trì điều kiện an ninh sinh học tại cơ sở sản xuất.

- Quyết định của cơ sở, kết hợp với cơ quan có thẩm quyền – một trường hợp mô hình?

- Cộng tác với các ngành phi thủy sản.

- Uy tín của cơ quan thẩm quyền.

- Thành quả của các ngành khác (như ngành gia cầm, nỗ lực khống chế bệnh cúm).

c. Áp dụng cơ sở an toàn dịch bệnh đối với tôm

Vùng đệm: Trong phạm vi bán kính **01 km** xung quanh trang trại trong cơ sở.

II. QUY ĐỊNH CHI TIẾT

1. Tôm chưa nấu chín và được bóc vỏ - điều kiện cấp phép tiêu chuẩn

1.1. Yêu cầu nhập khẩu

1.2. Đánh giá tại cửa khẩu

2. Tôm chưa nấu chín và được bóc vỏ - xin cấp phép phi tiêu chuẩn

2.1. Yêu cầu nhập khẩu

2.2. Đánh giá tại cửa khẩu

3. Tôm hay tôm chưa nấu chín được bóc vỏ hoàn toàn hoặc một phần

3.1. Yêu cầu nhập khẩu

3.2. Đánh giá tại cửa khẩu

4. Tôm hay tôm là chưa nấu chín và tôm được chế biến cao

4.1. Yêu cầu nhập khẩu

4.2. Đánh giá tại cửa khẩu

<table>
<tr><th colspan="3">Bối cảnh nhập khẩu</th><th>Phần</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Nước xuất xứ là Việt Nam</td><td rowspan="2">Bóc vỏ</td><td>Điều kiện cấp phép tiêu chuẩn</td><td>1</td></tr>
<tr><td>Xin cấp phép phi tiêu chuẩn</td><td>2</td></tr>
<tr><td colspan="2">Toàn bộ hoặc một phần bóc vỏ</td><td>3</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tôm được chế biến tiêu chuẩn cao</td><td>4</td></tr>
</table>

1. Tôm hoặc tôm chưa nấu chín và bóc vỏ - điều kiện cấp phép tiêu chuẩn

Tôm càng xanh và tôm (ví dụ như *Macrobrachium* spp.) đôi khi được gọi sai là 'scampi', và không nên nhầm lẫn với tôm hùm vuốt biển (ví dụ như *Metanephrops* spp.), và cũng được biết đến là scampi. Các lô hàng tôm nước ngọt đã được khai báo sai là scampi và các nhà nhập khẩu đã không có được giấy phép nhập khẩu (hoặc có sản phẩm thử nghiệm cho WSSV). 'Scampi'

là một thuật ngữ loài, được sử dụng cho các sản phẩm khác nhau tùy thuộc vào địa phương. Do đó, sản phẩm được xác định là 'scampi' phải được xác định lại dựa trên danh pháp khoa học.

Thanh tra viên có thể phân biệt giữa scampi và tôm nước ngọt bằng cách nhìn vào móng vuốt (hoặc kềm cắt da). Với scampi, cặp chân đầu tiên từ đầu là những móng vuốt, trong khi với tôm nước ngọt, các móng vuốt là cặp chân thứ hai. Một số thông tin dưới đây cung cấp thêm các đặc điểm để nhận dạng:

* Tôm nước ngọt tôm / tôm (ví dụ như *Macrobrachium* spp.):

Tôm nước ngọt

- Màu xanh lá cây đậm khi chưa nấu chín.

- Các hình dạng cơ thể nói chung là giống như một con tôm, nhìn vào mặt lưng thấy phần đuôi thon xuống phía cuối và có hình quạt.

- Đuôi hình quạt không xòe ra khi chết.

- Ngoài các mỏ chim, có rất ít gai trên mai.

* Scampi biển (ví dụ như *Metanephrops* spp.*)*

Scampi – đầu và hai bên

- Màu vàng nhạt / màu hồng khi chưa nấu chín.

- Các hình dạng cơ thể nói chung là giống như đối với con tôm đỏ, nhìn từ mặt lưng của phần đuôi cho thấy hai bên cơ thể song song với đuôi hình quạt.

- Đuôi hình quạt xòe ra cả khi tôm chết.

- Các mai thường có nhiều gai

1.1. Yêu cầu nhập khẩu

a) Trước khi nhập khẩu hàng hóa vào nước Úc, cần có giấy phép nhập khẩu hợp lệ do Bộ Nông nghiệp cấp.

Để có giấy phép nhập khẩu cần nộp đơn xin giấy phép nhập khẩu cho các bộ phận.

Để đăng ký, bạn phải đăng nhập vào BICON và hoàn thành đăng ký với sản phẩm tôm chưa nấu chín.

b) Thủ tục hành chính

- Hồ sơ được cung cấp với mỗi lô hàng để:

+ Xác định hàng hóa ví dụ như số lần nhập cảnh.

+ Xác định tất cả các hàng hóa được nhập khẩu trong thành phần của lô hàng này ví dụ như hóa đơn hoặc giấy gửi hàng hoặc bảng kê hàng hóa của nhà nhập khẩu.

+ Mô tả hàng hoá nhập khẩu (các điểm chưa rõ ràng). Ví dụ 1: sản phẩm XRab = protein tinh khiết có nguồn gốc từ thỏ. Ví dụ 2: Sản phẩm AX = kháng sinh tổng hợp. Ví dụ 3: Comte = Pho mát.

- Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:

+ Khu vực - hỗ trợ giải phóng hàng hóa: http://www.agriculture.gov.au/about/contactus/phone/regional

+ Canberra - Hỗ trợ hành chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật: gửi e-mail imports@agriculture.gov.au (Xem đính kèm) hoặc điện thoại 1800 900 090

Trách nhiệm của người nhập khẩu là cung cấp bất kỳ thông tin bổ sung nào được yêu cầu để chứng minh rằng giấy phép nhập khẩu là cho tất cả các hàng hóa được nhập khẩu

c) Không có sản phẩm hỗn hợp

Những điều kiện không cho phép việc nhập khẩu các sản phẩm hỗn hợp.

Trong phạm vi của những điều kiện này, một sản phẩm hỗn hợp được hiểu là một sản phẩm có chứa các loại hàng hóa là thành phần, được trộn với các nguyên liệu khác.

d) Điều kiện nhập khẩu giới hạn đối với hàng hoá chỉ dành làm thực phẩm

Các điều kiện nhập khẩu được cung cấp đã được phát triển để giảm thiểu những rủi ro an toàn sinh học tiềm năng liên quan đến việc nhập khẩu hàng hoá là thực phẩm.

Những điều kiện nhập khẩu sẽ không thích hợp giảm thiểu các nguy cơ trong đảm bảo an toàn sinh học cao cấp hơn trong kết hợp với thức ăn động vật (hoặc trong bất kỳ cách nào phơi nhiễm) có nguồn gốc động vật. Như vậy, hàng hóa nhập khẩu là “thực phẩm” BICON có thể không được cho động vật ăn (hoặc tiếp xúc).

Hàng hóa dành cho sử dụng động vật phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu trong các trường hợp BICON có liên quan, ví dụ như "thức ăn cho động vật nuôi ','thức ăn đậm đặc bao gồm chất bổ sung" và "Nuôi trồng thủy sản bao gồm cả thức ăn cho cá nuôi”.

e) Tôm phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu sau đây.

Để chứng minh sự phù hợp với yêu cầu này, nhà nhập khẩu phải xuất trình Giấy chứng nhận chính thức của chính phủ, bao gồm các nội dung như sau:

- Mô tả sản phẩm được xuất khẩu (ví dụ như tôm bỏ vỏ và bỏ đuôi, bỏ đầu và lột vỏ vẫn còn phần đuôi trên).

- Khẳng định tôm đã được xử lý, kiểm tra và phân loại trong các cơ sở được phê duyệt và dưới sự kiểm soát của Cơ quan có thẩm quyền.

- Khẳng định tôm không có các dấu hiệu bệnh truyền nhiễm.

- Khẳng định mỗi thùng carton và/hoặc gói của tất cả các lô hàng đã được dán nhãn phù hợp: ví dụ “chỉ dùng làm thực phẩm - không được sử dụng làm mồi câu hoặc thức ăn cho động vật thủy sản”.

Mỗi lô hàng phải kèm theo chứng nhận cho từng lô hàng và/hoặc chứng nhận cụ thể cho từng thùng carton ('Lô' được định nghĩa như một quần thể từ một quần thể của ao khác hay là quần thể có giai đoạn nuôi khác).

Giấy chứng nhận được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ.

f) Tôm phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu sau đây:

Để chứng minh sự phù hợp với yêu cầu này, nhà nhập khẩu phải xuất trình Giấy chứng nhận chính thức của chính phủ, khai báo của nhà xuất khẩu hoặc tuyên bố của nhà cung cấp:

- Một bản cam kết số lượng cụ thể các “lô” trong mỗi lô hàng.

- Chi tiết về việc ghi nhãn của từng lô.

Giấy chứng nhận được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất.

Mỗi lô hàng phải kèm theo chứng nhận lô hàng - và/hoặc thùng carton cụ thể ('Lô' được định nghĩa như một quần thể từ một quần thể của ao khác hay là quần thể có giai đoạn nuôi khác).

g) Tôm phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu sau đây trước khi lấy mẫu.

Để chứng minh sự phù hợp với yêu cầu này, nhà nhập khẩu phải xuất trình các nội dung sau đây trên một tờ khai nhập khẩu:

- Khai báo chính xác số lượng các lô trong lô hàng VÀ

- Cam kết về kết quả xét nghiệm từ Phòng thử nghiệm đạt yêu cầu

h) Mỗi thùng carton và/hoặc gói của tất cả các lô hàng phải được dán nhãn: "Chỉ làm thực phẩm - không được sử dụng làm mồi câu hoặc thức ăn cho động vật thủy sản".

i) Tôm phải được đóng gói để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra (tức là không phải ở dạng khối). Trường hợp Tôm được đóng gói gây khó khăn cho việc kiểm tra (dạng khối) sẽ được trả lại hoặc tiêu huỷ. Ngoài ra, các nhà nhập khẩu sẽ được yêu cầu bố trí, sắp xếp các lô hàng dưới sự giám sát kiểm dịch để thuận tiện cho việc kiểm tra sản phẩm. Sản phẩm phải được giữ đông lạnh trong suốt quá trình này.

j) Tất cả các lô phải được đưa đến một cơ sở kiểm dịch đã được phê duyệt (QAP) và được kiểm tra vi rút gây bệnh đốm trắng (WSSV) và vi rút đầu vàng (YHV). Các mẫu sẽ được chuyển đến để xét nghiệm bởi một công ty chuyển phát nhanh hợp đồng với Bộ Nông nghiệp. Xét nghiệm sẽ sử dụng quy trình kiểm tra lây mẫu được thiết kế để có thể phát hiện nhiễm WSSV và YHV với tỷ lệ lưu hành 5% với độ tin cậy ít nhất là 95%.

k) Tất cả các chi phí liên quan tới xét nghiệm (bao gồm lấy mẫu, vận chuyển và xét nghiệm) được chi trả bởi các nhà nhập khẩu.

l) Tất cả các lô tôm sẽ được giữ lại để kiểm dịch ở QAP tại Úc, nơi các lô hàng sẽ được lấy mẫu để xét nghiệm. Tôm sẽ vẫn được cách ly kiểm dịch cho đến khi có kết quả xét nghiệm. Các lô tôm có kết quả dương tính sẽ bị trả lại,

tiêu hủy hoặc tiếp tục xử lý tại một cơ sở đã được Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho mục đích đó. Các nhà nhập khẩu muốn xử lý tiếp với các lô kết quả dương tính phải liên hệ với Nhóm dịch vụ nhập khẩu để biết thêm thông tin.

m) Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được ủy quyền phải thông báo cho Bộ Nông nghiệp các kết quả xét nghiệm WSSV và YHV khi nhận được xác nhận kết quả bằng báo cáo của phòng thử nghiệm trước khi đưa ra xem xét việc kiểm dịch đối với lô hàng.

Lưu ý: việc cung cấp các thông tin về kết quả xét nghiệm sai lệch hoặc gây nhầm lẫn cho Sở là một hành vi phạm tội theo mục 137.1 của Bộ *luật Hình sự*.

n) Một khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, thì trách nhiệm của nhà nhập khẩu để đảm bảo rằng tất cả các thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ Luật kiểm soát thực phẩm nhập khẩu năm 1992.

Các tiêu chuẩn về ghi nhãn và thành phần của tất cả các thực phẩm được bán ở Úc được đặt ra trong tiêu chuẩn thực phẩm Australia - New Zealand.

Nhà nhập khẩu phải tuân thủ các luật và đảm bảo thực phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm và bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu khác của Úc có liên quan.

Bộ Nông nghiệp giám sát mối nguy an toàn thực phẩm và phù hợp với Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm thông qua Chương trình thanh tra Thực Phẩm nhập khẩu. Trang web này cung cấp thông tin về cách thức thực phẩm được đưa vào chương trình này.

Theo kế hoạch này các thực phẩm có thể được giữ lại để kiểm tra và xét nghiệm. Việc kiểm tra sẽ bao gồm một đánh giá trực quan và nhãn hiệu và cũng có thể bao gồm việc lấy mẫu thực phẩm để xét nghiệm.

Tất cả các thực phẩm nhập khẩu được coi là 'giám sát'. Các xét nghiệm áp dụng cho thực phẩm giám sát được thông tin chi tiết trong các thử nghiệm áp dụng cho thực phẩm giám sát.

o) Theo Biểu Phí kiểm dịch được ban hành năm 2005, lệ phí của tất cả các dịch vụ được nộp cho Bộ Nông nghiệp. Danh sách tất cả các lệ phí kiểm dịch và xuất khẩu hiện có trên trang web của Bộ Nông nghiệp.

p) Yêu cầu các thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng, xin vui lòng tham khảo trường hợp BICON thông quan hàng hóa phi thực phẩm.

Bao bì bằng gỗ, tấm nâng hàng (pallet) hoặc chèn lót kết hợp với các lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý khi đến nơi, trừ khi có đủ bằng chứng được chấp thuận việc xử lý của Bộ Nông nghiệp.

Tất cả các tài liệu đưa cho Sở này để hỗ trợ trong việc xác định mức độ

rủi ro về an toàn sinh học do các đường vận chuyển và bao bì cũng phải đáp ứng các yêu cầu của các trường hợp phi thực phẩm.
Nếu nhà xuất khẩu không thể đáp ứng các yêu cầu này, xin vui lòng chọn nút ' Previous ' ở dưới cùng của trang này và thay đổi câu trả lời của bạn để 'Gửi đơn xin cấp phép không đúng tiêu chuẩn.

1.2. Đánh giá tại cửa khẩu

Bảng dưới đây liệt kê các kết quả trên đất liền đối với trường hợp nhập khẩu này:

Bảng 1:

<table>
<tr><th colspan="4">Kết quả trên đất liền</th><th>Phần</th></tr>
<tr><td rowspan="10">Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải biển theo từng thùng hàng (vượt quá giá trị hải quan tính thuế)</td><td colspan="3">Tất cả các yêu cầu cần đáp ứng</td><td>1. 2 .1</td></tr>
<tr><td colspan="3">Không đáp ứng yêu cầu “lựa chọn phòng thí nghiệm”</td><td>1 .2.2</td></tr>
<tr><td colspan="3">Không đáp ứng yêu cầu 'Số lô được xác nhận và dán nhãn”</td><td>1 .2.3</td></tr>
<tr><td colspan="3">Không đáp ứng yêu cầu về 'Số lô, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, số lô xác nhận và dán nhãn'</td><td>1 .2.4</td></tr>
<tr><td rowspan="6">Không yêu cầu</td><td colspan="2">Giữ cấp phát tài liệu cập nhật</td><td>1 .2.5</td></tr>
<tr><td colspan="2">Xuất khẩu</td><td>1 .2.6</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Tiêu hủy</td><td>Hàng hóa bị tiêu hủy bằng nồi hấp</td><td>1 .2.7</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa bị tiêu hủy bằng chôn sâu</td><td>1 .2.8</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa bị phá hủy bằng cách đốt</td><td>1 .2.9</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa bị phá hủy bởi một</td><td>1 .2.10</td></tr>
</table>

Kết quả trên đất liền				Phần
			phương pháp khác đã được phê duyệt	
Nếu hàng hóa đến theo đường bưu điện hoặc hành lý hành khách				1 .2.11
Nếu hàng hóa đến như hàng hóa chuyên chở (thấp hơn giá trị hải quan tính thuế)				1 .2.12
Nếu hàng hóa được bốc dỡ thành đống hay là vận tải đường biển hàng rời				1 .2.13

1.2.1. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải biển lớn (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) - Tất cả các yêu cầu cần được đáp ứng

a) Xuất trình tất cả hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 – Bộ Nông nghiệp.

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề lo ngại phi hàng hóa bao gồm cả vấn đề vệ sinh thùng hàng, đóng gói và các điểm đến ngoài các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Tham khảo trường hợp phi thực phẩm của BICON để biết thêm thông tin.

b) Kiểm tra

Các hàng hoá phải kiểm tra và lấy mẫu tôm theo tỷ lệ quy định.

Chỉ dẫn: Kiểm tra - lấy mẫu tôm

Nhóm QAP: 2.5 – Bộ phận kiểm soát nhiệt độ kho chứa kiểm dịch

Chú thích:

- Các hàng hóa phải được kiểm tra để đảm bảo rằng chúng phù hợp với khai báo của nhà nhập khẩu.

- Xác minh rằng tôm được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Điều này không bao gồm toàn bộ khối hàng.

- Xác nhận việc ghi nhãn bên ngoài của thùng carton bao gồm các từ "chỉ làm thực phẩm - không được sử dụng làm mồi hoặc thức ăn cho động vật thủy

sản". Nếu không ghi nhãn, có thể tiến hành kiểm tra, tuy nhiên hàng sẽ được yêu cầu dán nhãn lại và kiểm tra lại trước khi kết thúc việc kiểm dịch.

- Tôm bóc vỏ chưa qua chế biến được kiểm tra, mỗi lô lấy mẫu để xét nghiệm WSSV và YHV. Tôm phải được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Số lô (XXX).

- Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và xét nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing.*

Thủ tục: Kiểm tra: tôm bóc vỏ chưa qua chế biến từ tất cả các nước trừ New Caledonia.

c) Xét nghiệm

Các hàng hóa phải trải qua xét nghiệm vi rút trên tôm.

Chỉ dẫn: Kiểm tra – Xét nghiệm vi rút trên tôm

Nhóm QAP:

- 5.1 – Kiểm dịch Khu chứa 1 (QC 1)

- 95.1 – Các phòng thí nghiệm phân tích và nghiên cứu (bao gồm phòng thử nghiệm sử dụng sinh phẩm nhập khẩu trong ống nghiệm)

Chú thích:

- Các lô hàng sẽ được gửi đi xét nghiệm tại phòng thí nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp phê duyệt theo chỉ định của nhà nhập khẩu.

- Hàng hóa được giữ lại trong khi chờ kết quả xét nghiệm ÂM TÍNH. Tất cả các xét nghiệm được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền/chi phí của nhà nhập khẩu. Hhàng hóa sẽ không được thông qua cho đến khi đơn vị được ủy quyền/nhà nhập khẩu xuất trình:

- Bản sao báo cáo của phòng thí nghiệm (như e-mail, fax hoặc tương tự); và

- Khẳng định kết quả xét nghiệm âm tính với WSSV & YHV qua e-mail, fax hoặc bằng miệng cho Bộ Nông nghiệp.

Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và thử nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing*.

Thủ tục: Xét nghiệm tôm nước lợ chưa qua chế biến và bóc vỏ từ tất cả các quốc gia ngoại trừ New Caledonia.

d) Thông qua

Bộ Nông nghiệp sẽ cho hàng đi một khi tất cả các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng.

Chỉ dẫn: Kết luận cuối cùng – Hoàn thành và cho đi.

1.2.2. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không và vận tải biển theo các thùng hàng (lớn hơn giá trị hải quan tính thuế) - Yêu cầu 'lựa chọn phòng thí nghiệm' không được đáp ứng

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ.

Nhóm QAP: 20.0 – Bộ Nông nghiệp.

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề lo ngại phi hàng hóa bao gồm cả vấn đề vệ sinh thùng hàng, đóng gói và các điểm đến ngoài các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Tham khảo trường hợp phi thực phẩm của BICON để biết thêm thông tin.

b) Kiểm tra

Tôm phải được kiểm tra và lấy mẫu theo tỷ lệ quy định

Chỉ dẫn: Kiểm tra - lấy mẫu tôm

Nhóm QAP: 2.5 – Bộ phận kiểm soát nhiệt độ kho chứa kiểm dịch

Chú thích:

- Các hàng hóa phải được kiểm tra để đảm bảo rằng chúng giống như khai báo của nhà nhập khẩu.

- Xác minh rằng tôm được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Điều này không bao gồm toàn bộ khối hàng.

- Xác nhận việc ghi nhãn bên ngoài của thùng carton bao gồm các từ "chỉ làm thực phẩm - không được sử dụng làm mồi hoặc thức ăn cho động vật thủy sản". Nếu không ghi nhãn, có thể tiến hành kiểm tra, tuy nhiên hàng sẽ được yêu cầu dán nhãn lại và kiểm tra lại trước khi kết thúc việc kiểm dịch.

- Tôm bóc vỏ chưa qua chế biến được kiểm tra và mỗi lô lấy mẫu để xét nghiệm WSSV và YHV. Tôm phải được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Số lô (XXX).

- Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và xét nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing.*

- Nhà nhập khẩu chỉ định một phòng thử nghiệm được công nhận của Bộ Nông nghiệp để xét nghiệm.

Thủ tục: Kiểm tra: tôm bóc vỏ chưa qua chế biến từ tất cả các nước trừ New Caledonia.

Các hàng hóa phải trải qua xét nghiệm vi rút trên tôm.

Chỉ dẫn: Kiểm tra – Xét nghiệm vi rút trên tôm

Nhóm QAP:

- 5.1 – Kiểm dịch Khu chứa 1 (QC 1)

- 95.1 – Các phòng thí nghiệm phân tích và nghiên cứu (bao gồm phòng thử nghiệm sử dụng sinh phẩm nhập khẩu trong ống nghiệm)

Chú thích:

- Các lô hàng sẽ được gửi đi xét nghiệm tại phòng thí nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp phê duyệt theo chỉ định của nhà nhập khẩu.

- Hàng hóa được giữ lại trong khi chờ kết quả xét nghiệm ÂM TÍNH. Tất cả các xét nghiệm được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền/chi phí của nhà nhập khẩu. Việc thông qua hàng hóa sẽ không được xem xét cho đến khi đơn vị được ủy quyền / nhà nhập khẩu xuất trình:

- Bản sao báo cáo của phòng thí nghiệm (như e-mail, fax hoặc tương tự); và

- Tuyên bố xác nhận kết quả xét nghiệm âm tính với WSSV & YHV qua e-mail, fax hoặc bằng miệng cho Bộ Nông nghiệp.

Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và thử nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing*.

Thủ tục: Xét nghiệm tôm nước lợ chưa qua chế biến và bóc vỏ từ tất cả các quốc gia ngoại trừ New Caledonia.

d) Thông qua

Bộ Nông nghiệp sẽ cho hàng đi một khi tất cả các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng.

Chỉ dẫn: Kết luận cuối cùng – Hoàn thành và cho đi.

1.2.3. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không và đường biển (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) – Không đáp ứng yêu cầu "xác nhận số lô và dán nhãn"

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ.

Nhóm QAP: 20.0 - Bộ Nông nghiệp.

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề lo ngại phi hàng hóa bao gồm cả vấn đề vệ sinh thùng hàng, đóng gói và các điểm đến ngoài các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Tham khảo trường hợp phi thực phẩm của BICON để biết thêm thông tin.

b) Kiểm tra

Tôm phải được kiểm tra và lấy mẫu theo tỷ lệ quy định.

Chỉ dẫn: Kiểm tra - lấy mẫu tôm

Nhóm QAP: 2.5 – Bộ phận kiểm soát nhiệt độ kho chứa kiểm dịch

Chú thích:

- Các hàng hóa phải được kiểm tra để đảm bảo rằng chúng giống như khai báo của nhà nhập khẩu.

- Xác minh rằng tôm được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Điều này không bao gồm toàn bộ khối hàng.

- Xác nhận việc ghi nhãn bên ngoài của thùng carton bao gồm các từ "chỉ làm thực phẩm - không được sử dụng làm mồi hoặc thức ăn cho động vật thủy sản". Nếu không ghi nhãn, có thể tiến hành kiểm tra, tuy nhiên hàng sẽ được yêu cầu dán nhãn lại và kiểm tra lại trước khi kết thúc việc kiểm dịch.

- Tôm bóc vỏ chưa qua chế biến được kiểm tra và mỗi lô lấy mẫu để xét nghiệm WSSV và YHV. Tôm phải được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Số lô (XXX).

- Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và xét nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing.*

- Kiểm tra để xác nhận số lô trong lô hàng.

Thủ tục: Kiểm tra: tôm bóc vỏ chưa qua chế biến từ tất cả các nước trừ New Caledonia.

Các hàng hóa phải trải qua xét nghiệm vi rút trên tôm.

Chỉ dẫn: Kiểm tra – Xét nghiệm vi rút trên tôm

Nhóm QAP:

- 5.1 – Kiểm dịch Khu chứa 1 (QC 1)

- 95.1 – Các phòng thí nghiệm phân tích và nghiên cứu (bao gồm phòng thử nghiệm sử dụng sinh phẩm nhập khẩu trong ống nghiệm).

Chú thích:

- Các lô hàng sẽ được gửi đi xét nghiệm tại phòng thí nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp phê duyệt theo chỉ định của nhà nhập khẩu.

- Hàng hóa được giữ lại trong khi chờ kết quả xét nghiệm ÂM TÍNH. Tất cả các xét nghiệm được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền/chi phí của nhà nhập khẩu. Việc thông qua hàng hóa sẽ không được xem xét cho đến khi đơn vị được ủy quyền / nhà nhập khẩu xuất trình:

- Bản sao báo cáo của phòng thí nghiệm (như e-mail, fax hoặc tương tự); và

- Tuyên bố xác nhận kết quả xét nghiệm âm tính với WSSV & YHV qua e-mail, fax hoặc bằng miệng cho Bộ Nông nghiệp.

Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và thử nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing*.

Thủ tục: Xét nghiệm tôm nước lợ chưa qua chế biến và bóc vỏ từ tất cả các quốc gia ngoại trừ New Caledonia.

d) Thông qua

Bộ Nông nghiệp sẽ cho hàng đi một khi tất cả các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng.

Chỉ dẫn: Kết luận cuối cùng – Hoàn thành và cho đi.

1.2.4. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không và đường biển (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) – Không đáp ứng yêu cầu "xác nhận Số lô, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm và dán nhãn"

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ.

Nhóm QAP: 20.0 - Bộ Nông nghiệp.

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề lo ngại phi hàng hóa bao gồm cả vấn đề vệ sinh thùng hàng, đóng gói và các điểm đến ngoài các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Tham khảo trường hợp phi thực phẩm của BICON để biết thêm thông tin.

b) Kiểm tra

Tôm phải được kiểm tra và lấy mẫu theo tỷ lệ quy định.

Chỉ dẫn: Kiểm tra - lấy mẫu tôm

Nhóm QAP: 2.5 – Bộ phận kiểm soát nhiệt độ kho chứa kiểm dịch

Chú thích:

- Các hàng hóa phải được kiểm tra để đảm bảo rằng chúng giống như khai báo của nhà nhập khẩu.

- Xác minh rằng tôm được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Điều này không bao gồm toàn bộ khối hàng.

- Xác nhận việc ghi nhãn bên ngoài của thùng carton bao gồm các từ "chỉ làm thực phẩm - không được sử dụng làm mồi hoặc thức ăn cho động vật thủy sản". Nếu không ghi nhãn, có thể tiến hành kiểm tra, tuy nhiên hàng sẽ được yêu cầu dán nhãn lại và kiểm tra lại trước khi kết thúc việc kiểm dịch.

- Tôm bóc vỏ chưa qua chế biến được kiểm tra và mỗi lô lấy mẫu để xét nghiệm WSSV và YHV. Tôm phải được đóng gói thuận tiện cho việc kiểm tra. Số lô (XXX).

- Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và xét nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing.*

- Kiểm tra để xác nhận số lô trong lô hàng.

- Nhà nhập khẩu chỉ định một phòng thử nghiệm được công nhận của Bộ Nông nghiệp để xét nghiệm.

Thủ tục: Kiểm tra: tôm bóc vỏ chưa qua chế biến từ tất cả các nước trừ New Caledonia.

Các hàng hóa phải trải qua xét nghiệm vi rút trên tôm.

Chỉ dẫn: Kiểm tra – Xét nghiệm vi rút trên tôm

Nhóm QAP:

- 5.1 – Kiểm dịch Khu chứa 1 (QC 1)

- 95.1 – Các phòng thí nghiệm phân tích và nghiên cứu (bao gồm phòng thử nghiệm sử dụng sinh phẩm nhập khẩu trong ống nghiệm).

Chú thích:

- Các lô hàng sẽ được gửi đi xét nghiệm tại phòng thí nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp phê duyệt theo chỉ định của nhà nhập khẩu.

- Hàng hóa được giữ lại trong khi chờ kết quả xét nghiệm ÂM TÍNH. Tất cả các xét nghiệm được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền/chi phí của nhà nhập khẩu. Việc thông qua hàng hóa sẽ không được xem xét cho đến khi đơn vị được ủy quyền / nhà nhập khẩu xuất trình:

- Bản sao báo cáo của phòng thí nghiệm (như e-mail, fax hoặc tương tự); và

- Tuyên bố xác nhận kết quả xét nghiệm âm tính với WSSV & YHV qua e-mail, fax hoặc bằng miệng cho Bộ Nông nghiệp.

Để biết thêm thông tin về các thủ tục lấy mẫu và thử nghiệm tôm xin vui lòng tham khảo *Work instruction - Prawn sampling for disease testing*.

Thủ tục: Xét nghiệm tôm nước lợ chưa qua chế biến và bóc vỏ từ tất cả các quốc gia ngoại trừ New Caledonia.

d) Thông qua

Bộ Nông nghiệp sẽ cho hàng đi một khi tất cả các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng.

Chỉ dẫn: Kết luận cuối cùng – Hoàn thành và cho đi.

1.2.5. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không và như không khí và vận tải đường biển theo thùng hàng (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) – Không đáp ứng tất cả các yêu cầu - Giữ cấp phát tài liệu cập nhật

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ.

Nhóm QAP: 20.0 - Bộ Nông nghiệp.

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề lo ngại phi hàng hóa bao gồm cả vấn đề vệ sinh thùng hàng, đóng gói và các điểm đến ngoài các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Tham khảo trường hợp phi hàng hóa của BICON để biết thêm thông tin.

b) Xuất trình lại tất cả các giấy tờ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình lại tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Hướng dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ.

Nhóm QAP: 20.0 – Bộ Nông nghiệp.

1.2.6. Nếu hàng hóa đến bằng đường hàng không hoặc đường biển bằng container (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) - Tất cả các yêu cầu không được đáp ứng - Xuất khẩu

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 -Văn phòng khu vực Bộ Nông nghiệp

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề phi hàng hóa bao gồm độ thuần của thùng hàng, đóng gói và vấn đề nơi đến cùng với các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Hãy tham khảo các trường hợp phi thực phẩm BICON để biết thêm thông tin.

b) Xuất khẩu

Các hàng hóa là để được hướng dẫn để xuất khẩu. Việc xuất khẩu phải được giám sát bởi nhân viên an toàn sinh học và các hóa đơn xuất khẩu phải được trình lên Bộ Nông nghiệp.

Hướng dẫn: Xuất khẩu - Giám sát bởi một nhân viên an ninh sinh học.

1.2.7. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển theo thùng hàng (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) - Tất cả các yêu cầu không được đáp ứng – Tiêu hủy - Hàng hóa bị hủy bằng phương pháp sử dụng nồi hấp

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 -Văn phòng khu vực Bộ Nông nghiệp

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề phi hàng hóa bao gồm độ thuần của thùng hàng, đóng gói và vấn đề nơi đến cùng với các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Hãy tham khảo các trường hợp phi thực phẩm BICON để biết thêm thông tin.

b) Sự tiêu hủy

Các hàng hóa bị phá hủy bởi Hấp.

Chỉ dẫn: Tiêu hủy - Hấp

QAP Class: Bộ phận hủy - 8.3 Trung tâm hấp

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải đã được Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au .

1.2.8. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải biển theo các thùng hàng (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) – Không đáp ứng tất cả các yêu cầu – Tiêu hủy - Hàng hóa bị hủy bằng phương pháp chôn sâu

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 -Văn phòng khu vực Bộ Nông nghiệp

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề phi thực phẩm bao gồm độ đồng nhất của thùng hàng, đóng gói và vấn đề nơi đến cùng với các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Hãy tham khảo các trường hợp phi thực phẩm BICON để biết thêm thông tin.

b) Tiêu hủy

Các hàng hóa bị hủy bởi chôn sâu.

Chỉ dẫn: Tiêu hủy – chôn sâu

Nhóm QAP: 8.2 – Bộ phận hủy - Chôn sâu

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au .

1.2.9. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không và vận tải biển theo thùng hàng (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) – Không đáp ứng tất cả các yêu cầu – Tiêu hủy - Hàng hóa bị hủy bằng cách đốt

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 -Văn phòng khu vực Bộ Nông nghiệp

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề phi hàng hóa bao gồm độ đồng nhất của thùng hàng, đóng gói và vấn đề nơi đến cùng với các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Hãy tham khảo các trường hợp phi hàng hóa BICON để biết thêm thông tin.

b) Tiêu hủy

Các hàng hóa bị phá hủy bởi đốt.

Chỉ dẫn: Hủy – Đốt

Nhóm QAP: 8.1 – bộ phận hủy – Đốt

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được

duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au.

1.2.10. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải biển theo thùng hàng (lớn hơn giá trị tính thuế hải quan) – Không đáp ứng tất cả các yêu cầu – Tiêu hủy - Hàng hóa bị hủy bởi một trong các phương pháp đã được phê duyệt

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Xuất trình tất cả các hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 -Văn phòng khu vực Bộ Nông nghiệp

Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề phi hàng hóa bao gồm độ thuần của thùng hàng, đóng gói và vấn đề nơi đến cùng với các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Hãy tham khảo các trường hợp phi thực phẩm BICON để biết thêm thông tin.

b) Tiêu hủy

Các hàng hóa bị phá hủy bởi một phương pháp đã được phê duyệt.

Hướng dẫn: Tiêu hủy - Phương pháp được chấp thuận khác

Nhóm QAP: 8.4 - Bộ phận hủy bỏ - Tất cả các phương pháp xử lý khác đối với chất thải kiểm dịch

Chú thích: Hàng hóa phải được đặt trong chốt Q'tine tại QAP để tiêu hủy thông qua một công ty thải CA. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu QAP. Hồ sơ hủy được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi thư điện tử tới treatments@agriculture.gov.au .

1.2.11. Nếu hàng hóa đến như là thư hoặc hành lý hành khách

a) Giữ lại: Hãy liên hệ với Đội Dịch vụ nhập khẩu (Xem đính kèm) để biết thêm thông tin.

	Chi nhánh đánh giá nhập khẩu sinh học và Động vật - các sản phẩm sinh học GPO Box 858 Canberra ACT 2601

	Điện thoại: +61 2 6272 4578 Fax: +61 2 6249 1798 Email: imports@agriculture.gov.au

1.2.12. Nếu hàng hóa đến theo đường vận tải (thấp hơn giá trị hải quan tính thuế)

a) Xem xét việc giải phóng hàng hóa bằng việc tự đánh giá (SAC)

Các hàng hóa và bất kỳ tài liệu đính kèm được đánh giá bởi 1 nhân viên an ninh sinh học.

Trong khi chờ đánh giá này, hàng hóa có thể được kiểm tra và cho đi trực tiếp từ cơ sở dữ liệu SAC. Tuy nhiên,việc chính thức nhập vào cơ sở dữ liệu AIMS có thể được bắt đầu tại nơi mà hành động khắc phục hậu quả được yêu cầu (như nơi hàng hoá phải có giấy phép hoặc xử lý).

1.2.13. Nếu hàng hóa đến là các đống bốc dỡ hoặc vận tải đường biển hàng rời

	Phương thức đến này không phải là thường được sử dụng với loại hàng này. Hệ quả là, an ninh sinh học của Bộ Nông nghiệp không đưa ra quyết định hỗ trợ cho phương thức đến này. Xin vui lòng chọn một phương thức đến thay thế hoặc liên hệ với Bộ Nông nghiệp để biết thêm thông tin.

2. Tôm hay tôm chưa nấu chín và bóc vỏ - xin cấp phép phi tiêu chuẩn

2.1. Yêu cầu nhập khẩu

a) Trước khi nhập khẩu hàng hóa vào nước Úc, cần có giấy phép nhập khẩu hợp lệ do Bộ Nông nghiệp cấp.

Một giấy phép nhập khẩu có thể có được bằng cách nộp đơn xin giấy phép nhập khẩu cho Sở (nếu xem trực tuyến, sử dụng nút "Nộp đơn" ở dưới cùng của trang này).

Bạn sẽ cần phải hoàn thành danh mục sản phẩm thực phẩm có liên quan vì bạn có thể được yêu cầu để cung cấp trong khi đăng ký giấy phép. Hãy đảm bảo rằng các thông tin có liên quan được cung cấp bởi nhà sản xuất của sản phẩm.

Để áp dụng, bạn phải đăng nhập vào BICON và hoàn thành đăng ký cho các mặt hàng thực phẩm cho người tiêu thụ

b. Dưới Xác định phí dịch vụ kiểm dịch năm 2005, lệ phí được trả cho Bộ Nông nghiệp cho tất cả các dịch vụ. Một danh sách của tất cả các lệ phí kiểm dịch xuất khẩu có sẵn trên trang web của Bộ Nông nghiệp.

c. Yêu cầu các thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng, xin vui lòng tham khảo các trường hợp BICON giải phóng hàng không phải hàng thương mại.

	Bao bì gỗ, pallet hoặc chèn lót kết hợp với các lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý khi đến, trừ khi có đủ bằng chứng về việc tiến hành các biện pháp xử lý được chấp thuận của Bộ Nông nghiệp. Tất cả các tài liệu nộp cho Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ trong việc xác định mức độ rủi ro an toàn sinh học gây ra bởi các con đường vận chuyển và đóng gói cũng phải đáp ứng các yêu cầu của các trường hợp phi hàng hóa.

2.2. Đánh giá tại cửa khẩu

Bảng sau liệt kê các kết quả có thể trên đất liền cho trường hợp nhập này:

Bảng 1:

Kết quả trên đất liền			**Phần**
Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị hải quan tính thuế)	Chưa giải quyết cấp phép nhập khẩu		2 .2.1
	Xuất khẩu		2 .2.2
	Hủy hoại	Hàng hóa bị hủy bằng nồi hấp	2 .2.3
		Hàng hóa bị hủy bởi chôn sâu	2 .2.4
		Hàng hóa bị hủy bằng cách đốt	2 .2.5
		Hàng hóa bị hủy bởi một phương pháp khác đã được phê duyệt	2 .2.6
Nếu hàng hóa đến như là thư hoặc hành lý hành khách	Giữ cấp phát giấy phép nhập khẩu		2 .2.7
	Xuất khẩu		2 .2.8
	Hủy hoại		2 .2.9

Kết quả trên đất liền	Phần
Nếu hàng hóa đến như vận tải (thấp hơn giá trị hải quan tính thuế)	2 .2.10

2.2.1. Nếu hàng hóa theo đường hàng không hoặc vận tải biển (vượt quá giá trị hải quan tính thuế) – Giữ cho tới khi có giấy phép nhập khẩu

a) Hàng đến mà chưa có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích tuân thủ các yêu cầu để có được một giấy phép nhập khẩu **trước khi** đến hàng hóa tới Úc, nhân viên an ninh sinh học có thể chọn giữ hàng để cấp phép nhập khẩu cho các nhà nhập khẩu/ đại lý vào thời điểm vấn đề phát sinh.

b) Xuất trình tất cả hồ sơ

Các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được chỉ định phải xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết cho Bộ Nông nghiệp như là một phần của thủ tục nhập khẩu.

Chỉ dẫn: Hồ sơ – Xuất trình tất cả các hồ sơ

Nhóm QAP: 20.0 -Văn phòng khu vực Bộ Nông nghiệp

⚠	Hàng hóa nhập khẩu phải được đánh giá về các vấn đề phi hàng hóa bao gồm độ thuần của thùng hàng, đóng gói và vấn đề của nơi đến cùng với các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu. Hãy tham khảo các trường hợp phi hàng hóa BICON để biết thêm thông tin.

2.2.2. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị hải quan tính thuế) - Xuất khẩu

Hàng đến mà chưa có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích tuân thủ các yêu cầu để có được một giấy phép nhập khẩu **trước khi** đến hàng hóa tới Úc, nhân viên an toàn sinh học có thể chọn giữ hàng để cấp phép nhập khẩu cho các nhà nhập khẩu/ đại lý vào thời điểm vấn đề phát sinh.

Xuất khẩu

Các hàng hóa được hướng dẫn để xuất khẩu. Việc xuất khẩu phải được giám sát bởi nhân viên an ninh sinh học và các hóa đơn xuất khẩu phải được trình lên Bộ Nông nghiệp.

2.2.3. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hay vận tải biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) – Hủy - Hàng hóa bị hủy bằng nồi hấp

⚠ Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm

vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Hàng đến mà chưa có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích tuân thủ các yêu cầu để có được một giấy phép nhập khẩu **trước khi** đến hàng hóa tới Úc, nhân viên an toàn sinh học có thể đề nghị chọn giữ hàng để cấp phép nhập khẩu cho các nhà nhập khẩu/ đại lý vào thời điểm vấn đề phát sinh.

b) Tiêu hủy

Các hàng hóa bị hủy bởi hấp.

Chỉ dẫn: Hủy - Hấp

Nhóm QAP: 8.3- Bộ phận hủy - Trung tâm lò hấp

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au.

2.2.4. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hay vận tải biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) – Hủy - Hàng hóa bị phá hủy bằng cách chôn sâu

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Hàng đến mà không cho phép nhập khẩu

Để khuyến khích tuân thủ các yêu cầu để có được một giấy phép nhập khẩu **trước khi** đến hàng hóa tới Úc, nhân viên an toàn sinh học có thể đề nghị chọn giữ hàng để cấp phép nhập khẩu cho các nhà nhập khẩu/ đại lý vào thời điểm vấn đề phát sinh.

b) Tiêu hủy

Các hàng hóa bị phá hủy bởi chôn sâu.

Chỉ dẫn: Hủy – Chôn sâu

Nhóm QAP: 8.2 – bộ phận hủy - Chôn sâu

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho

<xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au

2.2.5. Nếu hàng hóa đến bằng đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) – Hủy - Hàng hóa bị hủy bằng cách đốt

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Hàng đến mà không cho phép nhập khẩu

Để khuyến khích tuân thủ các yêu cầu để có được một giấy phép nhập khẩu **trước khi** đến hàng hóa tới Úc, nhân viên an toàn sinh học có thể đề nghị chọn giữ hàng để cấp phép nhập khẩu cho các nhà nhập khẩu/ đại lý vào thời điểm vấn đề phát sinh.

b) Sự phá hủy

Các hàng hóa bị hủy bởi Thiêu hủy.

Chỉ dẫn: Hủy - Thiêu hủy

Loại QAP: 8.1 – Bộ phận hủy - Thiêu hủy

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au

2.2.6. Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) – Hủy - Hàng hóa bị hủy bởi một phương pháp khác đã được phê duyệt

Mặt hàng này được Bộ Nông nghiệp Úc xem là có nguy cơ cao. Cần được giám sát trực tiếp bởi một nhân viên thuộc Bộ nếu hàng hoá được xuất khẩu, tiêu huỷ (tức là Nhân viên của Bộ này phải đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn còn được giám sát trực tiếp đến điểm mà hàng hoá không thể tái chế được nữa).

a) Hàng đến mà không cho phép nhập khẩu

Để khuyến khích tuân thủ các yêu cầu để có được một giấy phép nhập khẩu **trước khi** đến hàng hóa tới Úc, nhân viên an toàn sinh học có thể chọn giữ

hàng để cấp phép nhập khẩu cho các nhà nhập khẩu/ đại lý vào thời điểm vấn đề phát sinh.

b)Tiêu hủy

Hàng hóa bị tiêu hủy bằng phương pháp đã được phê chuẩn.

Chỉ dẫn: Tiêu hủy – Phương pháp được phê chuẩn khác

Loại QAP: 8.4 – Bộ phận xử lý – Tất cả các phương pháp xử lý khác đối với chất thải kiểm dịch

Chú thích: Hàng được cho vào thùng cách ly kiểm dịch (Q'tine Bin) tại QAP để tiêu hủy thông qua một công ty rác thải của cơ quan thẩm quyền (CA). Hồ sơ được lưu trữ theo yêu cầu của QAP. Hồ sơ tiêu hủy được fax tới số 1300 665 674 hoặc gửi vào email treatments@agriculture.gov.au.

2.2.7. Nếu hàng đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách – Tạm giữ chờ giấy phép nhập khẩu

a) Hàng đến không có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích việc tuân thủ các yêu cầu để được cho phép nhập khẩu trước khi hàng tới Úc, các nhà nhập khẩu/đại lý có thể được nhân viên an toàn sinh học cho phép lưu giữ hàng để chờ giấy phép nhập khẩu vào thời điểm xảy ra tình huống.

b) Tạm giữ

Hàng hóa được giữ để hỗ trợ hoặc điều tra thêm.

Hướng dẫn: Tạm giữ để hỗ trợ /Điều tra thêm

2.2.8. Nếu hàng đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách — Xuất khẩu

a) Hàng đến không có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích việc tuân thủ các yêu cầu để được cho phép nhập khẩu trước khi hàng tới Úc, các nhà nhập khẩu/đại lý có thể được nhân viên an toàn sinh học cho phép lưu giữ hàng để chờ giấy phép nhập khẩu vào thời điểm xảy ra tình huống.

b) Xuất khẩu

Hàng được xuất khẩu hoặc gửi trả lại người gửi.

Hướng dẫn: Xuất khẩu / trả lại người gửi

2.2.9. Nếu hàng đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách - Tiêu hủy

a) Hàng đến không có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích việc tuân thủ các yêu cầu để được cho phép nhập khẩu trước khi hàng tới Úc, các nhà nhập khẩu/đại lý có thể được nhân viên an toàn sinh học cho phép lưu giữ hàng để chờ giấy phép nhập khẩu vào thời điểm xảy ra tình huống.

b) Hướng dẫn

Hàng hóa bị tiêu hủy.

Hướng dẫn: Tiêu hủy

2.2.10. Nếu hàng hóa đến theo đường vận tải biển (thấp hơn giá trị tính thuế hải quan)

a) Hàng đến không có giấy phép nhập khẩu

Để khuyến khích việc tuân thủ các yêu cầu để được cho phép nhập khẩu trước khi hàng tới Úc, các nhà nhập khẩu/đại lý có thể được nhân viên an toàn sinh học cho phép lưu giữ hàng để chờ giấy phép nhập khẩu vào thời điểm xảy ra tình huống.

b) Xem xét việc giải phóng mặt bằng qua tự đánh giá (SAC)

Hàng hóa và bất kỳ tài liệu đính kèm được kiểm tra bởi cán bộ phụ trách an toàn sinh học.

Trong khi chờ đánh giá, hàng hóa có thể được kiểm tra và phát hành trực tiếp từ cơ sở dữ liệu SAC. Tuy nhiên, để được chính thức nhập vào cơ sở dữ liệu AIMS có thể cần có hành động khắc phục hậu quả theo yêu cầu (như trường hợp hàng hoá phải có giấy phép hoặc xử lý).

3. Tôm nguyên con hay tôm đã được bỏ vỏ, bỏ đầu chưa nấu chín

Tôm nguyên con hoặc đã được bỏ vỏ, bỏ đầu (bóc vỏ một phần) chưa nấu chín có thể được nhập khẩu từ các quốc hoặc các vùng mà không có các tác nhân gây bệnh sau đây:

- Vi rút gây hội chứng đốm trắng (WSSV)

- Vi rút gây bệnh đầu vàng (YHV)

- Vi rút gây hội chứng Taura (TSV).

Các nhà nhập khẩu tiềm năng của tôm nguyên con chưa nấu chín hoặc tôm đã được bóc vỏ một phần sẽ không thể làm được gì cho đến khi các nước có liên quan được đánh giá và công nhận bởi Úc là không có các tác nhân gây bệnh cụ thể. Hiện nay, New Caledonia là quốc gia duy nhất được Úc công nhận không có tất cả ba tác nhân gây bệnh nêu trên.

3.1. Các yêu cầu nhập khẩu

a) Bộ Nông nghiệp tạo điều kiện cho hàng hóa nhập khẩu vào Úc bằng cách áp dụng các điều kiện nhập khẩu được xác định bằng quy định an toàn sinh học của Úc.

Quy định về an toàn sinh học của Úc đã không được xây dựng các điều kiện nhập khẩu đối với hàng hóa và tình huống cụ thể và các Bộ Nông nghiệp như vậy không thể tạo điều kiện nhập khẩu của bạn.

b) Hàng hóa phải được xuất khẩu hoặc tiêu hủy.

3.2. Đánh giá tại nơi đến

Bảng sau liệt kê các kết quả trên bờ có thể cho trường hợp nhập khẩu này:

<table>
<tr><th colspan="3">Kết quả trên bờ</th><th>Phần</th></tr>
<tr><td rowspan="6">Xuất khẩu</td><td rowspan="4">Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan)</td><td>Không giám sát</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa xuất khẩu dưới sự giám sát nhân viên an toàn sinh học</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Chỉ một phần hàng hóa</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Trung chuyển</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nếu hàng đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nếu hàng hóa đến theo đường vận tải biển (thấp hơn giá trị tính thuế hải quan)</td><td>0</td></tr>
<tr><td rowspan="6">Tiêu hủy</td><td rowspan="4">Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan)</td><td>Hàng hóa tiêu hủy bằng cách hấp</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa tiêu hủy bằng chôn sâu</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa tiêu hủy bằng cách đốt</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Hàng hóa tiêu hủy bằng phương pháp được phê duyệt khác</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nếu hàng đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nếu hàng hóa đến theo đường vận tải biển (thấp hơn giá trị tính thuế hải quan)</td><td>0</td></tr>
</table>

3.2.1. Xuất khẩu — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Không giám sát

a) Xuất khẩu

Các hàng hóa được xuất khẩu

Chỉ dẫn: Xuất khẩu – Không giám sát

Chú thích: Nhà nhập khẩu/ đại lý fax vận đơn đến Bộ Nông nghiệp theo số 1300 665 674 hoặc email tới treatments@agriculture.gov.au – hóa đơn xuất khẩu để mô tả hàng hóa, bao bì và cân nặng (container, seal# đối với hàng hải).

3.2.2. Xuất khẩu — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Hàng hóa được xuất khẩu dưới sự giám sát của cán bộ an ninh sinh học.

a) Xuất khẩu

Các hàng hóa được hướng dẫn để xuất khẩu. Việc xuất khẩu phải được giám sát bởi nhân viên phụ trách về an toàn sinh học và các hóa đơn xuất khẩu phải được trình lên Bộ Nông nghiệp.

Chỉ dẫn: Xuất khẩu – Giám sát bởi nhân viên phụ trách về an toàn sinh học

Chú thích: Hàng hóa được sử dụng cho xuất khẩu dưới sự giám sát của Bộ Nông nghiệp & được xác minh bằng con dấu đang được áp dụng đối với vận tải bằng đường biển. chứa Record & con dấu Officer # giám sát việc xuất khẩu để xác minh hàng hóa, bao bì, trọng lượng và hướng assign kết quả. Lưu giữ số container và số tem của cán bộ giám sát việc xuất khẩu để xác minh hàng hóa, bao bì, trọng lượng và kết quả chỉ định.

3.2.3. Xuất khẩu — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Chỉ một phần hàng hóa

a) Xuất khẩu một phần

Một phần của hàng hóa được liệt kê trên MỘT hàng của cửa vào được yêu cầu phải xuất khẩu và phần còn lại của hàng này sẽ được phát tán

Chỉ dẫn: Xuất khẩu – Xuất khẩu một phần hàng hóa

3.2.4. Xuất khẩu — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Để trung chuyển

a) Xuất khẩu trung chuyển

Các hàng hóa được xuất khẩu từ Úc phù hợp với các yêu cầu của Bộ Nông nghiệp

Chỉ dẫn: Xuất khẩu – Trung chuyển

3.2.5. Xuất khẩu — Nếu hàng hóa đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách

a) Xuất khẩu

Các hàng được xuất khẩu hoặc trả lại cho người gửi.

Chỉ dẫn: Xuất khẩu/ Trả lại cho người gửi

3.2.6. Xuất khẩu — Nếu hàng hóa đến theo đường vận tải biển (thấp hơn giá trị tính thuế hải quan)

a) Xem xét việc giải phóng mặt bằng qua tự đánh giá

Các hàng hóa và bất kỳ tài liệu đính kèm tùy thuộc vào đánh giá nhân viên phụ trách an toàn sinh học.

Trong khi chờ đánh giá này, hàng hóa có thể được kiểm tra và giải phóng trực tiếp từ cơ sở dữ liệu SAC. Tuy nhiên, việc nhập chính thức vào cơ sở dữ liệu AIMS có thể được bắt đầu tại nơi mà hành động khắc phục hậu quả được yêu cầu (như trường hợp hàng hoá phải có giấy phép hoặc điều trị).

3.2.7. Hủy — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Hàng hóa tiêu hủy bằng cách hấp

a) Tiêu hủy

Hàng hóa được tiêu hủy bằng cách hấp.

Chỉ dẫn: Tiêu hủy – Hấp

Nhóm QAP: 8.3 – Thiết bị xử lý – Trung tâm hấp

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au.

3.2.8. Hủy — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hay vận tải biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Hàng hóa bị hủy bằng cách chôn sâu

a) Tiêu hủy

Hàng hóa bị hủy bằng cách chôn sâu.

Chỉ dẫn: Hủy – Chôn sâu

QAP Class: 8.2 – bộ phận hủy - Chôn sâu

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au.

3.2.9. Hủy — Nếu hàng hóa đến bằng đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Hàng hóa bị hủy bằng cách đốt

a) Hủy

Hàng hóa bị hủy bằng cách đốt.

Chỉ dẫn: Hủy – Thiêu hủy

Nhóm QAP: 8.1 – Bộ phận hủy - Thiêu hủy

Chú thích: Hàng hóa sẽ được thu thập từ <xxx> để vận chuyển đến <xxx> bởi công ty vận tải do Bộ Nông nghiệp phê duyệt cho <xxx>. Hồ sơ phải được duy trì theo yêu cầu của QAP. Kết quả được fax đến 1300 665 674 hoặc gửi email đến treatments@agriculture.gov.au.

3.2.10. Hủy — Nếu hàng hóa đến theo đường hàng không hoặc vận tải đường biển (vượt quá giá trị tính thuế hải quan) — Hàng hóa bị hủy bởi một phương pháp khác đã được phê duyệt

a) Hủy

Hàng hóa bị hủy bởi một phương pháp khác đã được phê duyệt.

Chỉ dẫn: Tiêu hủy – Phương pháp được phê chuẩn khác

Nhóm QAP: 8.4 – Bộ phận xử lý – Tất cả các phương pháp xử lý khác đối với chất thải kiểm dịch

Chú thích: Hàng được cho vào thùng cách ly kiểm dịch (Q'tine Bin) tại QAP để tiêu hủy thông qua một công ty rác thải của cơ quan thẩm quyền (CA). Hồ sơ được lưu trữ theo yêu cầu của QAP. Hồ sơ tiêu hủy được fax tới số 1300 665 674 hoặc gửi email tới treatments@agriculture.gov.au.

3.2.11. Hủy — Nếu hàng đến bằng đường bưu điện hoặc hành lý hành khách

a) Hủy

Hàng hóa bị hủy.

Chỉ dẫn: Hủy

3.2.12. Hủy — Nếu hàng hóa đến theo đường vận tải biển (thấp hơn giá trị tính thuế hải quan)

a) Xem xét việc giải phóng mặt bằng qua tự đánh giá

Hàng hóa và bất kỳ tài liệu đính kèm được kiểm tra bởi cán bộ phụ trách an toàn sinh học.

Trong khi chờ đánh giá, hàng hóa có thể được kiểm tra và phát hành trực tiếp từ cơ sở dữ liệu SAC. Tuy nhiên, để được chính thức nhập vào cơ sở dữ liệu của AIMS có thể cần có hành động khắc phục hậu quả theo yêu cầu (như trường hợp hàng hoá phải có giấy phép hoặc xử lý).

Phụ lục 4: Yêu cầu về tài liệu

Các thông tin sau đây mô tả các yêu cầu về tài liệu cần phải trình cho Bộ Nông nghiệp để phục vụ cho đánh giá nguy cơ hàng nhập khẩu.

Khai báo của bên nhập khẩu

Bản khai báo do bên nhập khẩu hàng cung cấp. Bao gồm tên và thông tin liên lạc của nhà nhập khẩu, chi tiết về hàng hóa và các khai báo cần thiết khác. Bản khai báo phải được ký, ghi ngày tháng và đi kèm với lô hàng.

a.	**Tính đầy đủ –** Tất cả các thông tin được yêu cầu trên tờ khai phải được điền đầy đủ. Các thông tin bổ sung cần có như sau: 1. Bản kê khai phải bao gồm tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu. 2. Bản kê phải chi tiết hóa tất cả các yêu cầu liên quan như được đề cập trong điều kiện nhập khẩu. 3. Bản kê phải được phê chuẩn và đề ngày trong vòng 6 tháng, nếu không có các yêu cầu cụ thể khác trong điều kiện nhập khẩu. 4. Bản kê phải được cụ thể đối với sản phẩm. 5. Bản kê phải sử dụng theo mẫu thư được phê chuẩn của công ty và bao gồm địa chỉ. Điều này sẽ chỉ được chấp nhận từ công ty nhập khẩu hàng hóa.
b.	**Tính rõ ràng** – Tất cả thông tin được yêu cầu đưa vào tài liệu phải rõ ràng.
c.	**Tính hiệu lực** – Nhiều tài liệu, như giấy phép nhập khẩu, chỉ có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định. Các tài liệu xuất trình phải tuân theo các yêu cầu về hiệu lực được cụ thể đối với loại tài liệu đó.
d.	**Bằng tiếng Anh –** Tất cả thông tin yêu cầu cho tài liệu phải được trình bày bằng tiếng Anh. Các trường hợp ngoại lệ bao gồm: 1. Tiêu đề ở phần trên thư của công ty không cần phải dịch sang tiếng Anh nhưng phải sử dụng ký tự tiếng Anh 2. Chứng nhận về thương mại, về vận chuyển và chứng nhận của chính phủ phải tuân theo định dạng tiêu chuẩn quốc tế 3. Chữ ký và tên của các cá nhân. Trường hợp bản kê khai không thể được cung cấp bằng tiếng Anh, một bản tuyên thệ từ một trong các tổ chức/cá nhân sau cũng có thể được chấp nhận: 1. Lãnh sự quán của nước đó tại Úc 2. Đại sứ quán Úc tại nước xuất khẩu

	3. Một người phiên dịch được công nhận bởi Cơ quan công nhận quốc gia đối với Công ty dịch giả và Thông dịch viên.
e.	**Không tẩy xóa và không thay đổi chứng nhận** - Tất cả các thông tin quy định trên tài liệu không được tẩy xóa và thay đổi trừ khi được xác nhận bởi các cơ quan ban hành của tài liệu. Chứng thực chỉ có thể được chấp nhận khi có dấu của công ty hoặc dấu và chữ ký của nhân viên công ty (bao gồm cả tên in) hoặc dấu của cơ quan thuộc chính phủ hoặc đóng dấu và có chữ ký của một nhân viên chính phủ (bao gồm cả tên in) tại nơi có sửa đổi.
f.	Đối với các văn bản có nhiều trang phải: • Kèm theo số tham chiếu riêng/chuỗi ký tự số trên TẤT CẢ các trang của tài liệu. Ví dụ, hóa đơn thương mại (hoặc tương tự) phải có số tham chiếu riêng hoặc chuỗi ký tự số trên mỗi trang của tài liệu. • Có xác nhận ở trang cuối cùng của tài liệu sau thông tin được chứng nhận. Ghi chú: Nếu một văn bản có các tài liệu đính kèm thì các tài liệu này có thể đặt sau phần chứng nhận.
g.	Xác nhận – Tất cả các văn bản phải được xác nhận của đại diện cơ quan ban hành tài liệu. Yêu cầu đối với một xác nhận phải: 1. Có chữ ký hoặc con dấu được xác định như ở phần định nghĩa của điều khoản này. 2. Được đặt ở sau phần thông tin đã ký xác nhận. Nếu văn bản có tài liệu đính kèm thì phần xác nhận có thể để ở phía sau các tài liệu này.
h.	Ngày ban hành – Tất cả các văn bản đều phải có ngày ban hành bao gồm thông tin về ngày, tháng và năm. Các khai báo về đóng gói có thể có thêm số tàu thuyền vận chuyển, thông tin này có thể được sử dụng thay cho ngày ban hành.
i.	Thông tin cụ thể đi kèm với lô hàng – Tất cả các tài liệu trình cho Bộ Nông nghiệp để đánh giá phải có thông tin cụ thể duy nhất đối với lô hàng. Ví dụ về thông tin xác định lô hàng bao gồm: • Số công hàng • Số hóa đơn • Số hóa đơn mua bán • Mã số lô • Số tham chiếu chứng nhận ưu đãi thuế

	• Số chứng nhận y tế • Số danh mục đóng gói • Số thư tín dụng. Khi một tài liệu không bao gồm một trong các biểu mẫu nhận dạng lô hàng đã được chấp nhận thì phải xuất trình chuỗi số nhận diện ở một văn bản khác mà văn bản đó có đề đặc điểm định dạng phù hợp đối với lô hàng. Ví dụ về các chuỗi số có thể được chấp nhận bao gồm: • Số thứ tự • Số tham chiếu • Bất kỳ số tham chiếu nội bộ nào được công ty ở nước ngoài sử dụng • Số tham chiếu đối với tàu/thuyền vận chuyển. Các chuỗi số đơn lẻ không thể được sử dụng làm chuỗi nhận diện lô hàng. Các chuỗi sô không được chấp nhận làm tham chiếu sẽ không được phép sử dụng cho các lô hàng trước hoặc sau đó và có liên quan tới mã số hàng mẫu, chủng loại hoặc hàng tiêu chuẩn. Ví dụ về các các chuỗi số không được chấp nhận bao gồm: • Số lượng kiện hàng. • Khối lượng. • Ngày. • Dụng cụ lưu giữ đàn thủy sản • Mã số hàng. Khai báo đóng gói thường niên không cần có chuỗi kết nối lô hàng cụ thể.

PHẦN II

NỘI DUNG LỆNH TẠM DỪNG NHẬP KHẨU TÔM CHƯA QUA CHẾ BIẾN

- Ngày 06/01/2017, Giám đốc An ninh sinh học (Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước) của Úc đã xác định rằng tôm chưa qua chế biến có nguy cơ gây mất an ninh sinh học và đã đưa ra quyết định về an ninh sinh học 2017, trong đó quy định rằng tôm chưa qua chế biến không được phép mang vào hay nhập khẩu vào lãnh thổ Úc trong thời gian 06 tháng kể từ khi Lệnh này có hiệu lực.

- Các nhóm hàng hóa được áp dụng cho quyết định này bao gồm:

1) Tôm chưa qua chế biến và thịt tôm chưa qua chế biến.

2) Tôm chưa qua chế biến và thịt tôm chưa qua chế biến đã được tẩm ướp để làm thực phẩm.

Ngoại lệ

3) Tuy nhiên, nhóm hàng hóa quy định tại mục (1) không bao gồm:

a) Tôm chưa qua chế biến và thịt tôm chưa qua chế biến có nguồn gốc từ New Caledonia;

b) Tôm chưa qua chế biến và thịt tôm chưa qua chế biến dùng làm nhân bánh bao, chả giò (nem cuốn), bánh gối, các sản phẩm tổng hợp và các sản phẩm tương tự khác;

c) Tôm chưa qua chế biến và thịt tôm chưa qua chế biến được tẩm bột, được nghiền vụn hay được nhồi để làm thực phẩm./.

Phụ lục 4

THÔNG BÁO VỀ THAY ĐỔI TRONG QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU THỦY SẢN VÀO HÀN QUỐC

(Ban hành kèm theo Công văn số 360/TY-TS ngày 03 /3/2017 của Cục Thú y)

Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm Thủy sản Quốc Gia (NFQS)

Bộ Thủy sản (MOF)

49111,337 Haryang-ro, Yeongdo-gu, Busan, Hàn Quốc

Điện thoại: (82-51)400-5710, Fax (82-51)400-5745

Số: NFQS/QI/2017/03

10/01/2017

Kính gửi Quý ông (bà),

Tôi xin phép được gửi lời biết ơn sâu sắc đối với những nỗ lực của ông trong việc xúc tiến thương mại đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

Hàn Quốc đã sửa đổi Luật Kiểm soát dịch bệnh Thủy sản và Luật này sẽ có hiệu lực từ ngày 01/4/2017 để đảm bảo an toàn cho hệ sinh thái thủy sản.

Tôi xin trân trọng thông báo rằng tất cả các loài cá nuôi và cá tự nhiên nhập khẩu vào Hàn Quốc sẽ phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp từ ngày 01/4/2017. Ngoài ra, tôm ướp lạnh hoặc tôm đông lạnh, ngoại trừ tôm bóc vỏ và tôm bỏ đầu, cũng sẽ phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch. Bên cạnh đó, các sản phẩm kiểm dịch xách tay bao gồm cá sống, hàu ướp lạnh, đông lạnh, bào ngư và tôm cũng phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch để được mang vào Hàn Quốc.

- Luật sửa đổi:
    - Chương 25 và 28 của Luật Kiểm soát dịch bệnh thủy sản.
- Nội dung sửa đổi:
    - Tất cả tôm ướp lạnh hoặc đông lạnh nhập khẩu cần phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.
    - Tất cả động vật thủy sản hoang dã nhập khẩu cần phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch do Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp.
    - Tất cả sản phẩm kiểm dịch xách tay đến Hàn Quốc bao gồm động vật thủy sản (tôm ướp lạnh hoặc đông lạnh) cần phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.
- Ngày có hiệu lực: 01/4/2017

Nếu cần thêm thông tin chi tiết đối với những vấn đề trên, xin hãy liên hệ với Hệ thống thông tin SPS trên website của WTO (Thông báo: G/SPS/N/LOR/554/CORR.1), và liên hệ với chúng tôi nếu có bất cứ câu hỏi nào về Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Trân trọng cảm ơn,

Min Byung-Joo

Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm Thủy sản Quốc Gia (NFQS)

Bộ Thủy sản (MOF), Hàn Quốc

Phụ lục 5

TÓM TẮT CÁC BƯỚC XÂY DỰNG CHUỖI SẢN XUẤT AN TOÀN DỊCH BỆNH

(Ban hành kèm theo Công văn số 360 /TY-TS ngày 03/3/2017 của Cục Thú y)

Để tổ chức xây dựng thành công chuỗi sản xuất tôm (bao gồm: Cơ sở sản xuất thức ăn cho tôm, cơ sở sản xuất tôm giống, cơ sở nuôi tôm và cơ sở sơ chế, chế biến tôm) được cơ quan có thẩm quyền của nhập khẩu đánh giá và công nhận an toàn dịch bệnh, Cục Thú y đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

1. Nghiên cứu kỹ các quy định của nước nhập khẩu tôm chưa nấu chín và về chuỗi sản xuất an toàn dịch bệnh; các quy định của Tổ chức Thú y thế giới (OIE) về các biện pháp áp dụng trong thương mại thủy sản và quy định về cơ sở an toàn dịch bệnh; quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng công đoạn sản xuất và tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, nâng cấp các điều kiện về cơ sở hạ tầng sản xuất, nuôi tôm, chế biến của đơn vị, bảo đảm đáp ứng các quy định nêu trên;

- Quy trình, công nghệ sản xuất tôm giống, nuôi tôm, chế biến tôm bảo đảm chất lượng, an toàn dịch bệnh và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu;

- Đầu tư, nâng cấp phòng thử nghiệm của đơn vị bảo đảm các điều kiện ISO 17025 và đăng ký để được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định đủ điều kiện xét nghiệm các bệnh theo quy định hiện hành (đơn vị có thể ký hợp đồng với phòng thử đã được Bộ chỉ định để xét nghiệm mẫu cho đơn vị).

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chủ động để giám sát, bảo đảm không có các loại mầm bệnh trên tôm và Kế hoạch bảo đảm an toàn sinh học.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho tất cả các cán bộ chủ chốt, các cán bộ kỹ thuật và công nhân viên tham gia từng công đoạn của chuỗi sản xuất để nắm rõ và thực hiện đúng các quy định về an toàn dịch bệnh và an toàn sinh học.

5. Tổ chức ghi chép, quản lý thông tin, số liệu các loại và tài liệu một cách đầy đủ, chính xác, logic và dễ truy xuất; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

6. Sau khi thực hiện các nội dung của các điểm 1 – 5 nêu trên, đơn vị chủ động tự đánh giá theo các Bộ tiêu chí của chuỗi cơ sở an toàn dịch bệnh do Cục Thú y ban hành.

7. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh để gửi Cục Thú y rà soát, xem xét, sau đó cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền của Úc để

nghiên cứu, đánh giá và quyết định thành lập đoàn công tác của Úc sang thẩm định điều kiện cụ thể tại chuỗi sản xuất tôm của đơn vị.

8. Đơn vị có văn bản đề nghị và phối hợp với chính quyền, các cơ quan chuyên môn của các địa phương để tổ chức xác định và xây dựng vùng nuôi tôm có nguy cơ thấp nhất có thể, với phạm vi 01 km xung quanh các cơ sở của chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh của đơn vị. Mục đích là để giảm thiểu mối nguy và ngăn chặn sự xâm nhiễm của các loại mầm bệnh từ vùng nuôi xung quanh vào chuỗi sản xuất của đơn vị.

9. Đơn vị cũng cần thành lập Ban chỉ đạo và các Tổ kỹ thuật để phân công rõ nội dung nhiệm vụ cần thực hiện, yêu cầu về chất lượng, thời gian cần hoàn thành; chuẩn bị hồ sơ, số liệu của từng công đoạn và giải đáp các yêu cầu về kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền của Úc.

10. Cục Thú y sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ về kỹ thuật để đơn vị tổ chức xây dựng thành công chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh, nhưng theo yêu cầu của nước nhập khẩu, cần có biên bản ghi nhớ hợp tác, hỗ trợ./.

Phụ lục 6

THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA CÁC CƠ QUAN THÚ Y VÙNG VÀ CỤC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Công văn số 360 /TY-TS ngày 03/3/2017 của Cục Thú y)

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Email	Số điện thoại/Fax
1	Cục Thú y (Phòng Thú y thủy sản)	Phòng Thú y thủy sản, Số 15, Ngõ 78, Giải Phóng, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	tyts.cucthuy@gmail.com	Điện thoại: 04.36290284 Fax: 04.36290286
2	Cơ quan Thú y vùng I	Số 50, Ngõ 102, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	phongdichtev1@gmail.com	Điện thoại: 04.38692627 Fax: 04.38685390
3	Cơ quan Thú y vùng II	Số 23, Đà Nẵng, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	dichtetyv2@gmail.com	Điện thoại: 031.3836511 Fax: 031.3551698
4	Cơ quan Thú y vùng III	Số 51, Nguyễn Sinh Sắc, Cửa Nam, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	phongdichtecoquanthuyvung3@gmail.com	Điện thoại: 038.3842786 Fax: 038.3584159
4	Cơ quan Thú y vùng IV	Số 12, Trần Quý Cáp, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	tyvdn@vnn.vn	Điện thoại: 0511.3822515 Fax: 0511.3826926
5	Cơ quan Thú y vùng V	Tổ 5, Khối 8, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Đắc Lắc	dichtetyv5@gmail.com phongtonghoptyv5@gmail.com	Điện thoại: 0500.3877795 Fax: 0500.3877794
6	Cơ quan Thú y vùng VI	Số 521/1, Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	coquanthuyvung6@raho6.gov.vn phongdichte@raho6.gov.vn	Điện thoại: 08.39483036 Fax: 08.39483031
7	Cơ quan Thú y vùng VII	Số 88, Cách Mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	coquanthuyvung7@gmail.com phongdichterahovii@gmail.com	Điện thoại: 0710.3820203 Fax: 0710.3823386